

KỶ NIỆM
 116 NĂM
 NGÀY SINH
 ÔNG NGUYỄN VĂN VINH
 15-6-1882 o 15-6-1998



1882 o 1936

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI
 1906 o 1936

85 NĂM
 ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ
 15-5-1913 ÷ 15-5-1998
 BƯỚC NGOẶT QUYẾT ĐỊNH CỦA
 CÁCH MẠNG VĂN HOÁ CHỦ QUỐC NGŨ
 TUYỂN TẬP SỐ 1 1913



NGUYỄN THỊ MƯỜI VÀ BÙI TƯỜNG TRÁC

NHỜ ĐÀN BÀ

85 NĂM ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ CÁCH MẠNG VĂN HÓA CHỮ QUỐC NGŨ

15 - 5 - 1913

15 - 5 - 1998

CUỘC CÁCH MẠNG CHỮ VIỆT :

Từ thượng cổ người Việt Nam chỉ có tiếng nói (ngôn ngữ nói) mà không hề có chữ viết. Lời nói thoảng qua bay theo gió, mọi sinh hoạt xã hội, từ công việc hành chính của Vua quan tới các hoạt động quân sự, văn hóa, văn nghệ ... Không có chữ viết, một thế kỷ qua đó, 18 đời Vua Hùng qua đi, chỉ lưu gọn lại một trang sử truyền thuyết. Làm sao có văn minh, tiến bộ. Vì thế dưới ách đô hộ của Trung Quốc, vừa chịu áp bức của Trung Quốc, vừa thấy sự cần thiết sinh tử phải có chữ viết, từ thế kỷ đầu Công Nguyên Vua quan đã tự nguyện tiếp nhận chữ Hán, tổ chức thi chữ Hán, sử dụng chữ Hán trong các văn bản các tự đất nước, một tầng lớp trí thức Hán học ra đời. Trạng nguyên, tiến sĩ, cử nhân, tú tài Hán học chiếm ngôi cao chức trọng, chiếm vị trí ưu đãi trong bộ máy Vua quan. Văn thơ bằng chữ Hán xuất hiện. Bộ mặt xã hội thay đổi hẳn. Tuy vậy chữ Hán là chữ viết của tiếng Trung Quốc. Học chữ Hán có nghĩa là phải học kiểu tiếng Trung Quốc một cách toàn diện, chữ viết Trung Quốc, văn học Trung Quốc. Vì vậy rất khó, 10 năm đèn sách chưa chắc đã đọc thông các văn tự. Trong nhân dân đã mấy người biết chữ Hán. Vấn đề của Việt Nam, tư tưởng Việt Nam ... viết ra bằng chữ Hán đối với nhân dân như vịt nghe sấm, đâu có hiểu gì. Vua quan và trí thức Việt nam dùng chữ Hán mà không tác động vào tâm trí nhân dân, không nâng cao được dân trí Việt Nam. Các Vua quan và trí thức.

Hán học Việt Nam thấy nhất thiết phải có ngay một cách viết tiếng Việt, để hoàn chỉnh ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết tiếng Việt. Đó là chữ Nôm. Văn bản viết bằng chữ Nôm đọc lên mọi người Việt Nam đều hiểu. Vì thế khi chữ Nôm ra đời từ thời Lý Trần, phát triển nhanh và đến thời Quang Trung, thành ngôn ngữ chính thống trong triều, các văn bản hành chính của Vua quan đều viết bằng chữ Nôm, văn thơ

chữ Nôm nờ rộ. Tuy vậy cách viết chữ Nôm là dựa vào cách viết chữ Hán mà đặt ra nên cách viết, cách đọc đều rất phức tạp, khó khăn. Chung quy vẫn chưa phải là thứ chữ phổ biến trong đại đa số nhân dân Việt Nam. Đọc lên thì ai cũng hiểu nhưng mấy ai đã viết được chữ Nôm, đọc được chữ nôm. Chính nhằm khắc phục khó khăn này trong công việc truyền giáo ở Việt Nam mà cha cố A. de Rhodes đã sáng tạo ra chữ viết tiếng Việt dựa theo mẫu tự tiếng Latinh : để đọc, để viết, để truyền giáo bằng tiếng Việt. Xuất bản "Giáo lý cương yếu" và Kinh thánh bằng tiếng Việt. Nhờ vậy, mặc dù công việc truyền giáo bị các Vua quan cấm chỉ nghiêm ngặt trong hơn 2 thế kỷ (từ 1651 đến 1862) công việc truyền đạo vẫn tồn tại ở mức độ nhất định. Khi thực dân Pháp chiếm xong ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường thì cách viết Tiếng Việt theo mẫu tự Latinh được sử dụng ngày càng nhiều, mở rộng trong nhiều lĩnh vực. Đó là khởi điểm biến thành chữ Quốc ngữ, song song tồn tại với chữ Hán và chữ Nôm. Ở miền Bắc, cuộc vận động mạnh mẽ dùng chữ Quốc ngữ bắt đầu từ 1907. Đó thực sự là cuộc cách mạng chữ viết, đưa chữ Quốc ngữ lên địa vị độc tôn, do các nhà trí thức tân học đứng ra chủ trương và tổ chức với khẩu hiệu : "Nước Nam ta mai sau hay dở cũng ở như chữ Quốc ngữ" phong trào dùng chữ Quốc ngữ nờ rộ. Xuất bản Đảng cổ tụng báo, tờ báo ngôn luận đầu tiên viết bằng chữ Quốc ngữ do ông Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút. Trường Đông kinh nghĩa thực của các nhà nho duy tân yêu nước dạy tiếng Pháp và tiếng Việt, sử dụng chữ Quốc ngữ, do ông Nguyễn Văn Vĩnh đứng ra thành lập và tham ra giảng dạy, mở hội trí tri do ông Nguyễn Liên làm chủ hội, ông Nguyễn Văn Vĩnh vừa là sáng lập viên vừa là chủ tịch ban diễn thuyết và giảng sách... Đó là trường tư thực đầu tiên dạy chữ quốc ngữ ở miền Bắc, cuối cùng là hội dịch sách do ông Đỗ Văn Tâm làm trường hội, ông Nguyễn Văn Vĩnh là người sáng lập và tham gia tích cực hoạt động dịch sách Hán văn, Hán văn ra chữ quốc ngữ, dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt hoặc ngược lại. Rất đáng thán phục chỉ trong một năm mở ra 4 việc lớn nói trên, mỗi việc đều có người phụ trách, thu hút được nhiều người tham gia tích cực, được đại đa số nhân dân thuộc

mọi tầng lớp nhiệt liệt hưởng ứng. Chỉ trong mấy năm khởi đầu cuộc vận động, dần dần chữ Quốc ngữ đã chiếm lĩnh trận địa, hoạt động trong mọi lĩnh vực của cuộc sống đời thường. Số người học chữ Quốc ngữ nhiều gấp bội số người học chữ Hán, và chỉ học một tháng là đọc thông viết thạo, nên số người biết chữ Quốc ngữ tăng lên rất nhanh. Một người biết, đọc lên cả trăm người nghe đều hiểu ngay. Đó là ưu thế của chữ Quốc ngữ trong việc truyền bá các tư tưởng mới, các vấn đề mới, các hành động mới của dân tộc Việt Nam phải có để thoát khỏi lạc hậu, để văn minh bằng người. Cửa đã mở. Nguyễn Văn Vĩnh cùng với nhóm tân học và các cộng tác viên chí cốt của mình tiến lên một bước quyết định : ra tờ Đông Dương tạp chí số 1 ngày 15/5/1913.

Đông dương tạp chí tiếp nối Đảng cổ tụng báo và Lục tinh tân văn, nhưng là một bước nhảy vọt trong làng báo Việt nam : là tờ báo tư nhân đầu tiên ở miền Bắc Trung Kỳ Việt Nam, viết toàn bằng chữ Quốc ngữ, báo bán cho đối tượng độc giả rộng rãi, độc lập về tài chính từ đó giữ được tính độc lập và thiết thực về nội dung. Nguyễn Văn Vĩnh là chủ bút cùng với các cộng tác viên then chốt và tài ba, đã gắn bó với nhau trong 4 phong trào trước, phấn đấu cho lý tưởng : người Việt nam thống nhất dùng chữ Quốc ngữ, hoàn chỉnh Quốc ngữ để sử dụng trong mọi lĩnh vực : tư tưởng, chính trị, hành chính, khoa học, xã hội, sáng tác văn nghệ...v.v.. Quốc ngữ nờ rộ trong Đông Dương tạp chí, được thử thách rèn luyện thành một ngôn ngữ trong sang, đủ sức thực hiện mục tiêu rất phong phú của tờ báo thể hiện trong các mục : phổ biến pháp luật, khoa học, nông học, công nghệ thương mại tất cả đều viết một cách thiết thực, giản dị, dễ hiểu, dễ học. Nhằm mục đích xây dựng xã hội Việt nam văn minh và lành mạnh. Nguyễn Văn Vĩnh viết các bài bình luận đều đặn đăng trong mỗi số báo dưới đề mục : Xét tặt mình, nhời dân bà, phận làm dân, chính đốn cách cai trị dân xã ... Phan Kế Bính, Nguyễn Đỗ Mục, Phạm Duy Tồn, tham gia viết các bài khảo cứu, bình luận về nhiều vấn đề văn hóa, xã hội ... vừa hấp dẫn người đọc, vừa động viên khuyến khích đông đảo bạn đọc tham gia viết bài trên báo, biến báo thành cơ quan ngôn luận của chính bạn đọc.

Sau đây xin giới thiệu Đông dương tạp chí về từng mục trong mỗi năm.

1 - Đã có mặt trong Đảng cổ tòng báo "Nhời đàn bà" thường xuyên có mặt

trở lại trên Đông Dương tạp chí từ số 5 : do Nguyễn Văn Vĩnh phụ trách với bút danh Đào thị Loan. phụ nữ thời này đã được học hành, có đủ khả năng tham gia diễn đàn nhiều mặt. Đàn bà là 1/2 của nhân loại gắn với đàn ông như hình với bóng có thể phát huy tiềm năng, phát hiện và sửa chữa những thói hư tật xấu đang ngày càng nhiều của cánh đàn ông, làm thì ít, ăn chơi thì nhiều, cờ bạc, hát sướng. (ĐDTC số 5)

Nhời đàn-bà

Quý quán thưa bà.

Chết nói là lẽ thường nhời nói người ta cũng một tuổi một già hay sao, mà thân thời mới có năm năm giới, sự gì quán ăn cần làm sao, nay quý quán lại làm hư như thế.

Báo « Đông-dương » ra đã được bốn kỳ rồi, mà đến hôm nay chồm thềm khê mới được coi.

Mừng mà lại giận.

Mừng cho dân Bắc-kỳ ta lại được như em rộng Nhà-nước được nhứt-hiến mà xem cho mở trí khôn ra, và được biết dịch sách mọi việc thời-sự, khỏi phải nghe những lời nói cần đến bậy.

Giận là giận quý quán khi nhãng.

Thì tưởng rằng báo « Đông-cổ » khi xưa, có phụ phích một đôi lời non dại của thi, thì các quan duyệt báo cũng lấy làm vui, chẳng có ai ghét chỉ lời me bém.

Từ ấy đến nay, thì vẫn mong đợi có nhứt-báo, mong như mẹ về chợ, thì mà

[báo « Đông-dương » đã ra bốn kỳ, may mà có em nó mua về coi mới biết, thì ai là chẳng giận.

Thế thì quý-quán có cho thi đưa nhời nữa không ?

Thì trộm nghĩ rằng : lời hay là phải thì đã thiên chỉ quân-tử, nhưng mà thuộc đáng cũng phải có dư-vi, nếu nó dễ chối. Để quý-quán cho phép thi mỗi tuần đi đi vài câu, thì thi xin có khéo đem quả ngọt thề bới mà pha với những nhời cay đắng.

Nữ-bro mà nay nay cũng thêm ra được nhiều diễn nghị luận.

Ôn như Nhà-nước có mở nữ-bro-dưỡng, để cho lũ đạo-tơ được tập thành kim-chí bút nghiên, một số thừ hành, thì hệ nội-chợ chúng tôi cũng đã thông hiểu ra nhiều, giả có được ăn nói thì cũng khá đi có kinh có điển được, không phải bần hủ họa như năm xưa nữa.

Và trong cái đạo thài-gia, xét ra ở nước Nam này cần phải dạy nên những tay nội-chợ giỏi. Phải giũnh-ráo may như gió cần-minh cũng được như vậy, thì lại phải chuyển vào tài khuyến-dó cho ai giữ phận làm người.

Nam-nhì nước Nam ta độ này làm kẻ thật hư. Học hành thì ít, ăn chơi quá đỗi là nhiều. Cờ bạc mỗi ngày một thịnh, mà mới khéo đầu cái cuộc ít-đi.

Bán buôn thì ít, trộm nghĩ đồ đi như bôn. Thì giờ chẳng quản bỏ hoài. Suốt đêm họ dần dần kín, mồm miệng chỉ văng câu nói tục.

Nào thán-cây, nào giâm-giường, những tiếng dân ma mồm lạ lại !

Thằng nào già thông ấy ỉn, tụi ông đây, hai đời cầm bắt thông mìn-sân.

Đứa nào non đũa ấy chấp, tiền ta hèn, ba ông lão lùa đũa trộm-gà.

Vòng-bay, ú-mần, mèo-miêng, cày-bôi, những tiếng chi chi nghe, đã khó chịu. Tiếng An-nam chỉ thấy giàu thêm những chữ ừ thối.

Những tệ ấy, phải có chỉ em, hèn

nhau tìm cách trị mới xong.

Nhà-nước cũng mới có một cách răn: Nhà nào gái chưa lấy chồng, để cho lấy tiền nuôi giặc. Thế mà họ có sợ đâu. Đêm nào chẳng đánh

Thối để kì sau, lại xin luận đôn. Nhà nào chưa gái liêu mà giữ hôn, không thì thì nói chẳng ra làm sao, chủ tịch thì mồm loa mồm dài.

Đào-thị-Loan

2 - Cái hay của đàn bà là biết mình biết ta, trách người dấy nhưng cũng

biết tự trách mình nên thuộc đã tật mà không đáng. Vì sao các ông ưa đi hát à đào ?

Thưa rằng : "Đã sinh ra kiếp đàn ông, lúc nào cũng cần nghỉ ngơi ở chốn êm ái, eo tiêng trong, giáng đẹp làm cảnh, mà đóng khung ở chốn khuê phòng cũng cho phải đẹp mặt sạch sẽ". Xem ra ít bà nhận ra điều này để chiều lòng các ông. Tuy bản chất của phụ nữ là thích làm đẹp cho mình, cho nhà mình, hiển nhiên đó là sức hút các ông. Thế nhưng, đa số các bà sau đũa con đầu lòng hầu như "tuồng ngay ta đã có quyền vut cái làm dóm đi rồi", quần áo lôi thôi, lổc thốc, đầu tóc bù xù, nơi ăn chòn ở thì nhem nhếch ... ở nhà cái đẹp, cái gọn ghẽ không còn, làm gì các ông chẳng đi tìm ở ngoài. Tất nhiên các ông như thế là đáng trách, nhưng các bà cũng phải tùy theo điều kiện kinh tế cho phép mà biết làm đẹp, biết tạo cho các ông một tổ ấm êm ái, gọn gàng, lịch sự, các ông thích thế, đâu có phải nhiều tiền mới làm được (ĐDTC số 6).

Nhời đàn-bà

Các bà thường cứ kên rằng các ông hay đi hát.

Tôi xin nói mấy điều để giải cho chi em biết căn cứ cái tệ ấy ở đâu mà ra, để các bà tìm cách mà răn các ông và giữ các ông ở nhà.

Tôi nói thế này, thì chắc ông nào cũng không chịu. Nhưng mà chịu hay

không mặc dầu, quý-bố các ông hiền thiện mà trả đi, để chi em chúng tôi đỡ phải nước mắt ngàn nước mắt đời thì thôi.

Cố hàng Giày và ở dưới Ấp không có ma nào nó đùn dúi cả. Các ông đến đây bị hổ như vui mà được cái bụi hie nào cũng có chiều trắng nõn, tôi đến cái đôn đủ xấu đủ đẹp, đủ đèn quang bốn hào, đủ đèn điện 50 nên, nhưng mà lau sạch sẽ sáng choang, dưới bóng đèn lại có mây á, mỗi sơn mỗi phần, đủ chẳng thực đẹp, đủ đường ngôi mới

lóc có vụng dại, nhưng cũng còn có ý tìm kiếm cái đẹp ít nhiều. Mà ở đâu có ý cầu đẹp một chút nó mới ra là có đàn-bà. Sự cầu-đẹp, và sự làm dáng là một tính tự-nhiên của đàn-bà, cho nên người sứt-môi cũng còn soi gương, tự hó như dùng cái sứt để mà lộ chỗ không sứt ra. TỰ-nhiên lúc cầm cái gương soi lên, bụng cũng nghĩ rằng: « Chắc kẻ khác trông ta phải tức chỗ này nó chẳng lành, gì mà nó lành thì đẹp dần dần ! »

Thò là đủ biết, đàn-bà phải có làm-giáng, mà đàn ông có thấy tí làm-giáng, thì mới trông thấy đàn-bà.

Các bà chỉ quên mất một câu đó, cho nên các ông phải đi kiếm ở ngoài, cái làm-giáng nó thìêu ở nhà.

(Kìa như các nhà ta, các bà đi về nhà chồng, giáng giấp có giữ cũng chỉ được đến đến đầu lông là cũng. Họ được bóng bệ dĩa con, là các bà tưởng ngay ta đã có quyết vứt cái làm-dâm đi rồi, thôi thì áo quần lối thời lã thũ, đầu tóc bù xù, cái khăn quần bầy quần bả, nó muốn ra giáng gì cũng xong.

Nơi ăn chôn ngủ thì màn nâu, chôn với nhem nhem.)

3 - Vấn đề sinh đẻ phải là mối quan tâm hàng đầu của mọi gia đình, đặc

biệt là các bà mẹ vì nó mở đầu cho việc xây dựng gia đình mà hiện nay còn bị chi phối bởi nhiều điều hủ lậu, tác hại rất lớn cả mẹ lẫn con. Hủ lậu thứ nhất là : không biết thế nào là vệ sinh trong khi sinh nở. Các bà đỡ không được học tập, đỡ theo thói quen hoàn toàn mất vệ sinh mà tưởng là hay. không biết đến các biện pháp vô trùng cho tay mình và công cụ, việc cắt rốn bằng dao nửa... Rất dễ dẫn đến bệnh uốn ván ở cả mẹ lẫn con.

Hủ lậu thứ hai là: quan niệm việc sinh đẻ là việc riêng của đàn bà không đáng để các ông chú ý nên sau khi sinh nở bà mẹ vừa hoàn thành một nhiệm vụ vinh quang nhưng rất khó nhọc lại phải chịu vào một nơi tối tăm khuất mắt các ông để các ông

Cái sống cái áo, hết vàng hoa tai, thì tự hó như một cái cách để dành tiền, khoe của mà thôi. Bàn cái áo chỉ gọi là dùng cái tơ lụa là đồ khác, đã mà che mặt thiên-hạ khỏi trông thấy cái nhem nhớp trong, là cái thên, mà thôi. Mặc the lụa mà theo lệ, không phải là mặc lấy nhân lấy đẹp.

Như thế thì trích nào, các ông khò đi tìm ở nơi khác, gọi là cho lại thấy cái bóng bóng khi xưa của các bà, đem bỏ quên đầu ở cổ trông năm búp dĩa đầu lông mặt rồi.

Vậy thì các bà muốn giữ các ông ở nhà, chỉ nên nhờ lấy một câu rằng: phẩm đã sinh ra kiếp đàn-ông, lúc nào cũng cần nghĩ ngợi ở chôn chôn ai, có tiếng chong giáng đẹp làm anh, mà đóng khung ở một nơi khuất-phòng cũng cho phải đẹp một sạch sẽ.

Chờ có người là phải có nhiều tiền mới giữ được nhà cửa cho đẹp để lịch sự đầu. Tuy gia tư, cũng có nhà họ, cũng có nhà kém, nhưng mà cái tiền sang nơi ăn chôn người, cái ăn mặc lịch sự là tại tình người. Người biết làm giáng cái mụn nên găm nên hoa,

khỏi bị sui, những ngày năm búp này thật phần khoa học; bất kỳ thời tiết thế nào, cứ phải đóng kín cửa, cứ phải có than đồng dưới giường, đồ dùng thì cũ kỹ trong điều kiện mẹ con đều mới sinh nở, sinh hoạt chưa bình thường làm sao tránh khỏi không khí nặng nề hôi hám. Hại sức khỏe đã đành mà cũng vì cơ ấy các ông không để ý, cho nên sự hủ lậu này cứ kéo dài, cứ cho là người đàn bà đẻ là đơ bản chung quy chỉ vì không biết giữ vệ sinh, cho nên khi sinh nở không nên dùng các chân màn tã lót màu nâu quá cũ kỹ, bản không trông thấy để giặt ngay. Nên dùng các thứ màu trắng, còn bền, hễ dính bẩn là thấy ngay, giặt bằng xà phòng kỹ ngay, phơi nắng thì còn sạch hơn các thứ bằng tơ lụa nhưng để hàng tháng không giặt. Coi người đàn bà đẻ là đơ bản chính lỗi tại sự quá lạc hậu của người đàn ông, không biết thế nào là sạch thế nào là vệ sinh. Các bà cũng không biết nên đành chịu khổ mà theo (ĐĐTC số 8.9.11).

SA 8 **Nhời đàn-bà**
(Propos de Femme)

Khi này tôi xin bàn đến việc nuôi con. (Bố u ở họ đã có con chưa mà làm làm, thì tôi xin thưa ngay rằng: Tuy không còn chưa có, song cũng đã như em Nhài-nương mới ra trường dạy Sát-phẩm (Sages-femmes), bà-lời thì em cũng là được tập tình tại ba năm, giờ thế em được năm nữa, thì ngày nay cũng đã một mình coi nhi-thương tình nào rồi. Song Đệ em cứ nghĩ quỉa, sợ một mình chọi chọi đi làm việc một nhà-thương nào với một thầy-độc chưa vợ thì bất-tiện. Trong chỗ đầu ta hủ-lậu, có thầy-một người thì bà ở gần người đàn-ông thì tất-nhiên có nó kia, cho nên thành ra em học qua được chút thuật mới, mà hành phải đem vô giúp em em trong nhà thôi.)

Nhưng mà việc nuôi con em tình, vì em men trẻ, mà lại biết rằng, trong

cái việc tâm thương săn-nom hi-mở, có cái chửa-phận nhơn nhao, vậy nên tôi gióng anh-bào mai sau của anh-bào.

Việc sinh nở, việc nuôi con, ngày nay An-nam ta tuy cũng đã nhiều bà tin dùng bó tay, nhưng cũng còn làm điều hủ-lậu đại-sốt quỉ.

Thường thì em cư tin ở mấy bà-tam cũ, làm ăn đơ dầy, kiêng kheim những cái lo đời, như là phải lấy dao-nửa mà cắt rốn, không biết rằng trong mười đứa trẻ chửa-cứ thì chín đứa bởi việc cắt-rốn bất-cẩn, dùng phải cái nửa bản có con trùng *aden-cin* ở trong ấy, nó truyền vào máu rốn đứa bé, rồi độ sáu bảy ngày phải ra cái chứng không thuốc nào chữa được.

Bởi thế cho nên trong phép tay, đem con trao cái kéo mà đun-xối lên trước khi cắt, là để cho nó chết hết giông trùng đã, rồi cắt vào thì không sợ gì cả.

Muốn nghiệm điều ấy cho mà tin, thì thử em đem một con dao sắc, đun sôi lên, dùng mà cắt vào đùi, rồi

lấy bằng hoặc mìn cũng đun sôi rồi mà hớt lại. thì chỗ cũt không bao giờ sưng được. không bao giờ thành loét gì được. Thế mà dùng con dao bén mà cắt vào da, thì sưng lên mà không khỏi chữa. thì chớa thành ung-dộc có khi lên chớt dướt.

Vả trong phép mổ, phép khâu, an-nam thường có tướng quan Tây dùng thứ thuốc-dầu gì lạ cho chỗ mổ không sưng và chóng hàn lại. Thứ thì chẳng có thuốc gì riêng cả, chỉ cốt giữ đồ làm-lão, kéo, bông, mụn, chân tay cho thanh khiết. thì da người cắt ra, hễ hớt lại từ dưng nó phải hàn.

Em phải nói cùn kẻ thù, thì người ta mới tin việc đun sôi đồ làm thuốc là có lợi. Mà phạm những đồ đã đun sôi, lại hớt chỗ có mổ vào, hễ nhỏ mó phải thì lại phải đun lại.

Điền hú-lậu thứ hai là đồ xông ăn kiêng, không dám ăn đồ béo, chỉ quanh quẩn mắm nước, nước, thịt nạc, dưa cho, đồ lên đều, bình cây mà thôi, mùa nưc như vậy giờ không sao nước được, thành ra kém ăn yêu dĩ, mà người đồ thì là mới làm xong một việc khổ nhọc lắm. Thế thì cần phải bỏ lại.

Sự kiêng đồ, hơi An-nam ta tin ở nhờ sau này, là khi trong phũ tạng thân thể có thương, hễ khí-huyết sung thì thương hay nặng, mà khí-huyết nhược thì thương nhẹ, ít hay sưng. Ý hẳn bởi nhờ ấy cho nên An-nam tục vẫn cứ báo người lành-da, dữ-da, chẳng qua là người huyết xấu khi có thương sưng tấy. Yêu thì gọi là lành-da, người huyết vượng khi có thương nó sưng mạnh thì gọi là giữ-da. Cho nên ta thường có thương tích, phải ăn kiêng những vị bổ huyết, cầu cho nó yên dĩ. Đồ cũng là một cái thương nang, cho nên theo như ấy mà ăn kiêng.

Lý ấy là một lý sai, có thương thì cốt

giữ chỗ thương cho sạch, dùng nhưn thứ thuốc trừ trùng như thuốc lư của tây, thường gọi là thuốc Be-măn (Permanganate de potasse) mà rửa luôn dĩ, thì không sưng không đau, hễ tái phải nhin ăn cho nó xanh xo gây mòn người dĩ, phải nên biết rằng người mạnh thì như một cái thành vững giữ với giặc hành, mà người yếu thì không chống lại được và niềng vi-trùng.

Kể còn nhiều điều nên nói nữa nhưng xin để dần dần.

Đào-tư-Loan

sa 9 **Nhời đàn-bà**
(Propos Femme)

Đàn-bà ta để cho là *nữ hiệp*, vì việc để cho làm việc dễ-tiền xấu-xu, phải trui vào một số nào khuất mắt các ông dĩ. Tráng vào một cũ, con gái thì 7 ngày, gái thì 9 ngày, đàn-ông không dám lên gần, sợ nó... tở dĩ dĩ.

Chữ *nữ hiệp* thường thì chỗ kín gió nhất, lại còn thêm vài ba cái cáu-xếp. Dưới trông bao giờ cũng phải có hôn-lễ than bất kỳ giới ực, giới lạnh.

Hơi có đau bụng hay là bất-yên một tí thì lại còn dốt chối-xé hoặc ki-sen, khỏi mà có lên.

Cái chầu cái mãn thì phải chọn những đồ cũ rách xâu xỉ mới dùng vào cái việc cực nhọc ấy được. Những đồ đồ dùng vào việc hy rồi thì chớ có đồ cũc ông mò vào mà... phải tội, chết!

Đây nhiều điều nghĩ ra thực là giã-man vô cùng. Nếu em tin những điều dai dặt ấy, thì cách đưỡng-giữ trẻ con làm sao cho tin-hồn được.

Đàn-bà ta thì chưa có học thức này, mà đàn-ông thì cho việc sinh đẻ làm đơ chấy xâu xa, sợ đẻ dĩ ra ngoài trường sự anh em chớ: « Ăn cơm dần dần ». Hình như có ý oán: con này sao lại đẻ, đẻ cho ông bị chứng nhưo? »

Thành ra cái việc to nhỏm nhất trong phũ-sự vợ-chồng, trong cái mực-dịch dĩ ăn, trong cái chửc-dịch loài người ta cũng các động-vật, mà lại bằng chớ nhất, khinh bỏ nhất, sợ đẻ tấy mây bỏ con giở theo tự hú-lậu mà làm, chớ không có ai tìm cách hay, mà mỗi ngày cái-hương cái việc vun bồi giềng nời người ta ấy, cho nó mạnh thêm, khôn thêm ra.

Việc kiêng gió thì cũng phải biết, nhưng mà kiêng gió làm chấy không phải kiêng mặt. Đốt lửa cho nó ấm, chớ không phải đốt lửa lấy hơi lên, lấy hơi mà trừ cái gì đấy.

Người đàn-bà nguyên khí đẻ phải dùng sữa, có vàng, mà dùng sữa thì lâu đến hóa trong mình, cho nên lúc xô rồi, người thầy thuốc thì lúc nào phải giữ cho khỏi có gió lùa vào mình giới cũ rồi thì mới phải dot lửa cho n ấm chỗ nóm, nhưng mà dot thì thế nó thầy đẻ chịn thì thôi, hễ mình khư thấy rét thì đừng dot làm gì. Giữ 20 là giữ gió lùa mà thôi, chớ không phải giữ cho kín, vì người ta lúc nào phải cầu có không-khí mát vào phải mà thế thì mới ngủ được cái nhọc. Nếu đã nhọc rồi mà lại bị khỏi, bị nóng quá, nhột hời, thì hơi người làm.

Cái chầu, cái mãn thì nên đưỡng những đồ trắng sạch, chớ tin rằng những màu mỡ của người đẻ đẻ đẹp hơn cái khác. Phạm những chất ó trong thân thể mà ra ngoài, phỉn, nước tiểu, máu, nước rỏ, mồ hôi, thì chẳng qua bao giờ cũng làm như nhau cả. Biết lau rửa giặt rửa ngay dĩ, thì là sạch, mà đẻ trước thì là bẩn. Đồ trong cây máu mỡ mà đun nước sôi giặt thì lại sạch, chửc sạch hơn cái khăn chít dàu để một tháng không giặt. Bao giờ ta có tin được cái điều người thổi củ của ta ấy, thì mới thực là tin được thuốc này.

Các bà ở cũ lại còn một điều lại nữa là khi mới xô xong, phải có sữa mà ăn hết mấy bát cơm tí-lu, tưởng là ăn thì đẻ bỏ lại cái sữa mới tón.

Thò là làm. Người ta phải ăn mới sống, nhưng mà ăn cũng là một việc khó nhọc. Nôm như khi ăn cơm no rồi, hay buồn ngủ, là vì vị tiêu đồ ăn cũng là làm một việc có tốn lực.

Vừa mới tốn lực xong mà lại làm thêm một việc tốn lực nữa, thực là cần.

Người nào khỏe, xô xong thấy đỡ thì nên ăn, nhưng mà phải ăn chớ nước sực, hoặc là đồ gì dễ tiêu chớ không nên ăn quá lực, mà lại khó mà, như là ba bát-chậu cơm, với 3 bát cháo.

Cái sinh ra người ta phải ăn 20 nên, cái gì kiêng nên, nghe ở trong mình từ bụng đã biết, đời thì mới ăn khỏi thì mới sống, rết thì mới sống. Làm đưỡng gi cơng là trái phép cả thôi.

Đào-tư-Loan

sa 11 **Nhời đàn-bà**
(Propos de Femme)

Ki báo trước em nói như nhời rằng: những đồ và những lót có vậy mịn mà giặt kỹ dĩ, thì còn sạch hơn là

đồ tơ lụa, thường mang ở nơi khác sang-trọng hơn, mà dễ hàng thường không giặt. Em chớ nhớ nói cùn ấy, thì nhiều ông giận lắm. Rận sau xin có ý từ, nhưng mà xin các ông nghĩ cho chần rồi hãy chớ em. Các ông là đàn-ông, em tưởng rằng nên chớ em những nhời vì nỏ, non đại, biết thật mà chẳng dám nói đến nơi, sợ nó chớa phong tục quá, mà chớ nhời phụ-nữ, kém bé thật-thả hùng dũng, thì mới phải, ai ngờ các bà-trẻ lại trách thì nói thật-thả.

Nhân có điều trách ấy, em xin phép kỹ này hãy hoãn một lần đưỡng cách nuôi trẻ, để mà bàn luận một cái lý-lưỡng khế hợp hời của các quàn-anh.

Đám các quàn-anh, em đây tưởng thì cũng nhà hàng-huyết chớ đâu biết những lời xô xiên, quả là em cứ thừ

mà nói, mà thực ra thì các quan anh út ngấm xem có thể không? Và em tưởng muốn cho tiết được cái tục gần coi người đầu-bà để làm dơ bẩn, thì chỉ bằng nói rõ đến tận nơi, cho nó rành rành cái kiêng kị của mấy người đến-lit.

Khi em còn làm việc ở trong nhà-thường em thấy nhiều người sợ nhà-thường không dám ở, vì phải dùng những đồ trắng, quần, áo, chăn, đệm, tuy có người đim trước đã dùng rồi, nhưng mà đã đem nấu giặt rửa sạch sẽ, mà người An-nam ta mới đến thì ghê, kêu là bẩn và hơi-hương. Những sự kiêng sợ ấy, giờ thì ở mấy người quen tính sạch sẽ xưa nay, thì không lạ lắm. Chính những người hay kiêng ấy, thường lại là những người ở bên, cái khăn bông len những mớ-hối và ghê, cái cổ áo thì bở lên, thế mà những đồ người ta đem nấu giặt rồi thì chớ bẩn. Các quan-anh thì xét xem những người ấy, họ ăn làm cho họ biết phần cái gì thế bẩn, cái gì thế sạch, thì chỉ bằng mời người ta thử ngồi cái khăn lụa, cái cổ áo lụa, xong rồi người cái đó vãi trắng giặt rồi, xem bản chính ở đâu.

Như thế mà các ông lại bảo em nói láo, thì thực oan quá. Em thiết tưởng nhời nói nhẹ như bèo dền thì là cũng không có cách nào nữa hơn nữa.

Các quan-anh đã biết chưa? Nhấn thế em xin nói một cái mục ở sạch.

Người đầu-bà An-nam có hai nơi là ở sạch nhất thiên-hạ, trước không có nước nào ở sạch hơn, một là cái đầu, hai là cái răng. Đầu là búi đầu-bà đẹp ở cái đường-ngồi, cái đuôi-gà, với cái bộ răng. Đầu có sạch thì tóc mới chóng dài, mới si rụng, mới trên mượt, đầu ngồi mới nhẵn, đuôi gà mới dài; răng nhuộm đen, hơi đỏ bên, nó ra cái-mả, cho nên mỗi bữa cơm phải mài một giờ vào việc siá răng.

Như vậy thừi em tưởng cái đường ở sạch, không ai phải dạy chị em chúng tôi, duy chỉ có lúc thai nghén, vì mấy điều kiêng kị như, há-tiền-vụng, mà hóa ra nơi mẹ con ngủ có hai mùi: Một là mùi khai nước tiểu, hai là mùi hôi sữa. Mùi nước tiểu là vì há-tiền lót, cứ si trẻ đi ngay chân giường, bảo rằng nước tiểu trẻ như nước lá, dãi một chốc nó khô đi có làm sao. Mùi hôi sữa là vì kiêng không đim cho sữa chảy ra ngoài. Con bú có ướt đầu vú thì lấy khăn mà vắt, rồi không thay ngay đi. Sữa để đọng đó một giờ thì hôi ra.

Hai điều ấy khi trời về-sinh. Bà nào muốn thực sạch thì nên sẽ lấy độ hơn 10 cái lót, mỗi lần trẻ là dãi thì thay ngay để ra một nơi, được độ ba bốn cái thì đem giặt một lần, như vậy thì lúc nào cũng có sẵn lót khô mà sạch. Còn sữa trôi vào yếm thì là một điều có nguy-hiểm, vì một li sữa chửa trôi với sữa lành thì bằng cả. Cái sữa chửa dính ở yếm rồi bị dính vào đầu vú, cho trẻ bú phải thì nó sinh ra đi loét.

Mỗi bận cho trẻ bú nên rửa đầu vú bằng nước sạch, rồi lấy khăn rửa mà lau đi. Sữa xuống nhiều quá mà chảy ra yếm thì không nên để quá nửa giờ, phải thay yếm đi cho sạch cho ráo.

Kỳ sau, xin bàn những cách phải làm cho những bà mụ mụ, chớ gọi bà-dũ, hoặc ở xa xôi không đi gọi được thì phải làm thế nào.

Đào-thu-Loan.

Giống người bắt từ chính nhờ có sự sinh đẻ cho nên cái cách việc sinh đẻ là rất quan trọng. Trong gia đình cả người đàn ông lẫn người đàn bà, cả vợ lẫn chồng đều phải biết sinh đẻ thế nào cho khoa học, bảo đảm cho mẹ tròn con vuông, điều kiện khởi thủy để nòi giống phát triển lành mạnh. Muốn vậy xin mời tất cả hãy đọc và học các sách dạy việc sinh đẻ của các ông "đốc tờ" viết, mà các bà đỡ đẻ có học phải làm theo đúng. Vì vậy ở nơi có điều kiện khi sắp sinh đẻ phải chú ý mời các bà đỡ đã được huấn luyện, đồng thời phải chuẩn bị mua sắm trước các dụng cụ chuyên dùng, các bông băng vô trùng, các loại thuốc ...v.v... được liệt kê rất chi tiết vì thiếu thì dù bà đỡ hay ông "đốc tờ" có giỏi mấy cũng không làm được tốt. Trái lại với những thứ đã chuẩn bị đầy đủ như liệt kê, thì chỉ một người bình thường, đã đọc kỹ tài liệu hướng dẫn thực hành nghiêm chỉnh là đã tốt rồi, kể cả sau khi đẻ và quá trình chăm sóc người mẹ và đứa trẻ cho đến lúc rụng cương ròn. Các gì ở nông thôn người ta cứ đọc kỹ và làm theo (ĐDTC số 12).

Nhời đàn-bà
(Propos de Femme)

Sách dạy về việc sinh đẻ và việc nuôi con thì cũng đã có bốn năm quyển in ra bằng chữ quốc-ngữ rồi. Bà nào có tiền thì nên mua cả mà xem. Đâu mấy quyển cũng chỉ nói đi nói lại có vài điều, nhưng mà những điều quan-trọng của người đàn-bà, thì xem đi xem lại cũng nên, mà như được thuộc lòng thì lại hay lắm.

Tuy nó không vui bằng "Anh hùng nào" "Hậu anh hùng", "Thủy hử", nhưng mà chắc nó không hư hại trí khôn người đàn-bà như mấy truyện tiếu-thuyết Tàu, mà người Nam kỳ đã dịch ra đó. Thực là làm ra sách để mà khiến người đàn-bà không xem được sách hay nữa, khác nào như ở bên Đại-pháp thời nay có những tiếu-thuyết nhảm, những truyện Du sơn.

Trình thím, Phạm ông, mà cái nhất-hảo hay in cuối trong, dùng từ "hà-hối phân giải" để mà huệ người mới-xem phải mua luôn nhất-hảo mà xem cho lòng dịu tiết đi. Kì báo khác tôi sẽ bàn đến việc trí-giục của người đàn-bà ấy.

Nay hãy xin các bà cần nhất việc thai sản, và việc nuôi con. Việc ấy cũng may cho nước Nam ta, vì cũng còn lấy làm trong. Tốt đến nỗi mình nhau chỉ những con gái là con gái. Mà may cũng chưa từng thấy cho làm những đồ vô-loại, cho con mình ấy làm cầu rùa, như ở mấy nước cận-minh mà vô-phúc lợi có những lý-trưởnglech-ký, làm cho hai-hoai phong tục, làm cho người đàn-bà quên mất cái phan-sự, mình là một đóa trong cái gầy sọc sọc lau của vận thế, mà đi cho mình làm một vật nhất-thời, nhằm mất lý là hết, không can dự gì đến nòi-giống chủng-loại nữa. Bởi cái lý-trưởng đó mà sinh ra những đồ quạ

mà diên tha, chỉ cầu cho thềm lầy thân, lầy nơi phụng ngự, lầy vui sướng, bỏ nghĩa đá vàng, sợ phải đền bồng hậu bị. Há lại không biết rằng đời người ta chỉ có nghĩa-lý ấy là hay mà thôi. Giòng người bất-từ là nghĩa thể, chỉ có những kẻ không con và không giầy rề là thực chêt mà thôi.

Gọi là có mây nhời giáo-dầu như thò, nay xin bàn đợc, phép sinh sản của người ta.

Cái bà ở thềm-thị thì sách vệ-sinh của các quan Đốc-từ đã dạy kỹ rồi. Thờng ai đã tin cách đợc tay, thì lúc gần đến tháng, đi mời ngay bà-lữ rồi hăng-cấp ở nhà-thượng. Chắc rằng một mai này vũ phổ có một người. Thước men đã làm phải mua sẵn những gì thì bà đợc kê cho mà đi mua, mặt đợc răn sâu đóng bực.

Một cái bình thoi có ống cao-su, có chúng giúi lỗ (un bocal de 2 litres avec tube en caoutchouc et canule plate pour l'usage).

Một chai rượu cồn 90° (1 litre alcool à 90°)

Hai hộp vải bông thuốc (2 boîtes compresses stérilisées)

Một ống míc than (1 tube de ouestine stérilisé)

Hệ 30 lít nước tím (Permananganate de potasse en un paquet n° 30)

Một ve nước muối nhỏ (1 petit flacon d'eau salée)

Một ve thuốc gió mát, có ống gió (1 flacon collyre au nitrate d'argent à 1%, avec compte-goutte)

Nửa cân bông thuốc (un paquet 500 gr. coton hydrophilic).

Đó là những thứ thuốc phải mua, còn ở nhà thì trờ sâu lấy những thứ sau này :

Ba thập nước sạch, đun cho thục sôi già, rồi để nguội, để kỹ lại.

Lúc đợc độ thì lấy đun lấy một thập, nửa đã sôi trên bếp.

Nấm sáu cái khăn mặt bông vè sạch rồi trụng.

Hai ba cái chậu dánh cho sạch, và một cái gáo riêng để múc nước.

Một cái lều con, lúc sắp số đem bỏ vào nước để cho thục sôi.

Một vài thước giấy-dàn cũng đem đun sôi lên.

Ba cái thố lọc bằng vải trắng, hình chỏ đỉnh, cái ngang thì để quanh quanh mình

cái dọc thì để quanh qua đờc mà vật dưng sau lưng ra dưng trước.

Ba bốn miếng vải trắng dài độ 2 thước lấy một, rộng độ bằng ba ngón tay để quanh bụng cho con.

Độ một chục cái ghim bằng gỗ cái (épingle de sûreté).

Nhà đã có ngáo ậy đồ sắp sẵn rồi. Thì bà đợc đến nơi tiền lắm. Bàng lờ ra mà không đợc kịp hoặc không gọi đợc, thì một người nào sùng-ý nhất trong nhà phải làm như sau này :

Trước hết phải rửa tay cho sạch sẽ bằng xà-phòng hay là bô-hi-n, giữa bằng nước đun sôi để nguội, rồi mời một người nữa cầm chai rượu cồn sẽ tưới vào tay một ít mà giữa, thì tay thật là thanh khiết. Tay đã giữa như thế rồi, đừng sờ mó vào đâu, nhất là mó phải cái gì thì phải giữa lại. Người đợc thờng thì lúc giờ đã đến tự khước số ra. Khi dần nó đã lọt ra ngoài, bầy giẻ hầy sẽ lấy hai tay mà đỡ nó ra, không kéo mạnh quá mà cũng phải có sức một chút. Khi đưa bé số rồi chớ có vội mà cắt ngay dây theo như kiểu bà-tám ta. Phải để ít lâu rồi hầy lấy giấy-dàn mà thắt lại hai nút, thật chặt, buộc cho thật kỹ, vì chột sông ở cái cuống rốn đó. Nút trong thì buộc cách bụng độ hai đốt ngón tay, nút ngoài thì cách nút trong độ 2 ngón tay chéo. Buộc xong rồi lấy cái kéo đã đun sôi mà cắt ở quãng giữa hai nút.

Khi cắt xong rốn thì cho đứa bé vào một cái chậu, pha hai thứ nước cho ấm ấm, mà tắm cho nó thực sạch. Lấy xà-phòng sát dần, sát khắp mình mấy nó ; lấy ngón tay sạch móc miệng cho nó, rồi sờ vành hai mắt, gió cho nó mỗi bên vài giọt nước muối, và mỗi bên một giọt thuốc bạc gió mát. Còn rốn thì lấy một cái bằng ở hộp ra, bóp ít mỡ-than vào, quấn vào chỗ cắt, rồi lấy một miếng vải trắng dài mà quấn đợc lên trên, vòng xung quanh mình nó, rồi lấy ghim cái lại. Muốn cho chóng rụng rốn và chóng khô, thì có người không dùng mỡ-than nữa, chỉ tắm ít rượu cồn vào rồi buộc lại mà thôi.

Trong khi làm bầy nhiều việc cho đứa con, thì đau ra, có chạm ra hết, thì chịu khổ đợc, chớ dùng có vội cầm mà kéo ra, chớ nó đứt sót lại một ít trong bụng thì rồi thì thôi ra thành ung mà chêt. Hoặc là kéo mạnh quá bị đứt một chỗ ở trong tử-cung thì sinh ra băng-huyết.

Khi đau đã ra hết rồi thì pha lấy bình nước với thuốc tím, rồi treo lên cái danh cao độ bằng đầu người, cho cái cuống vào cửa-mình mà giữa, độ hai bình. Rửa xong lấy độ hai cái bằng dẹt vào cửa-mình, ngoài lại dít bông thuốc, rồi lấy cái thắt-lưng chừ dình mà buộc lại, giải ngang thì thắt lưng dài đợc thì buộc qua lên hông từ dưng sau lưng vật ra dưng bụng, rồi lấy ghim cái lại.

Thế là xong cả việc đợc cho những người bình thờng đợc dãi.

Từ hôm đợc giờ đi, trong nước hơn cứ mỗi ngày cởi ra, rửa một bình nước tím, rồi lại thay băng thay bông luôn lại.

Đứa bé thì cũng phải mỗi ngày tắm rửa và thay băng dít rốn, một lần. Cho đều hôm rụng rốn.

4 - Tiếp theo thì việc giáo dục con cái ra sao ?

Việc tìm thầy giỏi hay trường tốt chỉ là một mặt, rất quan trọng là còn phải có sự giáo dục chu đáo của cha mẹ, cha mẹ là tấm gương tốt cho con cái noi theo và trường

thành. Các bà mẹ nên nhớ câu : "phúc đức tại mẫu" vì đứa con từ lúc ra đời cho đến khi lớn lên, sự bú mớm, nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ luôn gần người mẹ. Các bà phải biết giáo dục lời hay lẽ phải chứ đừng có thương thì cho roi, cho vọt, theo kiểu con trái ý thì đánh cho hả giận, hoặc trái lại chỉ một mặt nuông chiều, chiều ăn, chiều chơi, không nghĩ đến chuẩn bị cho con cái khi lớn lên phải đảm nhiệm bao nhiêu công việc, vượt qua bao thử thách. Còn các ông với nhiệm vụ làm cha, có thể ông bận việc làm ăn ít gần con nhưng không đợc bỏ mặc vợ mà phải đảm bảo điều kiện hợp lý cho vợ và con cái làm ăn, học tập. Đừng có vô trách nhiệm, làm ra tiền mà ném tiền qua cửa sổ, vào cờ bạc, trai gái, rượu chè. Cha mà nêu tấm gương xấu ấy

Người nhà-quê không có tiền mua đợc cả cái thứ kể trên đây thì cốt phải biết rằng : Mẹ thì cho cửa-mình phải giữ cho sạch, mỗi ngày rửa một lần bằng nước đã đun sôi để nguội, và đừng có lấy tay bẩn mà mó vào. Con thì cốt cho cái cuống rốn phải giữ thanh khiết cho đến lúc rụng.

Những thứ thuốc chẳng qua là để trừ trùng độc mà thôi. Không mua đợc thì không gì bằng cứ dùng cách đun sôi, lấy vải giẻ sạch mà đun sôi lên thì cũng như là vải bông đóng hộp. Thuốc gió mát vì bằng không có, thì giữa bằng nước sạch pha muối tinh, và cái quả chanh gió vào mặt đứa bé vài giọt cũng đợc.

1. Ở gi dãn-là nhà-quê ta bầy er bát chườm lấy một giẻ sạch vè ậy nó thời cũng đã là hơn cách bà-con ta làm rồi.

Đào-nguyệt-hoa.

thì con không hư hỏng cũng chẳng sao có chí khí độc lập nên người. Như thế đâu có phải con hư tại mẹ (ĐDTC số 7).

Nhời đàn-bà

(Propos de Femme)

Các nhà có con ngày nay cứ tưởng cho con đi học, tìm thầy cho giỏi, hoặc là cho vào trường con lấy, thì là học chương nên người, lại không nghĩ rằng, người ta nên hay nên dở ở sự học cũng có, mà ở cách cha mẹ nuôi lại nhiều, nhất là ở người mẹ nhiều hơn, vì cha thì nhiều khi cả ngày phải mặc quần áo, không mấy người sẵn lòng được đến con, mà như ở nước ta thì những người dư thì giờ mà sẵn được đến con, thường lại là những người đoảng, ăn không ngồi rồi.

Bởi thế mới có câu : *phúc-tửc tại mẫu*. Nghĩa là con về sau hay dở tại người mẹ. Thế thì phần sự người có con thực là to. Để một đứa con ra, mang một cái nợ với ngày sau, đời sau khi lên là ở trong tay các bà có con đời này, mà đời sau chẳng ra gì cũng ở trong tay các bà có con đời này.

Thế mà cách mẹ dạy con, ta thực không có sách vở nào cả. Bà thì coi rằng : tương cho rơi cho vọt, cứ hơi một tí, đánh thượng cẳng chân hạ cẳng tay, những lời thô tục đầu chấy ra từng nắm, nhiều khi đánh chửi trẻ là tại có chút thiệt thôi, như là nó lỡ đánh đổ đánh vỡ cái chén cái ấm, cái bát, cái đĩa, thì là tiếc của mà nói tam-bành lên, chớ không phải có ý dạy dỗ gì. Bà thì âu yếm quá, con đi học về nung, cho nó nó đùa với trẻ khác, sợ chúng đánh nhau học quên sự lao lực. Chờ chờ sự đời, cả ngày nhốt quá cho không thiếu thứ gì. Người đàn-bà biết nuôi con, về về câu giai nhỏ, biết

được cái chữ-phận to hơn người vun bón cái cây đời sau, thì thực ít quá, lời chưa từng thấy ai.

Còn như các ông, thì sự đời con, đã hình như các ông làm một việc gì ngày ngày thường làm, mà chẳng lo đến cơ về sau nó ra làm sao. Có ông thì dễ cũng không ưng đến xem người đàn-bà ở nhà có phương sinh-nhai gì cho nuôi đủ miệng chúng nó không, một tháng đi làm lương không được nửa gang bạc, con một đồng bố theo bố nhóc, mà hi còn đi hát, đánh bạc, cho gái, diện.....

Đền thưng linh tiền về, trước hết ông hãy chi hết mấy việc ông đã, còn dư mấy đồng về quàng dưới chiếu như thí cho ăn-mày ; mà quả tay có hết rồi thì ông ý. Có khi việc tiền nó gặp quai, thì ông lại còn dờ lời phân-chí. Làm thế nào thì làm, không thì ông ra sông đây !

Đàn trẻ đời thì ở trong nhà cha mẹ, chỉ thấy những cái gương thiếu-nào ấy thôi. Còn bé thì không hiểu dân duôi sao cả, khôn biết lên thì nhiều đứa lấy ngay bỏ làm gương *râu-máy* đó. Dân hoặc cũng có đứa sớm trí khôn mà hiểu được, thì cái lòng trẻ nó đau đớn là bao nhiêu, lòng thảo nó mới nghĩ đến kẻ làm sao cho chồng chóng giàu nên chút việc chi chi, mà kiếm một thúng rơm bẩy đống gọi là đỡ mẹ, đâu có bụng ao ước cao-xa để con tưng hân với. Nếu phải những đứa kém thiên-tư thì cái gương đó ấy lại

là một cách giáo-dục hai cho trẻ về cũng, thành ra những đồ du-còn, nhớn lên cũng bắt chước cha.

Tôi đã nhiều phen gặp cái cảnh nào nùng này, lấy làm buồn cho chi em vô cùng, mà lại then thay cho nam-nữ một nước.

Thế mà đã lo việc dạy con, việc gây

giống vàn-minh kiên-thức men.

Tôi tưởng trước khi lo việc cho con đi học lấy tài năng, để nên thế họ thế kia, quan hệ nhất hay nên lo việc dạy không bài không sách, là việc giữ cho đứa trẻ ở với cha mẹ, chỉ thấy một nơi êm ấm, lòng yêu bằng mến tựa tran, cha làm gương cao-xa cho con được hiển vinh là con bỏ, mẹ ngày ngày tổ đức từ huê, cho trăm năm đầu lùn nên gì cũng như cái cá! Au vòm của mẹ thua còn thơ, em em

đền nỗi khi thành quan họ thấy kin phải nuôi quên cái cảnh đau đớn ngày còn dại.

Việc dạy giới biển rút lại là câu, thì cũng khi sự bực. Nhưng mà đâu không nói hết, chị em ai cũng nghĩ ra. Điều này; chị em ta nên đàm thuyệt, chắc rằng khi ta đã vỡ nhệ phải chăng, thì các thấy nó cũng phải như phạn rầu này thêm ra một chút.

ĐÀN-THỊ-LOAN

Đầu tiên phải nói việc nuôi dưỡng đứa trẻ sơ sinh là nhiệm vụ hàng đầu của các bà mẹ, không ai bằng. Vừa lọt lòng mẹ đứa trẻ cất tiếng khóc vang lừng, đó là tiếng khóc đầu tiên sáng khoải chào đời, tiếng khóc chào đời chi bật lên một lần, hòa với niềm vui vô hạn của mẹ cha và những người thân. Sau đó cho đến khi biết nói, tiếng khóc là ngôn ngữ của bé : Đói, muốn ăn : khóc, no không muốn ăn : khóc, khát : khóc, muốn ngủ : khóc, tá uốt : khóc ...v...v... mỗi nhu cầu là có một kiểu khóc khác nhau. Vì thế mới nói : khóc là ngôn ngữ của bé, mà các bà phải theo dõi để nhanh chóng phân biệt đáp ứng đúng nhu cầu của bé, thì tiếng khóc của bé ngày càng có ý nghĩa, ý thức của bé sẽ phát triển nhanh. Nếu không để ý, bé khóc đòi một đàng ta làm một nẻo thì tiếng khóc dần dần sẽ không có ý nghĩa, chi còn là một biểu hiện khó chịu, không bằng lòng. Hiểu tiếng khóc của bé thì bà mẹ mới nuôi bé theo tâm lý của bé và phát triển tâm lý của bé (ĐDTC số 10 và 14).

số 10 Nhời đàn-bà

(Propos de Femme)

Cũng là nuôi-con, làm sao các bà-dâm nhẹ nhàng thế, mà Au-nam mình nuôi được đứa con công-trình khổ sở như vậy, đến nỗi nói đến tiếng *bà con* mợ thì tưởng ngay đến một người đàn-bà tóc-dồi, quần áo tả tơi, ăn chẳng ra bữa, ngủ không có đê, sưng-mui gầy mòn, tinh-thần nháo nhác, người đàn-ông đi qua chắc hẳn không thấy thương thoáng lương trăm năm xưa nữa.

Bao nhiêu cái hao khổ, các ông thiệt mắt bao nhiêu cái thất-nhật, chỉ vì có một sự hiểu sai cái tiếng khóc đứa bé.

Cứ như ý các bà ta, thì trẻ khóc là trẻ đói bú hay là nó đói ấm. Đều thấy nghe một tiếng, là cho ngay vú vào miệng, bởi đó mới có câu *cá vú lập miệng em*. Nghe tiếng nữa, thì vội vàng ôm chầm ngay lấy, mà : *bông*

bông, hời hời hời... Nghe tiếng nữa, nhiều khi đang ngủ say, ăn vú vào miệng cũng chẳng nủ, hết *Cái cá, cái mẹ*, đến *Cái cá lặn lồi bờ sông*, cũng vẫn nghe nghe mãi, tức mình phất cho mợ cái con lại càng khóc, mà mẹ thì

khó sợ, ngủ chẳng yên, hao mòn cả người đi. Nhà giáo có nuôi được vú cho con, thì cái cực ấy đã có vú chịu, nhưng mà mẹ mất đi người mà phải con cõn nỏ tay, vú bỏ nỏ nuôi con lấy tiền, lúc nó đã gặt lúa thì cái phứt có khi nỏn đầu ngón tay còn đều ngày mai.

Sau này tôi xin luận mấy điều, theo như sách nói-con của các quí-quan Đốc-tờ dạy, để chỉ am nghe, may ra nhờ được điều đó, mà nhẹ được cái thân con mọn đi ít nhiều.

Trẻ con khóc cũng có khi là nó đói, nhưng mà thường là một cách cử-dộng thần-thể tự nhiên, mới lọt lòng ra cũng đã khóc ngoe ngoe, cho nên ta có câu: *đã mang tiếng khóc bần dân mà ra*, nhưng mà khóc ấy là tỏ sự sống chứ không phải: *khóc vì nói thất tha sự thể*, hay là *khóc vì cái gì đâu*. Khóc là một cách tỏ ra: làm người mới để lọt lòng đã làm được vang giời lên đất.

Vậy thì tiếng khóc trẻ con, cứ bình-thường thì không có nghĩa-lý gì cả. Khi nó đói nó khóc, khi nó đau nó khóc một cách khác, nhiên khi nữa, lại là đặt trẻ vào ý, bố nó chặt quá, hoặc ở nơi lốt dười không được phẳng với nút hay là cổ đau-màu, để nó nằm dẽ phải, thì cu-cần khóc. Còn cái sự thì thực là vô lý. Sự là một cái hèn-hạ của người nhưn ta, sự nghĩa là nghe thấy, trông thấy những việc nguy-hiểm, có thể làm hại, mà mình đã từng trải, hoặc đã trông thấy kẻ khác từng trải. Trẻ con mới đẻ ra, thì phỏng đã phân được điều gì là nguy-hiểm, là làm hại được, mà nó đã trải cái gì, đã trông nghe thấy cái gì mà biết sợ. Sự thật có sự. Vậy thì con trẻ không có sự gì cả. Chớ nên ôm ấp nó, mà nó yếu đi, vì cả đêm nó

nằm bên cạnh mình, nó không được thở khí-giới thanh khiết, hơi cái khí-giới ấy mình hút hết cả phần trong sạch rồi, mà lại còn thở những khí

sâu (thứn khí) trong mình ra nữa. Thở không những thở dằng mũi, khắp mình mà chỗ nào cũng có chân-lồng, những lỗ nhỏ, mắt không trông thấy, để mà thở hơi ra hút khí vào. Cây nhỏ mà giống dưới cạnh gốc cây lớn, nó ốm đi cũng bởi một lẽ ấy.

Ôm ấp trẻ thì đến lúc nó lớn lên nó sinh ra nhát, vì đã quen hơi dền hie nó nằm một mình thì khó chịu.

Còn như việc cho bú, thì phải có giờ, lúc mới đẻ cứ mỗi giờ cho bú một lần, rồi dần dần cách xa giờ ra hai giờ một lần, rồi dần ba giờ một lần. Ban đêm thì để cho nó ngủ yên, chớ có đánh thức trẻ dậy mà bắt nó bú.

Si là đời thì người mẹ sinh tự biết liêm, chẳng phải sách nào dạy cả.

Những bít của trẻ nên dùng đó trắng. Đó trắng vừa đẹp, trông nó đẹp mắt, dữa trẻ thành ra một cái đồ-chơi của đàn-bà, cũng lý-thứ như cái *bu-bê* của con gái Tây. Mà lại tiện được khi có bần trông thấy được ngay. Ta hay dùng đó màu đỏ đen, báo cáong sạch là lắm. Đó đen đỏ nâu, trông vừa tối lẩn, mà cái bầu không trông thấy, nhiều khi đã der dấy rồi lại đem ấp cho con, nó thành kẻ ghẻ ra.

Nhiều bà cứ tưởng là mới con theo cách vệ sinh lấy thì tôn tiến, nhà nghèo không theo được, người thế là nhảm. Tôi tính ra các bà ở cứ, theo lời ta, vừa thiếu nỏ khó nhọc, dờ dấy, trông thấy mẹ với con mà buồn, lại vừa tôn tiến thuộc men, nanh sắt, ghẻ lở. Ấy là bình thường, như ra sán, thập, ốm tế mới lại là tôn hại.

Và ở mấy bài luận này tôi không có bất-chức mây người quí-dụy-tàn, dạy người ta những điều trái tục mình quí, không ai muốn nghe. Đây tôi chỉ nói vài nhữn g điều há-lậu quá nên phải bỏ, và những cách ai cũng làm được.

Cứ vô được điều nào bần điều ấy, không có thứ tự nào. Như thế thì xem nó không chán.

số 14 **Nhời đàn-bà** (*Propos de Femme*)

Kỳ báo trước tôi nói đại-cương mấy cách dạy dỗ trẻ-con. Nay nếu đem những cách ấy giới ra từng cách, để cho các bà xem mà nhớ lấy rằng trong các cách nuôi trẻ, điều nào cũng có thể-nhân mà dạy dỗ được.

Đạy dỗ là làm cho trẻ con hiểu được nghĩa-lý mọi điều. Cho nó bú thì phải liêm giờ, dữa cho nó đói thì mới nỏn cho nó bú, thì nó hiểu được rằng bú là để đỡ đói. Vì hằng bị bị nào cũng nhất vì *chưa-nhưng* thế, thì dữa trẻ không hiểu bú để làm gì, bú không ngon miệng mà cứ tập một thói quen ăn uống không có giờ, không biết tại làm sao mà ăn. Nó lại suy một việc ăn ra việc khác, thì rồi sinh ra có thể làm gì không biết tại làm sao mà làm.

Con trẻ khóc là một sự thường, nhưng mà mình phải khiến cho nó hiểu được nghĩa cái tiếng nói tự-nhiên của loài người ấy.

Lúc mới lọt lòng ra thì khóc là như thứ một cái việc chửc-lịch tự-nhiên của thần-thể nó. Nhưng mà về sau thì tiếng khóc là một tiếng nói của trẻ con.

Đôi thì khóc, đau thì khóc, nure hay là lạnh quí thì khóc, có gì khó chịu thì khóc, lại còn buồn mà khóc.

Trước hết thì dữa-bé còn tự-nhiên há ở ngàn ấy cảnh thì khóc chử trông hung chưa có suy hiện được mà lập-tâm khóc lên: Về sau nó thấy tiếng kêu ấy công-hiệu, nghĩa là như nó gọi mà thấy có người thừa, thì rồi nó biết lập-tâm. Thế thì phải rèn cái lập-tâm ấy cho có nghĩa lý, cho phải chăng.

Người mẹ phải biết rèn cái tai nghe tiếng khóc cho sành. Thế nào là khóc dỗi, thế nào là khóc đau. Nếu trẻ khóc đau mà cho nó bú, trẻ khóc đói mà đi ra nó ngủ, thì làm cho nó rồi trí-khôn, không chóng suy được từ tiếng khóc tự-nhiên mà thành ra biết lập-tâm khóc để báo cho người lên biết mình cần đúng cái gì.

Trẻ con về sau nhón lên tập ăn tập nói đầu ra dầy, cũng do từ lúc còn chỉ biết khóc giới đi. Thế thì làm người mẹ nên rèn nó từ thuở lọt lòng. Trước nữa trẻ con-nó thấy mình hiểu tiếng khóc của nó, thì tiếng trẻ khóc không phải là một cái bực mình nữa, thành ra một tiếng nói rõ ràng của trẻ con, để cho mình biết được các sự cần dùng của thần thể nó. Sau nữa trẻ tập từ tiếng khóc mà cho dần dần tập học *mở miệng, cha cha*, rồi cho dần nhời như *áo nói trẻ sâu*, nói đầu ra dầy, vì hiểu được dần cái nguyên-lý tiếng nói là để thông-lại tự-tiếng, để tỏ cho người khác biết mình cần cái gì, mình nghĩ cái gì.

Nếu mẹ không hiểu tiếng khóc của con, mà trảng dỗi sai, nó dỗi bú đi ru ngủ, nó đau thì cho nó bú, thì dữa bé không hiểu khóc để làm gì, nhiên lúc khóc chơi, không biết tại làm sao mà khóc, để làm sao cũng không nỏn, dần lúc biết thì nói nhảm, không ra đầu đuôi làm sao cả, thành người nhưn thì ăn nói áp ứng, chẳng có nghĩa lý gì.

Đó là dạy dỗ ở trong một tiếng khóc.

Nay lại xin bần dữa việc dạy dỗ trong cách trông nghe tri-giác, rồi dần cách cử-dộng chân tay.

Trong ngũ quan của dữa trẻ, thì có hai con mắt và hai cái tai là nó biết dùng trước nhất.

Hai con mắt mới đẻ ra trông thấy ngay những đồ dục ở quanh mình, nhưng mà trẻ mới đẻ không trông thấy như mắt ta đâu.

Kỳ thuy hai con mắt trẻ con trông ra ngoài cũng như là ta trông vào một bức tranh, chỉ thấy xanh, đỏ, trắng, đen, tối, sáng, mà không phân được cái gì xa, cái gì gần, cái gì to; cái gì nhỏ đâu. Nó cứ như là những hình phẳng, xanh đỏ trắng đen li li, lén vào với nhau. Dần khi nó nhớ quí tay vào cái gì, mắt trông thấy dưng vào cái ấy, mà cái ấy suy chuyển đi, hoặc là rơi xuống, hoặc là xa ra mà hình

bé đi, hoặc là gán lại mà hình như ra, hoặc là quay đi, chỗ tối trước hóa ra sáng, chỗ sáng trước hóa ra tối, bây giờ nó mới suy được: À! không phải là phẳng dần. Có cái xa, có cái gần, có cái to, có cái nhỏ. Cái nắp trái tay ta với đèn, thì thường mắt ta trông nó to như thế này. Nếu ta trông nó bé như thế kia, thì với không đèn nơi được.

Xem như thế thì biết là cách-vật trí-tri ở ngay lúc còn bé dại. Ai mà hiểu được như thế ấy, chịu khổ mà khiến chân tay tai mắt đứa bé từ thừa nhỏ, thì thực là gây cho nó biết suy xét, biết cách-trí và sau.

Đời thế kỷ báo trước tôi có nói rằng trẻ con đòi cái gì không nên cấm ngay mà đưa cho nó. Phải đưa tay nó ra cho nó biết suy xa gần. Tại nó nghe thấy tiếng gì lạ mình nên khiến cho nó biết tại làm sao mà kêu. Như cái nhạc của nó kêu, thì trước nên lúc lúc cho nó biết rằng tại trong có cái hạt đập vào cái vỏ nhạc, rồi lại lấy cái hạt gõ vào cái nhạc, hoặc là cầm cái nhạc mà đập vào cái gì cứng, thì nó suy ngay được rằng cái nhạc của nó hệ dựng vào cái gì cứng thì kêu, mỗi tiếng kêu là dựng một lần. Nếu cứ lắc không, thì có nhẽ

nó tưởng là cái nhạc tự biết kêu, có ma có thần chỉ dạy. Có khi nó thấy lạ lại sinh sợ-hãi chẳng biết ra thế nào.

Những đồ gì trẻ thấy lạ thích nhìn, nên cho nó sờ vào để nó biết thế nào là vuông, thế nào là tròn.

Đã đành rằng cứ để vậy thì rồi nó cũng biết, nhưng mà tự nhiên nó biết dần dần thì nó không hay suy lý. Mắt nó vừa biết trông, tai nó vừa biết nghe, mà mình khiến ngay chân tay nó cho nó bị cho nó so sánh, thì cái nghĩa lý của vạn vật nó mới lấy làm hay, làm ngộ, mới lưu tâm mà thích tìm cho hiểu biết. Cứ tự nhiên dần dần mà biết, thì cái biết ấy nó không nghĩ đến nghĩa lý gì nữa.

Ông bác-vật nước Anh tên là Niu-tôn (Newton) thấy có một quả lê rơi xuống tay, mà nghĩ ra đến nguyên lý cả cuộc thiên-ha. Đưa trẻ con mà biết trông biết nghe, mà mình khiến chân tay cho nó biết nghĩa lý các việc nó trông thấy, nghe thấy, thì cái thích của nó cũng như cái thích của ông Niu-tôn lúc mới sờ ra cái quả táo rất tương hợp ở trong giới đất.

DILO-TRU-LOAN.

Dạy con từ thừa còn thơ: đứa trẻ từ sơ sinh đến khoảng mười tuổi luôn luôn gắn với mẹ, cho nên giáo dục trong thời gian đó chủ yếu là ở người mẹ. Từng ngày từng giờ kết hợp với nuôi dưỡng, mẹ uốn nắn bé từng ly, từng tí, thâm nhập vào bé tạo điều kiện cho sự hình thành nhân cách và đạo đức tốt đẹp khi trưởng thành. Đó là cái quyết định tương lai suốt đời của bé. Không có nó, cha có tài, thầy có giỏi, bản thân đứa trẻ dù có giỏi cũng khó mà thành người tốt. Vậy phải làm sao để đạt mục tiêu này? Khi đáp ứng các nhu cầu muốn hình muốn về của bé bà mẹ phải quán triệt nguyên tắc: Phải tôn trọng và phát huy tiềm năng suy nghĩ của bé, bé có thể tự làm việc gì thì kiên nhẫn giúp bé tự làm lấy. Giúp bé nhận thức được sự cần thiết bản thân phải cố gắng mới được điều mong muốn. Ví như bé muốn lấy một đồ chơi ở xa, người mẹ không nên đưa đến tận tay, mà nên tạo điều kiện giúp bé bỏ đến mà lấy.

Đó là bước mở đầu cho con người chờ thành tháo vát và vượt qua vô vàn khó khăn trong cuộc sống. Lại còn khi bé lắm chằm biết đi vấp ngã, bé đau bé khóc, hãy bình tĩnh giúp bé đứng lên, chớ có rậm chân lên hòn gạch mà mắng: "cha bố hòn gạch đánh ngã con tao" làm thế thì bé làm sao thấy được trách nhiệm của mình? Rồi xin chớ dọa ông "ngáo ộp", "ông ba bị", xin chớ hẹn bừa cho cái này, cái nọ để bé khỏi khóc...v...v... rồi quên đi, điều này ảnh hưởng không tốt đến tinh thần của bé.

(ĐDTTC số 13 và 14).

Số 13. Nhời đàn-bà

(Propos de Femme)

Phượng-ngôn nói rằng: « *Hay con tic thừa còn thơ* » là phải lắm. Trẻ con mới đẻ ra hình như cái cây non mới mọc, muốn uốn, muốn nắn phải uốn nắn ngay. Uốn nắn khéo, thì cây lớn lên hóa đẹp; uốn nắn vung thì rồi cây hóa xấu. Điều đó thì ai cũng biết. Ai cũng biết thế mà không mấy người cần thận việc dạy con từ thừa nhỏ.

Cha thương con muốn cho nên người, thì cho đi học, về đến nhà thì dạy dưỡng ăn nết ở, giảng cho hiểu nghĩa lý việc đời. Nhưng mà thường đứa trẻ-con chưa đến mười tuổi thì còn ở trong tay người mẹ cả. Bởi vậy tôi nghĩ việc dạy con thơ là việc của người đàn-bà. Chỉ có mẹ là sớm non được con bé, từng ngày từng giờ, còn bố thì chẳng qua như là một cái gương kính mà thôi. Cái lẽ con giông bỏ, là vì làm con thường vẫn lấy bố làm cái kiêu-mẫu nam-nhĩ. Nhờ đức mẹ mà được khôn lớn lên, thì tuy bố chẳng dạy, nhưng mà phần đã biết vinh hiển ở cha; thế tức biết trước sau một ngày kia được theo lời cha để mà mai sau kẻ lấy cái công-nghiệp của nhà mình, cho nó vẹn cái nghĩa loài người không chêt mà tôi đã nói hôm nọ.

Việc uốn nắn con từ thừa bé là một

việc của người đàn-bà, cho nên xét trong lịch-sử các đấng danh-nhân các nước, thì ông nào tài cán đến đâu, làm nên nên gì mức đâu, xét ra cho kỹ, thì cái công-dức của mẹ vẫn là hiệu nghiệm lắm. Đức ông cha, chữ nghĩa thầy, đâu con có được thừa hưởng, cũng là nhờ ở công mẹ dạy, cũng là qua cái khuôn của mẹ là uốn nắn cho: Cha hay, thầy giỏi, mà mẹ chẳng khéo dạy, thì cái hay, cái giỏi ấy cũng học uống công mà chẳng nơi được; nhiều khi vì mẹ dạy dở, mà cái tài hay của cha, của thầy hóa ra một cái tai hại, làm cho cái đức-tic nó thâm cách bỏ đi ra.

Nói nôm na ra cho dễ hiểu, thì ví dụ như một người con, hồ có tài cán mưu cao, thấy có văn hay võ mạnh, học được cả, mà chỉ vì mẹ kém dức không biết uốn dạy, hoặc uốn dạy dở thì lúc lớn lên, cái mưu cao tài cán của bố lại học lấy để mà đi lừa người; cái văn hay võ tốt của thầy lại bắt chước để mà thông dục những ý tai hại cho người, và để ức hiếp kẻ yếu. Con thành cháu hiền mà nhiều khi sinh ra người tàn-dở bằng trăm kẻ tàn-dở thường, cũng là bởi lẽ ấy.

Muốn uốn nắn con từ thừa bé, thì phải làm những thế nào?

Trong việc gì cũng có cái dạy dỗ ở đó. An đứa bé mà dữ, cũng có cái dạy dỗ; con khóc mà nhặt cái ông với huy là cái hình diêm đưa cho nó cầm chơi cũng có cái dạy dỗ. Trẻ con thì mới biết nghe, mắt mới biết nhìn, tay mới biết quờ, ấy chính là thừa nó mới

tập suy xét. Mà cái cách suy xét của dân trẻ thơ thì thực là đơn-sơ mà thực là có lý. Ngiriri ta nhớn lên rồi mới hay suy xét bậy, chớ trẻ con nó suy điếu gì cũng phải lý cả.

Ví dụ như trẻ nó khóc mà nó thấy mình ốm lây nó, thì tuy nó chưa biết sợ gì, nhưng mà nó suy ngay rằng: ý hẳn có điều gì nguy-hiểm, người nhớn nhớn thấy nó khóc mà ốm lây để che chử cho nó. Nó khóc mà cho nó bú thì nó cũng biết suy rằng: A! lẽ ta đói thì ta ờr khóc lên làt được bú. Hễ nó đói cái gì mà đưa ngay cho nó, thì nó suy ngay rằng: Quyên ta to thực l muốn cái gì chỉ tay trư, tự khác có người đưa đến tận nơi cho mà chơi. Dân dả cò, dừn dừn ông giảng trên gời. Mỗi khi đòi gì cũng được mà đòi đến cái này không được thì khóc vang lên kêu rầm lên. Trong một quyển sách dạy con gọi là « Emile » của ông Rousseau làm rạ, cậu nó có đọc cho tôi nghe, thì có dạy rằng: Trẻ con còn bé đã nên cho nó biết ngay cái giá mọi vật ở quanh mình nó, khó nhọc thì nào mới lấy được. Nó đòi cái gì đáng cho chơi, thì nên để cho nó bỏ dừn mớ, hoặc cầm tay nó mà đưa cho nó với lấy; hoặc để trên cao thì nâng nó lên cho nó với để nó suy xét cái gì xa, cái gì gần, cái gì dễ lấy, cái gì khó lấy. Như thế thì trẻ con bé đã suy được viên cặn dị nan, về sau nhớn nó có trí cách-vật. Trẻ con dừn nào cha mẹ nuông quí, nó đòi cái gì cũng cho, về sau nhớn lên được quyền cao chử trọng nó hay có tính ờp-chề.

An-nam ta cần nhất trong cách dạy con có điều thờ tực. Có người yêu con lại hay chừi, hay nói bần thừ, thành ra tiếng nói dừn nói không có nghĩa nữa, mà tiếng an-nam hóa thờ tực.

Điều cần nữa là khi trẻ ngã lỵ đánh chó chừi mèo, hoặc là rậm chán lên hờu gạch, mà máng: « Cha hờn, gạch đánh ngã em tẩu. Làm cho dừn trẻ mới lên ba mà đã suy nhám cần ờr việc dừi, cho hờu gạch hờn đá như

người, có thiện ác, thiên mà làm ngã nó. Đến lúc nhớn lên thành ra tin hỷ tin ờp, tin ma, tin quỷ thần là vì thế. Sau nữa lại là dạy nó tính thù hận: Nó đánh ngã ta thì mẹ ta đánh giết nó. Lại là tập cho nó quen tính lòng cậy ở người nhớn. Trẻ nó vấp ngã thì nên khiến cho nó được biết rằng tại cái chân nó vấp, để nó tập đi đứng có ý từ.

Còn cách dạy trẻ ông Ngôáo và ông Ba-bị; đương đêm thấy nó khóc thì lui lên một tiếng để nó khiếp dâm kinh thần mà nín thín thít, lại là một cái hỷ nữa. Trẻ khóc đêm thì là cái hỷ mình thất. Nhưng mà nó hay khóc thực là tại mình, điều ấy tôi đã nói rồi. Nó quấy làm chẳng thà đánh nó cho nó chừa còn hơn là dọa Ngôáo, dọa Ba-bị. Tôi nói đánh còn hơn, là cách tưng, là một điều nóng nên tực, chớ không phải là nên đánh trẻ, vì đánh trẻ con cũng là một cách dạy bậy. Điều gì là cũng nên để cho nó suy lý mà vàng chử không phải sợ roi mà vàng. Hễ nó sợ roi mà vàng thì sinh roi nó lại không vàng nữa là một. Hai nữa nó lui tập lấy cái thói bảo thủ bằng gây, sau nó lớn lên nó bất-chức mình mà lấy sừc dờ ngừi.

Cái tực thờ trẻ mà hờn dừi nó dờ chơi quả bình, rồi không mua cũng là một cái dừ. Trước nữa dừn nào như lần, thì nó biết mình rằng không thục nhừi, chỉ dờ qua loa cho nó nín xong rồi thôi; sau nữa nó nhớn nó cũng lấy cái nói dừi làm cái kẻ đi lừn ngừi. Muốn cho con nên ngừi ngay thẳng, thì nói với nó điều gì phải như dờng danh vào cột.

Xem như thế thì biết cái chừi-phân người mẹ là to, mà không mấy bà suy xét, cứ làm liêu cho qua từng hờ, chừ không thah sừc xa.

Đây là tôi nói đại khái, tương ời ông học thừc nhiều hơn tôi, nên dịch những sách này, hoặc làm ra sách mà dạy cặn kẻ người dân-bà những cách uòn nần con thơ.

Ước gì các ông làm ra được mấy

quyển sách ấy, trước khi những bài báo này đã góp được thành một quyển cho chị em xem. ĐÀO-TUY-LOẠI

5- Bày giờ hãy nói đến các vấn đề riêng của các bà, các bà cần hết sức chú ý vì tuy là riêng nhưng ảnh hưởng rất lớn đến cộng đồng dân tộc.

Trước hết là cách ăn mặc, nó chính là một mặt quan trọng của văn minh. Thời ấy giới phụ nữ có hai khuynh hướng ăn mặc người thì ưa màu thâm, ngày lễ ngày tết diện đẹp thì cũng chỉ tam giang, cánh kiến. Mặc trong thì màu sắc hơn nhưng cho áo ngoài che bớt đi, chỉ lộ ra tí chút, cho thế mới là lịch sự. Còn các bà thích hoa hờ, hoa sói, màu sắc lòe loẹt, trưng diện ra cả bên ngoài. Các bà này là thiếu số, nhưng là các thím, các mẹ, các bà có cửa hiệu buôn bán, tuy không nhiều nhưng ai cũng thấy mà chẳng đồng tình - Vay đúng ra để biểu thị sự văn minh, trang phục của đàn bà phải phân biệt khi ở nhà khi ra ngoài đường, cả hai đều phải chú ý làm tăng sự duyên dáng của phụ nữ, khác chằng là ở nhà thì giản dị, phù hợp với cuộc sống nội trợ, ra đường thì chú ý vừa lịch sự vừa tao nhã (ĐĐTC số 15).

Nhời đàn-bà

(Propos de Femme)

Kỷ báo trước chừ-bút luận về việc ăn mặc khiêm-nhã của người An-nam ta. Nhân có nói rằng còn về các bà thì để em xin lấy nhời bàn-bạc.

Em thiết-ởng sự ăn mặc kín-dẻo thì thường người dân-bà an-nam cũng không có điều gì phải trách cho lắm. Trừ ra những người nghén-dối, bất-dực-dì phải gập đầu hay dừ. Vì chừ đi búa, đi làm ăn, phải dờ cả con mọn đi, cho nên phải sừ-sả ở nơi đường xá. Còn thì người nào dừ nhờ em bỏ mẹ được gái quay đi dờp, thì có khi nên trách một kín-dào quí, thục thông quí, chừ không nên trách người ta sừ-sả.

Vậy thì em xin nhân lời của ông làm bài « Nét-lặt-mình » mà bàn rầm ba câu về việc ăn mặc, chừ không phải trách-móc chị-em điều gì ngã-ngừn.

Người dân-bà nước Nam nết thuận,

khăn-áo cũng thuận. Nghé làm-dùng thục vụng. Cũ nắn, cũ khừn, dừi dờp, cặp áo, một nghé người như nhau cả một nghé. Hơn kém nhau chằng qua ở cả dừn đờng-ngói, cái mái tóc, cái giọt khừn, cái dừi gà, vuông tròn, ngày lịch khừn nhau một chút mà thói, sành mắt mới phân biệt được.

Trong cách ăn mặc, cốt lấy thuận làm lịch-sự. Thuận, hay là nắn, tực là ăn mặc cho nhừn, cho lặt-thừn đờng, đi ngoài đường không ai phải nhìn nhủn về khừn về áo.

Khừn là thế nào?

Trong dân trung-dông, tực gọi là con nhà hàng-phò, con nhà buôn-bán thì cái khừn cho thắm, ngày hội ngày tết, hoặc làm dờm lừn mới đến mừi tam giang. Cái áo ngoài cũng vậy, hoặc bừn, hoặc the, hoặc xuyên, hoặc vắn, cũng lấy thắm làm đẹp. Cái hoa cho nắn, dừn chọn những hoa to, mà lạ kiêu. Có dừn thờ nào mới, thì cái mới ấy phải như kỹ mới thầy. Bao nhiêu những hàng ngoa ngóit, những

hàng bóng, những sắc kỳ, di dưong nháy vào mắt thiên-hạ, thì trước đó dành cho các me, nhưng mà các me này năm nay cũng tui-hối cụn-tục cá rỏi, chỉ gòn khác chi-em chúng ta có mấy cái tiệu dĩnh da mà thôi. Tiệu mà lại ở trong, thì hàng-phở cũng dần dần bắt-chở-róc. Không khéo lâu ngày ròi có khi lẩn.

Cái áo lót trong thì lịch-sự là vải trắng mỏng, hoặc the. Có lẽ nhưn nữa là cánh-kiền phủ nâu. Đồ loe đồ loét để dành mấy thim-khách.

Cái quần, ở nhà thì sồi, ra ngoài thì lình. Cái cặp thì tha hồ cho mà loe-koét. Phôi sọc nich áo lên mới trông thấy, cho nên xanh đỏ được. Trong cách làm dáng ta có cái ngiên lấy đen-đen phủ hoa-hoè, lấy đó làm-thường cho dấy đó quí bán, nhưng phải tăng lên cho dấy không kín.

Đôi dép con quai nhưng, nặng bằng hai què-ta, một cái nón nghệ trong giắt mặt kính, bộ chiền-thế bạc : đôi hoa tai vàng, độ rằm trâm bột.

Lần vào trong có-áo nhưng dùng lẩn quí, ngón tay bôn bộ nhún, hai cổ tay độ vài đôi xuyên, thế là hết cách lịch-sự nên của con gái nước Nam.

Thư-hệ con người lại còn phải biết ở cách tổ-diên. Con nhà làm-ăn không được đánh lóng máy tọc công lương-hoa phỉn-sấp, những cái ấy để dành cho mấy thim-khách, và mấy cô hàng Ngang.

Đôi giầy đôi dép cũng có tùy người tùy hie. Nhà làm-ăn dép-cong để khi tời nhất, ngày thường dùng đôi dép-da-một. Ở trong nhà muốn tiện kẻ đôi giầy cũng cho.

Áo thì không phân ra áo trong nhà áo ngoài đường. Mấy năm nay một duy-lần được cái áo cánh trắng, mặc trong nhà, tuy rằng tiện hơn nhưng mà coi nó khi dơ, nhất là nhưng bà bà tiện giặt thì lại là khó coi nữa.

Nói người đàn-bà ta chỉ biết làm dáng với người, chưa học được cách làm dáng cho mặt mình, không biết rằng mặt thiên-hạ cũng hay như kỹ làm.

Trong cách ăn mặc không có cái tao nhã. Người sa si, thì lại sa si quá, ra ra cách không phải làm mà có tiền. Người xuénh xoàng thì lại xuénh xoàng quá. Nhiều khi trông con người ra đường thì tuyệt-chấn lịch-sự, mà họ cái áo ngoài ra thì hết cả thanh-tao.

Tôi thiết tưởng trong nghệ làm dáng cũng có luân-lý. Chớ nên làm sự tao-nhà trong cách ăn mặc, với cái nết làm đóm là một cái xấu.

Em cũng muốn nghị luận một đôi câu về cái nghệ khéo của người đàn-bà ấy, nhưng mà nói ra trong một bài báo không hết được tư-tưởng.

Lần này hãy xin là cách ăn mặc thường của người đàn-bà ta như thế, gọi là hiện-nguyên trước khi xét nghĩ các lý-tưởng về nghệ ăn mặc.

Và việc là cách ăn mặc, tuy người hẹp suy thì nghĩ là nhàm, không nên dư hơi mà chép ra sách. Nhưng em nghĩ cũng là một việc hay.

Những bậc cao-kiên xem điều gì cũng có nghĩa, cách ăn mặc ta được trình-dộ văn-hình một thời. Các ông thích xem sự-kỹ, chắc cũng cũng tìc không có sách nào nói cho ta biết các em nước ta từ đời thượng-cổ đến giờ ăn mặc ra làm sao. Ông nào biết tìc điều khuyến của sự-kỹ ấy, thì chắc rằng không cho em là dựa nói nhảm.

Sau này tôi sẽ đề-riêng mấy bài về việc là cách ăn mặc của mấy thế người đàn-bà nước Nam, mỗi thế có một cái lý-tưởng làm dáng, lý-tưởng lịch-sự riêng.

Người nào hay có ý lẩn-thấu như Fôi, thì chắc cũng lấy làm một cách tiện-khiên có ích. Người ở xa, hoặc người này nóm về sau, chắc hẳn rồi cũng khen cho họ này có công lưu lại cho mấy cái ảnh-tượng thời hiện-tại. Mà người thường, không được ở chỗ kính-thành, biết phân biệt được cái thứ người ta, thì cũng là thêm được chút lịch-lâm. Có vẻ tời dật kẻ-cho này, cũng làm được ra một ta biết người, biết tỳ khấn có mà đĩ kẻ khác cho phải lời.

Thế thì cái nết nhảm này tưởng cũng hông nhảm chi cho lắm, nhĩ!

Quan trọng hơn ở người đàn bà Việt Nam là làm sao có đủ bốn đức : dung,công, ngôn, hạnh viết cụ thể ra thật dài dòng, tóm tắt lại như sau :

Dung là dáng đi điệu đứng phải cho diêm dúa, công là việc đường kim mũi chỉ, bép nức, nữ công cho khéo phù hợp với hoàn cảnh của gia phong, ở thành thị hay nông thôn, người giàu, kẻ nghèo ở vào hoàn cảnh nào trong những điều kiện thuận lợi hay khó khăn rất khác nhau, người đàn bà có đức "công" giỏi cũng chủ động giải quyết thích đáng, góp phần với chồng trong việc xây dựng gia đình dài lâu. Ngôn là lời ăn tiếng nói cho từ tốn, dễ nghe. Hạnh là có đủ các đức hạnh, ngay thẳng, kính, tín, trinh tình, hòa thuận.

Xem sách Lăng sa thì đàn bà phải có 7 nết : Ngọt ngào, thùy mị, khiêm tốn, kiên nhẫn,

tươi tình, can đảm trước khó khăn, biết cảm phân trước những điều bất khả kháng, nhưng có đủ can đảm kiên trì vượt qua những khó khăn sức mình có thể vượt qua.

Bảy nết này có liên quan và hỗ trợ lẫn nhau và thật ra có đủ bảy nết thì cũng thực hiện được : "công, dung, ngôn, hạnh" (ĐDTC số 16).

Nhời đàn-bà (Propos de Femme)

Mày quí! tưởng là sắp đợc hết tui khôn, đã phải dầm dìa dầm truyên quán áo. Phúc bảy mươi đời đầu tòa-sơn lại dịnh cho mày bài luân-lý. Em xem xong nó đã bình như người gọi cho một đàng tư-tưởng mới, khác nào như tri-khôn bị cái gì u tời lập đi, mà được có người khai khiếu ra cho.

Nay hãy xin thư việc khấn áo lại dền kỹ khế, mà nghị-luận một đôi câu, về các đực-hạnh đàn-bà kẻ ở trong bài phỉp-văn dịnh ra sau đây.

An-nam ta dạy đàn-bà thì nói rằng đàn-bà phải có bốn đực : *Dung, công, ngôn, hạnh.*

Dung là gì? công là gì? ngôn là gì? hạnh là gì?

Dung là cái dáng điệu đi đứng phải cho diêm-dúa, chớ có đóm đang cho lẩn. Vì cái nghĩa chữ đưng không giải kỹ, mà người đàn-bà nước Nam vung

nghệ làm-giống quá.

Công là đường kim mũi chỉ, mới lảnh thừc sồi, cung cửi, bép nức. Tuy rằng nữ-công có ngàn ấy việc, nhưng thường thì cứ tùy gia phong kiện. Ở hàng-phở và chỗ nhà quan tư, thì khi có công việc gì, phải biết bóc con tằm, thối miếng thịt, nấu vài bát miến, bát vẩy, những thứ, mấm mực, đĩa sồi, chén chè; nơi nào hoa-hoè lẩn thì khéo vẽ vôi ra vài đĩa bánh gừng, bánh bèo, xu-xê, mấm-công, củ cái, hạt sen. Thêu thùa vài may, thì tuy sách dạy làm vẩy, nhưng thường thì chỉ gọi là biết vẽ vài cái đồ rích tré-con, cái cái áo cánh, cái quần vải, chớ dền đồ mặ; lấy dép để ra đường, thì thường phải mượn thư-may. Người có vợ khôn hơng em khéo ở nước Nam, ít khi được hầu những cái quả, khăn tay mặt gò của tay sinh khéo các cô nó.

Nhà giầu nhà-què thì đàn-bà mới biết đura thời, kẻo chỉ. Còn nhà làm-thường thì nữ-công là nuôi lợn, nuôi

gò; đã gọi suy lúa, dần, sàng tâm cảm; rửa bát đĩa, giặt đồ quần cho cả nhà.

Năm đó thì biết các nữ-công dạy ở trong sách, với các công việc thực của đàn-bà con gái phải làm, thế nào.

Ngôn là trich thừa vắng dạ, nơi năng từ-tôn. Đó là sách dạy, nhưng cái từ-tôn ấy chỉ có những nhà danh-giá, con-gái mới ăn nói vào khuôn phép. Con nhà hèn-hạ thì từ các cụ già trở xuống đến đứa trẻ con, hằng ngày ăn nói với nhau, chỉ dùng những tiếng không có chữ nào viết được. Mẹ thì: Con phải-giờ kia! Con thì: Rồi hãy hay làm gì mà nâng nể lên thế? Một ngày đem cha mẹ, nói ngọng gia đình ra chằm chằm trước mắt. Từ tôn tằm lại báo là làm kiền. Tuy những thói ấy là thói nhà hàng rau hàng bún, nhưng mà các nhà hàng-phở, bẻ vô-phúc mà phải người đàn-bà chủ-chương trong nhà ăn nói kh'ng đưng đàng, thì những thói chơ-bớng ấy cũng có nhiệm vào ít nhiều. Nhà văn-phép thì nhiều khi ăn-phép quá. Con gái nhât-giải chỉ được vắng được dạ, chứ không được nói. Điều gì bất-như-ý thì làm ta sưng mặt. Một con sưng thì mẹ lại tát nước. Con gái bị nạt-ức đến nỗi ngày-đệm cả người ra, chỉ mong làm sao chóng có người rước đi cho tiêu sinh lịnh độ, muốn ra làm sao thì ra, cũng còn hơn ở nhà.

Trong gia-tộc ta có ít nhà con gái trẻ con được ở nhà mà quét nong ập lịnh mỗi mỗi. Khi có người đến hỏi, dần do cái sung sướng chưa biết, với cái êm đềm ở nhà, có khi dăm quýt ngay.

Hạnh là dù các đức hạnh-ngay, thõa, kính, tin, trình tình, hòa thuận Sách dạy ngàn ấy chữ, thì thực là hay lắm, nhưng mà nước Nam ta có tục để đàn-bà tần tảo, nên bước phải trình ti, thì hồng bết, cho nên làm-ông nhiều khi cũng liệu phiến-phiến không bắt vợ con chấp-kính cho lắm. Có nghe thấy các bà giết mỗi mếp ra, thì cũng đã từng điếc. Mà cũng có người khen thò là dâm-dạng.

Nay tôi đã kể các đức hạnh của sách ta dạy như thế, và thực-sự như thế rồi.

Nhìn đem xét bài chữ Lang-sa dịch ra sau này. Cứ như đó thì đàn-bà phải có bảy nết:

Một là Ngọt-ngào, hiền-lành (la douceur). Đàn-bà giới sinh ra vốn là mềm-móng, dần thì cái cay-nghiệt, cái cứng-cỏi với người ta mà có được cũng chẳng ai khen. Mà đàn-bà hách-dịch lắm nó cũng thành ra một điều ngược lại, người ta ghét mà thôi chứ không ai phục. Thì chi bằng giới đã phó cho mình cái quyền chỉ cười tùm, chỉ dong-thứ mà giữ được phận-sự làm người, thì cứ việc mà cười tùm, ai làm gì cũng chẳng chấp, tội nào cũng xá. Nó vừa dễ mà ngọt-ngào cười nhìn nó làm cho đẹp mắt ra bao nhiêu. Khác nào một nụ hoa-hồng cảm ở giữa bạch-ngọc. Tội gì mà cau mày, nghiên răng, đã chẳng ai phục, lại còn làm xấu mặt cả về con người đi.

Hai là dịu-dàng nết-na (la modestie). Không có khoe-khoang điều gì cả. Dầu mình có nết hay vàng-ngọc, cũng không nên lộ, ai biết dần thì biết, mà chẳng biết dần thì thôi. Điều hay chỉ mình biết lấy mình, lại càng thêm giá cho mình, ai khen ta phải biết người, ai chê cũng đành, quí họ ta được phne ta. Nết đã chẳng khoe, tiền của cũng không nên phơi ra mà khoe; tức kẻ không có. Giới cho mình được nhờ cha mẹ hoặc chúng con mà có, cũng là một cái may cho mình, phải ăn ở cho đáng cái vô-vọng, thấy người ta cũng là phải người mà vật-vả chẳng bằng mình, phải biết mong cho người cũng bằng ta, chứ có khoe-khoang ra như là gợi thêm cho rõ cái bất-bình vào mặt người ta.

Ba là Kiên-trần (la patience). Đàn-bà đẹp về nết thắm-hòa mềm mại, không điều gì nên với mũi ng với tui. Có gan sẽ tay mũi mũi cho sát có ngày nên kim. Mong ước điều gì phải bền lòng mà mong-trớc, làm một lần chẳng xong, làm lại hai lần; hai lần không

xong, làm lại ba lần, năm lần, mười lần. Thế biết rằng phải lỗ, mà sức mình làm nổi, thì cứ khoan tâm mà làm, tất có ngày phải thành. Mong đợi điều gì không được núng ruột. Tình nóng bở dần-ông cũng đã chẳng ra gì, ở đàn-bà thì là một tật xấu đáng khinh-bi. Đáng ghét vô-cùng.

Năm là mát-mũi trời-tinh (la bonne humeur). Mặt đàn-bà rõ nào cũng đẹp, duy đến về cau mày ai cũng phải ghét, người đi qua cũng phải chúm thắm, nữa là chúng con. Cười một tiếng nguông thành, cười tiếng nữa đó nước. Chữ đàn-bà nhân-nhó thì không xấu được lòng ai.

Sáu là can-dảm (le courage). Can-làm là biết chịu cực chịu khổ, biết chịu những cái nào không tránh được. Biết do-lấn những khi tình-tình phần nhau, biết can-ràng mà ngấm bá-hòn. Đau không kêu biết rằng kêu chẳng đở đau, ấy là can-dảm. Vì nghĩa mà lụy tới thân, hoặc đến tiền-của, cần điều sung-sướng của mình, mà chịu

đau không nhân-nhó, vị chi can-dảm. Chẳng quân do-bản gồm-ghe, mà thủ nghĩa với chồng con, hoặc với người bị nạn đau-dớn, cũng là can-dảm. Thấy chồng nuôi con, lúc vô-vang thì sung-sướng, lúc sa-sút cũng bình-thường thanh nhàn mà chia cực, rau cháo với nhau, dùng miệng cười tiêng ngọt của mình, làm cho người quên cực, cũng là can-dảm.

Bảy là biết đành-phận (la résignation). Có can-dảm mới biết đành-phận, nhưng mà đành-phận cũng nên phần phải-trừ. Điều gì không tránh được, thì phải đành-phận mà chịu, kêu ca lảm, nói ra làm nó cũng ý eo, mà không được việc gì. Nhưng mà điều gì quyền ở mình chưa được, điều gì sức mình, điều gì trái công-lý quai, thì đàn-bà cũng phải biết dùng lòng kiên nhẫn mà khiến lòng người. Có kiên nhẫn mà biết thực-lòng tỏ tình oán-hận, thì đa-sút cũng phải yên. Không làm được tất là cái vụng ấy ở mình.

ĐIỀU-TUY-LOAN.

6 - Thật đáng khen lòng từ thiện của ba bà Phúc Kính, Phúc Thành và Phúc

Lợi trước bao cảnh nghèo khổ do thiên tai bão lụt gây ra cho hàng vạn đồng bào, Một lúc bỏ ra 300 tạ gạo (ba tám hai nghìn tư) dù tậu ba cái nhà gạch nhỏ hay một cái nhà gạch to, mà không đòi hỏi phẩm hành danh lợi gì. Thật đáng sấu hổ cho những ai giàu có mà chỉ bỏ tiền ra gọi là làm phúc, nhưng thật ra là mua phẩm hàm.

Nhân dân ta bảo theo gương tốt của ba bà, hãy hăng hái nhiệt tình cùng nhau làm việc thiện, đoàn kết giúp đỡ nhau, góp sức với Nhà nước thì không có cái nạn nào không cứu giúp được. Ở các nước văn minh để làm việc thiện có bao nhiêu cách hữu hiệu: mở lạc quyên, các tổ chức văn nghệ, tổ chức lấy tiền cứu trợ Mọi người đều hưởng ứng, người nọ thúc đẩy người kia, kẻ nhiều người ít thật tốt.

(ĐDTG số 17).

Nhời đàn-bà

(Propos de Femme)

Ai cũng nói nước lụt thì em cũng phải bán một hai điều về nước lụt mới được.

Kỳ thủy nên khen ba bà Phúc-hưng, Phúc-thành, Phúc-lợi ở phố hàng

Ngang, trong khi kẻ khác ngồi lnh cầu, nhân việc khổ chung mà ăn một vòn bòn lái, sao ba bà quý hóa phúc-dức quá, thực là làm gương hay cho cả đoàn dân ta.

Ba trăm tạ gạo, ba trăm hai nghìn tư, nhà gạch nhỏ lại được ba cái, nhà gạch to cũng được một cái kha khá. Biết bao nhiêu là kẻ giàu có to, mà còn phải tính như thế. Ai có đem số tiền quyền, thì dân dè đưa cho đóng bạc tay đứt ruột sốt.

Năm xưa quyền tiền việc học, có kẻ cũng tới lương nghìn hàng vạn, nhưng trong cái việc đại-lượng đó, còn có mấy đạo bằng Hàn-lâm, Thái-bộc. Đến ngày nay bỏ đi ba cái nhà gạch mà cho, chỉ sướng một điều 30.000 con người đông-bào có ăn được trong một ngày, một vạn con người ăn được ba ngày, biết bao nhiêu là người khổ đời.

Những lúc này chẳng biết các nhà đại-lượng cũng việc du-học năm xưa d: đầu mắt cá, má lại chỉ thấy có bà b, không cần phẩm hàm nào, chẳng qu ân mở ra có trong-thể việc quyền-giáo mới bỏ tiêu ra cho.

Thiên-hạ lại còn lắm người nệ như vậy, làm phúc thì muốn làm phúc, nhưng lại nệ rằng phải có mở hội quyền là cách thì mới cho nhiều, thành ra làm phúc là việc cầu-danh chứ không phải là việc cứu giúp kẻ khổ.

Há lại không xem người Lang-sa có người cho tiền vào việc làm phúc, mà chẳng muốn cho ai biết đến tên mình, để vào sổ quyền: Ông Mỹ cũng bao nhiêu.

7 - Tết trung thu thật là cái tết văn minh của dân tộc :

Tết cho trẻ em vui chơi, mà cũng là cái tết cho dân bà trở tài khéo léo nữ công, và biểu hiện tình cảm yêu thương với con em, cho nên tùy hoàn cảnh của từng gia đình. có ít làm ít, có nhiều làm nhiều, cỗ trung thu của gia đình, dù nghèo nàn không bằng người, vẫn là niềm vui sướng tự hào của con trẻ vì nó là của mình, của cha mẹ làm cho mình, do đó con trẻ cũng tràn ngập lòng yêu thương cha mẹ.

Tuy những việc dị-thường như thế, nhưng ta nên nhận lấy mà ngắm cái hàn-tâm của thiên-hạ vô lương.

Việc học-quyền này, tuy rằng ít với sức Nhà-nước giúp đỡ dần rồi, không thâm vào đâu, nhưng dân nước Nam ta nên tập cách tổ long tương-trợ cùng nhau ấy.

Cách ấy ở bên Âu-châu hay giữ văn-minh tên-bộ tên nổi không có cái nạn nào là nạn không cứu giúp được, chỉ có người chết là lòng tốt của người làm-phúc không hồi sinh lại được thôi, còn nhà đố, lừa ngộp, dối, rích, tui nạn vừa xảy ra, các báo-quân, các nhà nhân-dức, mỗi người một tay, di quyền giúp, có khi thu được quả số thiệt hại. Mà chẳng những là khi trong nước nhà có nạn, người Đại-pháp mới quyền tiền giúp đỡ, động nghe thầy tin thiên-tai địa-nạn ở phương khác, người có của kẻ có công, số nhau lại mà quyền-giáo giúp; các nhà hát thì mở ra một buổi hát hay để thu tiền làm phúc, các bà-dâm thì hát cho lại nhân đến cả cuộc chơi, nhẩy dâm, ăn tiệc mà thu tiền gửi cho các hội học-quyền. Tay các bà-dâm trắng như ngọc ngà, mà cầm cái túi gấm, di quyền tiền cho kẻ bị nạn, thì kiệt đến đâu chẳng phải có bỏ vào ít nhiều để mà nhn cái miệng cười tùm nôi câu *một-sĩ*.

Đến ta cũng nên học lấy cách tư-giúp lẫn nhau dùng hời *chước* ấy.

Đào-tin-Loan.

Tốt biết mấy trong dịp tết Trung thu, ta tổ chức cho nữ giới thi nữ công, làm bánh và bày cỗ, làm cho tết Trung thu mọi nhà không khí thêm vui tươi, đồng thời cũng gây phong trào làm cho nữ công trau dồi nữ công, gia đình thêm ấm cúng (ĐĐTC số 19).

Nhời đàn-bà

(Propos de Femme)

Tuần lễ trước tôi mới làm bình thưng tìm cho mấy em nhỏ chơi, cho nên nhằng mắt một kỷ báo, xin các quan, cũng có; bà xem báo, thì thờ cho.

Tết này là tết trẻ-con mà lại là tết dân-bà nữa. Nét ra trong các ngày tết thì tục ăn-nam ta thực nhiều điều hủ-hộ, duy có cái tết này em trông, trir ra việc trẻ-con dành tròng vãng ợc điếc tai, còn những các cuộc chơi của trẻ, như là báy cỗ, cầm đèn thó, đèn cá di hú-khoan ở dưới bóng giăng, làm đèn chạy quanh đèn sê-rãnh, báy dnh báy chủa giầy, đều là những cách chơi hay, làm một dịp cho dân-bà khoe khéo, cho dân-bàg dân tài vật, cho những nhà lịch-sự tổ cái tạo nhà, cái thanh lịch ra.

Phần nào thay cho những người không được làm trẻ-con bao giờ! Có được làm qua trẻ-con một lần rồi, mới ngắm được bài thơ tuyệt-thời ở trên-cái bàn-kệ, nhà giầu thì mới bánh thore sỏi, đèn cù sê-rãnh; nhà khổ thì rầm ba trái bưởi trái na, nhưng dân sang dân mọn, trên cái bàn dộc ấy biết bao nhiêu tình ân ái, biết bao nhiêu bụng yêu-thương!

Ái là kẻ nhìn thấy có người ta, nhát là có các nhà nghèo, dầu thế nào cũng là to, thì lại chẳng như đèn sự lo lắng của mẹ ta ngày xưa, tất tả từ mười một cho đến mười bốn, để có cho ta được lấy mâm bánh cầu hồng, lo chẳng nói đi nữa, mười tám mĩa bụng cái lư tìm, nắm quả bưởi uoàn nắm mui,

đưa sỏi với đèn thêm cái bát tròng, cũng đủ gọi là cho ta được khoe cổ với trẻ kng giêng. Dầu cỗ chúng dặt tiền đến đâu, cũng chẳng đẹp bằng cỗ nhà ta. Nét ra trong việc tư-dịch của người ấy, thực có một tình yêu cha mẹn mẹ vô-sùng.

Bởi vậy cho nên tôi mới cổ đến nói nght một kỷ báo.

Bên tháng tám là một ngày tết ta nên cái-lương, ta phải gây cho thành một hội thi đẹp, thi khéo của người dân-bà, nhân làm vui cho các em bé, mà tổ các Cũ sỏi bình cổ bàn, gọi hoa đèn giầy, tháp nến đèn đèn, lò xanh đèn đỏ, thuye là một cái khéo riêng của người An-nam ta, không có gì mà làm nên đẹp nên vui mắt.

Cái thờ năm nay dân ta không bị nước lụt, muốn nghìn người cần phải lo miệng cơm chẳng có mà ăn, sáo mỵ chẳng có mà cấy, thì em đã định bàn với quý-quân từ tháng trước, để mở ra một cuộc chơi riêng, thì những tài mọn của dân-bà nước Nam ấy, để trước nữa báo-quân nhân dịp mà cứu xét luận bàn đến mấy tục hay nhà ta, sau nữa để lữ đầu-xanh cũng thôm ra mấy cách chơi nhà nhón thanh-tạo hera là di cảm cái đầu sự-từ dành tròng ngoài đường vang tai nghe ợc người ta.

Chẳng may năm nay đông-bào ta đói, cho nên ta tưởng cũng phải để tang vụ mùa này, mà nhìn đi, hơtn đèn sang năm, như giới được phong thịnh, ta sẽ bàn ra vài cách thường-nguyệt riet văn-minh.

Nin cuối tháng bảy sang năm tôi cố quên thì ai nhón họ, nhé!

Đào-tin-Loan.

8 - Phải chăng việc các bà múa may đồng bóng ở các Hội đền cũng là một

phong trào tốt đẹp nên duy trì? Việc tin vào thần thánh mà lễ bái không phải là không có nhưng là thiếu số. Số khác như chị em, hàng tháng cũng đi lễ ở đền Ngọc Sơn, đền Bạch Mã ...v.v.... theo nếp nhà mà làm chứ có biết chi thần thánh mà tin. Ngoài ra hình như số người đi lễ đền còn hình như chia làm hai nhóm có động cơ khác nhau:

Nhóm thứ nhất rất dễ nhận ra, đi lễ như là đi dự hội, mục đích chính là để khoe cái ăn mặc của mình, tự cho là đẹp, cái ăn nói của mình tự cho là lịch sự, đồng thời cũng là dịp để so đo, ganh đua với người. Ai bằng mình!

Nhóm thứ hai, khăn áo đặc biệt theo kiểu tên cô, phấn son khác người, lễ thánh theo điệu tay chân mong ngực múa may, uốn eo nhịp nhàng với đàn hát của châu vãn.

Thần thánh chẳng thấy đâu, hư hỏng thật khó tránh. Đấy rõ ràng là hủ tục cần loại trừ (ĐDTC số 20).

Nhời đàn-bà

(Propos de Femme)

Kỷ trước bản-báo coi bản đến việc bắt là bắt ma ở hội Kiếp-bạc. Đáng lẽ em phải đợi đến tháng ba, hội L.Đ. hội Phú-dậy, hãy nên bắt-chuồng mà hân về việc đồng-cốt thì mới thực là vợ hợp thời. Song trông quanh năm việc. Ấy cũng hân có hân, mà tháng tám ta cũng có hội đền Ghênh, múa may tuy ít người, nhưng cũng đủ ngón ấy thực, cũng kiểu Thánh-Mẫu, cũng lớn đồng năm-giê, ngũ-vị Quan-bôn, mà chỗ ít đồng lại toàn là những đám lịch-sự, cho nên trông nhàn lời kỷ báo trước mà hân đến việc Đồng-cốt cũng không sao.

Mà xin ai chớ trong em ngạo ngược háng bỏ gì việc thần-thánh, mà chưa nghe lời bản đã vội nói ngay: con mẹ bém chỉ nói bèo.

Không! thực là không dám. Em đây rầm rầm một nào cũng sung sướng sách áo, tậu vàng thỏ hương ra Ngọc-sơn, hay là vào Bạch-mã, lại-bái cho đủ lễ với đời, chớ không phải là tưởng

ngông sống, thì có ít nhiều bất nghiên, mà làm ra bộ đứng ngoài vòng pho-nữ dẫu.

Nhưng mà, nói của tiên tôi, em đi lễ bái thì đi, nhưng thực là chẳng biết

chi chi về việc thần thánh. Thấy nhời thánh dạy phải: *Kính mà ra đây!* thì cũng theo tục mà kính, mà cô xa bụng nghĩ ngợi lại thôi. Ngồi ở cái tỉnh giới bản-sinh ra em hay thóc-mách, mà cái thóc-mách của em lại không như cái thóc-mách của người ta. Thường thì các bà các cô thóc-mách chỉ đến rôm xem hàng xóm giầu hay nghèo, vậy những ai nợ những ai, bữa sáng bữa tối mâm cơm nhà người ta có những gì, gạo đông trừ hay là cấp đi mua sí, có đợ hội giỗ hay là hội thất, toàn là những việc cực chung của họ phần trong một xóm phần nhà an-nam ta, chớ không riêng gì một nhà ai. Em thì lại chỉ hay thóc-mách những cái tình thóc-mách ấy mà thôi,

và thóc-mách ở những tục lệ an-nam ta, những điều không có can dự gì đến cái tư-do của người cùng-kiết, như lễ đi lễ đi bái thì em có ý nghĩ đến điều lợi hại, đến tình tình người đồng-bang

mình.

Như trong sách đi lễ bái của, ta thì phần làm hai thứ người, một thứ người đi lễ đi bái như các bà-dám đi coi đua ngựa, gọi là trong một tháng có một vài lần đi khoe cái ăn mặc của mình, cái cười nói loan trang với thiên-hạ, và để xem cái ăn mặc, cái cười nói người ta. Một thứ người nữa thì ý hẳn có cái bênh thần-kinh nói ở trong bài « Hội Kiếp-bạc » kỷ trước, nhưng mà trong cái cách hoàng-hốt của người có đồng-cốt, khác cái hoàng-hốt của người theo bản Cửa-xuất một chút. Trong việc đồng-cốt bên Chư-vị thì tự họ như có điện dâm-thờ, là-bái. Trong cái yếu điệu uốn eo của người đàn-bà ta, mượn bóng các cô các cậu mà ăn ra, khác hẳn cái yếu điệu uốn eo thường của người làm đàng.

Kỷ thay! hay là tại nước ta, người đàn-bà không có cách khoe hình-thể, nghiêng đầu nghiêng cổ, con mắt liếc làm ngả bít trong chừa, cái miệng cười nghiêng giỡn đồ dặt, hai cái tay khủynh khủynh eo cái vật sơ cho nó

rõ nét lưng ong, trong khi uốn eo uốn cái ngực ra đằng trước, hai chân lạp

từng, hai tay múa may dựa dàng. Có đủ những điệu ấy là điệu thường của người đàn-bà các giòng khác, là những điệu tự-nhiên của đàn-bà, mà người đàn-bà an-nam theo tục nước không bằng chẳng được giữ ra, cho nên đem mẽ đồng-cốt, vì lúc hát bóng, bà-thư-yng hơi đó bỏ khoan, câu quện múa may, nắm quần lớn bộ về chi-phần, thì quả có những điệu làm cho lộ cái sinh đẹp tự-nhiên của hình thể người đàn-bà.

Năm xưa tôi có nói việc-dồng-cốt là cách nhảy-dân, cách múa của người nước Nam, nguyên không có cuộc chơi nhảy múa, phải mượn của thánh mới được thi-hành một cái chức-lịch tự-nhiên của thần thánh.

Vậy thì em tưởng tục đồng-cốt của ta cũng là một cuộc thể-giáo, song viên thần thánh làm chứng để mà giữ cho, trong khi người đàn-bà hát sáo khoe đéo khoe móm, khỏi có tình ý là tục.

Nhưng mà nghe như giữ cũng không được. Cái lễ tự-hóa vẫn to hơn cái quyền ông thánh.

ĐÀN-THI-LOAN.

9 - Cái tề "con sáu đố đầu nời canh"

Trong gia đình, ngoài xã hội, bốn đức: dung, công, ngôn, hạnh được đề cao một cách khắt khe, không những đối với cá nhân từng người, đàn bà, mà đối với tất cả nữ giới bị liên quan trách nhiệm trong gia đình. Nhà có mấy chị em, lỡ có một cô hư hỏng cách này hay cách kia là tất cả các cô khác cũng bị mang tiếng, cha mẹ cũng bị chụp mũ "gia phong không nghiêm". Con sáu đố đầu nời canh là một thái độ xã hội vợ đũa cả nắm. Về đạo đức mà các gia đình đồng con gái rất lo sợ. Sự ràng buộc con cái một nhà có mặt tốt nếu tạo ra được tinh thần đoàn kết, toàn gia đình cùng chịu trách nhiệm chung, cha mẹ khuyên răn con cái, chị em thân ái theo dõi nhắc nhở nhau giữ gìn phẩm giá. Xã hội chớ nên vì một người hư mà đổ tiếng sáu cho nhiều người. Người tốt bị hàm oan, phải chịu lấy bao nỗi khổ, mà ngay người hư cũng quá mù ra mưa, mắt đường sừa chữa, thật tai hại (ĐDTC số 21).

Nhời đàn-bà

(Propos de Femme)

Con dâu dõ đầu nời canh (1)

Làm kiếp đàn-bà ở nước Nam ta này, nghi thực là khó. Chẳng những là mình phải ăn ở cho có đức hạnh, cho trịnh-bạch, chẳng chút tai tiếng gì, thì mới nên được phận nợ kia, mà lại còn giữ làm sao cho trong một nhà mình, từ chị em cho đến cô dì, không ai có tai tiếng, thì thân mình mới yên vui.

Trong một nhà mấy chị em, mà lại phải một người, hoặc dở dang, hoặc đại nết, hư tình chơi bời, thì bao nhiêu con gái cũng hỏng cả. Cũng có khi là vì bất nết xấu mà hư đời, cũng có khi là vì thiên-hạ cứ nê, muốn lấy em mà lại chớ chị nó ghen-hờ đi-thôn, mà không lấy. Cho nên là muốn, qui lưã là lẽ phải, cũng theo nết cho xong đời.

Chị em em cũng bị theo, lại còn vì một nghĩa nữa. Là mẹ phải một người con hư, thì công nương tiếng với đời rằng dạy dỗ chẳng ra gì, hoặc là làm lợi tham tài mà để cho con ra ngoài vòng nề-nếp. Dẫu còn bao nhiêu con gái khác, giữ được trọn vẹn đứng-dắn, cũng không chuộng lại được cái tiếng đã để hỏng một người. Mà hỏng một, hỏng hai hay là hỏng cả, xấu mặt với đời cũng đến thế mà thôi. Cho nên nghĩ đến cái : gió chiều nào che chiều ấy. Thời thì con người ta há Tham há Thương bằng cụ Cò, mà con mình mà Phò mẹ ha, cũng cụ Cò theo nghĩa mới, chứ sao.

(1) Câu tục-ngữ này nghe thấy thiên-hạ đọc nhiều cách. Hai tiếng *dõ đầu* khi hóa ra *bổ đầu*, khi hóa ra *lưu đầu*, *lưu đầu*, *lưu đầu*, *lưu đầu*, *lưu đầu*, nhưng thường hay nói con dâu dõ đầu nời canh. Hai tiếng ấy em chưa tìm giải nghĩa thế nào cho thông, chỉ hiểu và mà thôi.

10 - Câu chuyện làm vợ :

Những ông lấy làm vợ, ngoài trừ muốn sống thân, còn xét ra chẳng được gì hợp tình hợp lý. Người giàu cũng như kẻ nghèo đều có chung một nỗi khổ. Một thân

Thò mới biết cái nghĩa gia-tộc của người nước Nam mình thực nặng. Làm thân con gái, chẳng những phải băng phi phong, mà lại còn phải lờng nom đưng giữ từng phút đàn em đại, lại còn phải tùy cái kiên-nhẫn của hai đưng thân. Người lỡ ra mà hiểu lầm cái danh-phận một chút thì lại ta một đời.

Nghĩ đến như vậy, thì ai như được cha mẹ khéo chừa chừa con mà giữ được cho thì nhà bảng tuyệt thì em ấy nên coi tay giữ gìn, mà lại nếu qui nên chị em có cùng, vì đã cùng ta giữ được danh thơm cho cha mẹ, cho chị em được nhờ đó mà có nơi nương nỡi chیده thân được về vàng no ấm.

Nhưng mà cũng lại nên thương những kẻ làm thân con gái một lòng muốn giữ phẩm-giá cho lành, mà chẳng may có chị hoặc em hư đại, đến nỗi thân mình cũng hóa về lấy chẳng vì cần đến ; mà người ta nhìn vào, cũng chỉ nhìn lấy mỗi son mèi phẩm một thời mà thôi, chẳng ai hỏi việc trăm năm đời kiếp với mình.

Mà chẳng biết nên oán cái phong-tục há huế, làm cho kẻ ăn miếng nước miếng khổ nước kỳ ; hay là nên khen cái lệ trượng hay, khéo đem giây ràng việc con cái một nhà, để cho chị ngã đá rơi em núng.

Ấn cần xem ra tùy cảnh. Ai vì để mà thiệt thòi, thì cho làm điều bù-lậu nên lập-tức cải lương. Ai nhờ đó mà về vàng hơn người, thì học làm hân-lý hay nên giữ làm đạo học, thiên-cổ phải theo của dân an-nam ta.

Nhưng mà kẻ phong-tục thì dường nào giữ được cho hân-lý một nước nên hay, gia-tộc cho bền chặt thì là dường nên theo. Chứ (thứ nên nang hơn chữ lý. Em nghĩ vậy chẳng biết có phải không ?

Đào-thi-loan.

Ông bị giàng sé giữa mấy bà, làm sao phục vụ được đều, làm sao tránh khỏi chuyện yêu người này nhiều người kia ít, sinh ra ghen tị oán hờn nhau. Không em thắm thì chẳng ai sung sướng, con cái phức tạp nheo nhóc. Các ông kể cả các bà (vì thực tế các bà là nạn nhân) hãy lấy lý tự nhiên, hãy suy bụng ta ra bụng người, mà nghĩ suy cho kỹ, hẳn thấy làm vợ chẳng có gì hay và hãy xin chừa.

Ngộ các ông còn ham thì các bà cũng nên cương quyết cho ra rìa đi, mà nếu bà nào muốn xin một chân lẽ mọn, thì các ông kính cần tránh xa (ĐĐTC số 22).

Nhời đàn-bà

(Propos de Femme)

Làm vợ

Ngày xưa ở báo Đưng-cổ em có ra câu vấn-đê ấy, thì có ông đã giải rồi nhưng mà xét ra giải chưa đủ nghĩa.

Em tưởng điều này là một điều lợi sau-hệ cho xã-hội, nên đem ra mà bàn nữa cho sáng lý.

Việc lấy năm lấy bảy là một việc thường của người làm quan và những người có của, lúc giờ cho được phong tước thì chẳng quản gì phòng giữa phòng bên, qui họ cho nó sướng thân, đến lúc lỡ ra sa sút, thì nào có cực một thân, lại còn để cho một đoàn phu-nữ, một bầy con đại nheo nhóc cực khổ.

Lại còn có kẻ thì nuôi thân chẳng nói, còn đi nước lấy nàng hầu vợ bé về nhà, cho nó chia bát cơm với của dân con mọn nhà mình, vừa làm cực vợ cực con, vừa làm cực lấy đều đưa qui nghe mình. Có kẻ thì lấy lẽ lấy mọn để há-tiền đưa ở, mà lại phòng để cho nó có ăn cắp ăn bết cũng chẳng thiệt đi đâu.

Trong các hạng người lấy vợ lẽ, thì dòng thứ được, duy chỉ có những người hiếm muộn, hoặc tại mình, hoặc tại vợ cả, lấy thêm một hai người, hoa may có nấp mắt mù xẻ ra được chăng, mà chẳng được nữa, thì ngồi nhìn nhau

tay ba tay tư có cũng thêm vui.

Em muốn rằng có ông nào luận cho vợ ra việc hay, trước hết lấy lẽ tự-nhiên, và lấy lẽ người mà suy ra xem việc lấy nhiều vợ nên hay không.

Sau, vì dù lẽ có nên, thì phần trong bầy nhiều cô lấy vợ lẽ những cô nào là cần.

Ái giới được vấn-đê hay cho mình ra, thì có lẽ cần được bao nhiêu cái khổ ái của thiên-hạ, nhất là của người đàn-bà.

Người đàn-ông mà nghe thủng ra, nên là việc trái lẽ thì tất muốn trả không làm nữa ; nên là việc có khi sử biên có khi sử thường, thì cũng biết được những khi nào là khi có quyền sử biên mà thôi.

Người đàn-bà mà vợ nghìn ra, thì khi có quyền tất biết giữ, mà khi chẳng có quyền tất biết đành.

Người số kiếp phải đi lẽ mọn, thì biết sử được cái phân sự mình và cái quyền thế mình. Chớ có thấy chóng yếu mà truật quyền của xã-hội đã cho người trước mình ; mà cũng chớ có để cho kẻ khác nhìn một cái thế mình không tự-chủ, mà hành-hạ mình, thì tìm đến kẻ chân giởng, ngày đứng làm cách kiêu tiến thêm, mà lẽ không kiếm đủ nuôi lấy miệng, nó lại còn làm ôe nhục.

Đấy nhiều câu chừa làm được mướn bài luận thực hay, ai cũng muốn xem, vì đó mới thực là truyện của cả một nhà.

Đào-thi-loan.

11 - Nữ độc giả bắt đầu lên tiếng : "Nhờ dân bà"

Vắng bóng trong năm số liền làm cho các độc giả nữ mong chờ. Độc giả Nguyễn Thị Bồng viết bài khen ngợi Đào Thị Loan, đã thẳng thắn phê phán cái sai, nêu rõ những điều hay lẽ phải và khuyên răn nữ giới bỏ cái xấu, phát huy cái tốt và đồng thời cũng khuyên răn các nam nhi. Nhớ nhưng và thiết tha mong muốn "Nhờ dân bà" tái xuất hiện (ĐĐTC số 29).

Nhờ dân-bà

Mấy kỳ này Đào-nương chúng hời dờ việc chi, mà không thấy gì bài đăng báo. Trong chi em có người nhớ như tú khốn còm tìm mà gửi cho báo-quân thơ sau này, xin đăng cáo báo để gọi là có người dờ như Đôn-thị cả đề nhắc về Loan rằng nhờ kỳ em có có người chờ đợi mà xem, thì cũng hơi lòng có một chút.

Báo-quân cũng, chuen biết gì chi mà Đôn-nương nghĩ mấy kỳ báo này, sống quyết hẳn là không phải bạn ta đã se gút kết chi rồi ai. Vì nếu vậy chẳng hóa ra un-nam ta đã có người khá chi hay sao ?

Em là Nguyễn-thị-Bồng ở hàng Đào, kính gửi vài lời nhờ Đổng dưng báo quân đăng vào báo mà thăm chi ; nữ hèn ta, cứ hẹp nghĩ như em, thì em trông chi có chi là một người nghị hần giới đang, để lập cho các em chong họ đồng bào cũng được thêm lấy; rằng có người ra ăn nói chơi may đời. Và lại chúng em thì hời còn ngu

dại, học thấy chế lấy học bọn ; chi là một người hạn cách xa chúng em, mà chúng em chi được giao kết mấy người nhờ ăn tiếng nói của chi mà thôi ; những nhờ lý thú của chi khuyên dân bản học, thực là cho chúng em thêm một cái quả quý báu ; chúng những vui tai, thuận miệng, dờ buồn, lại còn mang mà làm một cái khuôn

pháp khá đi nơi theo mà tu tình lấy cái đáng diệu nết na, làm cho các bác thiếu-niên phải kính hôn mặt vợ, mà không dám dờ thói ngang bồng man dã.

Thờ mà, dưng hay như thờ, bồng dưng không hiểu rằng : chi đã se gút kết chi mà bạn việc nổi chực tàn phu ; hay là có chút thái tàn chi tru mà phải đứng người hời, mồm mồm son ; dưng kỳ báo này em cảm dờ từ nhật trính, nào cũng là vâng nhờ chi, vâng nhờ chi em chả muốn xem, hời vì rằng, lấy nhờ nào là hay bằng nhờ chi nữa. Nói như thờ thì em hẹp nghĩ làm dầy ; nhưng mà thực làm ; dưng rằng em có xem chẳng nữa thì cũng lại chi nghĩa vụ phải xem báo thì xem chứ chi xem ấy thực là không vui chi ư, phượng ngón người ta báo rằng, « dân bà làm nhờ » Thờ mà sao lại hóa ra ít nhờ. Báo Đôn.-có khi xira, em chả được xem nhưng mà nghe lại chi em bà con thì chi thực là tui khốn to làm, dờ cho đồng bào kêu chi biết bao giờ cho hết được. Thờ mà báo Đổng dưng này, chi mới thì thờ ít nhiều, chẳng biết chi bực cho thiên hạ thể tình, nam nhi đồng quốc, hay là chi muốn dành lại cho cháu họ ngày sau, mà chi đã vội vàng thất lợi, để cho chi em chúng tôi kèm chi phải bởi hời.

Bởi hời thực, bởi hời vì nghe những nhờ ăn tiếng nói thể tình chế bai lữ con gái ta rằng ; chi nhi học rồi tự mồm.

Em từ thay, em phải thưa chi, và lại em thì học kém chi ngu, em xin chi chờ nó chi, lại cứ nhất tâm mà bản

học, dờ cho những kẻ chế hai, những phường ong bướm, những lũ người sống, phải dờ mặt, thăm mồm, nhiều rông, tức ruột.

Thời chi này, lúc này là thời buổi Âu-A giao thông, nước nam nhà, em liếc mắt trông như các ông thiếu-niên trong nước, thực là làm cách lạ lùng thay. Lãng tai vụng nghe thì thực là làm nhờ sang trọng khiêu ; nào là tài này, nào là chí kia, chữ tốt ca tài, gồm l dưng vào nhiều cách duy tân ngoài vòng học hành nề nếp cả. Nói

thờ là dờ, nhưng lại nhìn lại, cảnh nữ lưu miệt thì chán quai, làm cho kẻ ở hàng xóm kính rông, thân bằng có hữu, quen thuộc, phải sợ mặt lầy ; nào với bột mặt, nao gạch non mồm, nào dờ hông cửa, nào ngày ngửa một nghìn ; xin chi thông thả chi lại cho em và xin bản học những nhờ em, để cho em được một bài học quý của chi em đồng bào, cảm em.

Nguyễn-thị-Bồng

Nữ độc giả Ph.Th. M đã yêu thích "nhờ dân bà" từ thời Đổng cổ từng báo mà nay Đào Thị Loan vừa viết lại một thời gian ngắn đã ngừng, cũng e rằng bị trái nắng trở giới chăng ? Với nhiệt tình xây dựng, tuy bản thân tự nhận đã theo bút nghiên nhiều hơn văn Quốc ngữ, vẫn theo gương Đào Thị Loan mà tập tành viết lách để góp phần xóa bỏ vô số thói hư tật xấu của giới nam nhi, trẻ cũng như già, ở nông thôn và đặc biệt ở thành thị gay biết bao thiệt hại cho gia đình và đất nước. Với nữ giới cũng thế hư hỏng thêm nhiều, từ ăn mặc đến dưng công ngôn hạnh đều có phần giảm sút, phải tự giác mà sửa đi. Trên ĐĐTC Ph. T. Mai mạnh dạn tỏ bày để góp phần cùng Đào Thị Loan trong mục "Nhờ dân bà" (ĐĐTC số 30).

NIỀM ĐÀN BÀ
(Propos de femme)

Đã hơn một tháng nay, em bận việc quê, báo gửi dờ cho cậu nó thì cứ xếp đống dầy, chả xem được một kỳ nào, vì tháng trước này là vụ gặt, em phải về trông cho người ta chia rã ; mấy hôm nay việc đồng ruộng xong đứng dưới gòe đào mà trông cho thợ đập lúa, tay vịn cành cây, thầy hoa đào gần dưới gió dờng, sự nghĩ dờ nhờ chi trong báo Đổng-dưng thì bụng bâng hoàng vừa ngồi vừa nghĩ, sột một quả, lập tức phải ra lấy mấy kỳ báo về xem ; bụng báo đã rằng tất thờ Đôn-nương cũng có luận bản một đôi điều ích lợi cho bọn nữ lưu ta. Xem

thời kỳ nọ dờn kỳ kia, mục họ nào không thấy nhờ chi, cũng tưởng là người in bỏ sót mặt bản, sau xem mới dờn số 29 thấy chi Nguyễn-thị-Bồng ở phố hàng Đào, oán hận chi « hay đã se gút kết chi, giữ bé nội chi tàn phu » rồi vui dưng huê nguyệt mà quên mất cả điều ích lợi chúng cho bọn mà không chúng em.

Em nay cũng trong nhà văn học, tay xuân xanh tuổi hãy còn thơ, tài chí hần bác đạt, nhờ như văn tao, ý kiến sâu sắc, thực lý với chi thì mới chi được một. Nhưng dờ thờ, em sẵn Trích chực tuyêt mây dờn : thì theo đi là được ít nhiều bất nhiên, duy văn quốc-ngữ thì lần này là buổi se đầu, mà em mới tập làm lần thứ nhất, chớ rằng thờ nào chả khỏi một chút

sai lầm, trong chị em ta, chị rộng lượng không oán công lao, chắc cũng phải chính lại cho một vài.

Trong nhời chị Nguyễn-thị-Bồng thì ngữ chị giấy tờ bông đã vẫn vẫn nơi nào, năng khiến sửa lỗi, hẳn cũng bận hầu hạ đứng lần lạng; nhưng ý kiến em tưởng thì không phải; từ khi xưa bác Đăng-Cổ, nhời luận bàn của chị nói danh giá trong một thời, thì phi học vẫn thật rộng, tư tưởng thật cao, những kiến thức, vẫn chừng được tuyệt diệu như thế, mà tư tưởng cao, học thức rộng, tất phải niệm thắm nguyệt cụa mới được, chắc hẳn giờ chị cũng đã cả nhón rồi. Mà chồng Đăng-văn nín hơi lặng tiếng từ bấy đến giờ, kể năm đã ba, tư coi lẽ, thì bấy giờ rõ xuân sanh chị cũng đã chạc chừng bóng rọi, may ra khi đã tay bóng tay mang. Mấy kỹ này không có nhời hay như phải của chị đứng vào báo, chắc là chả may chửi nặng giờ giới, tình thần mới mệt, sợ nhọc trí, nên chưa nghĩ bài đăng báo hân.

Nghĩ mà chán thật! bọn thiếu niên hay giờ sao mà tệ quá, chị à! em ở nhà-quê thì chán một phần, ra đàn chôn thậ thành này thì chán mười phần.

Cánh thiếu niên nam nhi, thật là bọn rất chóng mang được cho xã-hội hay giờ, thì tưởng nên cùng nhau đua học thì tài, mỗi người một nghề, có dịp cho nước được thịnh vượng cho nỗi tiếng anh hùng hào kiệt, ý khí chường phu, để sừng là bực tu mi nam tử, thì mới phải. Nhưng họ nào có thể, dù để nhau mà làm điều hại nước, hại nhà, hại vợ, hại con, nhất cả đạo cương thường nhờ công học, mà tư-cơ điển-sân hết cả về cái đại.

Ở nhà-quê thì lũ năm lũ bảy, giắt giữ nhau nào: thuốc-phấn, đánh-bạc, quay-dắt, thò lò, tổ-tôm, tam-cúo, mà mau vào, mặt công, mặt việc, mặt làm, mặt ăn, mà cấy bừa, ruộng nương chui cả vào xe. lợ, quần áo, cái bát. Còn chôn thậ thành ta thì họ chơi hơi lại tệ quá, chán tổ-tôm đến tái-bần,

chán tái-bần đến bần, chán bần thì bấy giờ lại đến si-xi. Xong cuộc học lại đi ra đến cách dài phiên, điều chú điều anh, nay đi mai mới, rồi thành ra mầu phải cái nạn cơm đen. Có thể thời dần, nào ó-ten, cá-phà, giắt giữ nhau từng cặp vào sấm, hết tiền thì đi có ông hắc quí, không biết của ông ấy nhiệm đâu được ngay nhiều một quí hóa thò!!

Còn như bọn quán thoa ta, thì như lũ thiếu niên bấy giờ sinh ra làm điều thảm khà ó: cách ăn mặc đã chẳng biết chôn chôn, đường đi bành lại chẳng được như xưa may bắt chước các me, mai bắt chước các thím, khi đi đứng áo, khi về chạm quần, hết nghề ông bươm lại đường nguyệt hoa, bỏ ăn mặc cách nói năng một ngày một lạ, thắm chít cơ học đồ chữ, thời thì khắp mặt, dù nhau đánh dè mà doan âm dương chôn ló hay là trong 36 cửa thần mộng ứng cho, chỉ những tính cái lợi nhỏ nhỏ mà nào có biết cái hại lấy đình, thật là những thói sần quá của khách mi-hồng ta đang thì buổi bấy giờ.

Thối gọi là mây nhời nóm ra già nhời chị, xin chị cố gắng gương đây, khuyên bảo cho bọn thiếu niên ta, và khua mõ gõ sáo rõ cho bọn nam nhi họ, là tu-mi nam-tử mà không hăng gá khách quán thoa, để cho ta tỉnh lại, vì trong bọn ta, chị thực đáng vào khoa ngôn ngữ đứng vào mặt nữ trung anh hùng, thì chị xứng lên, các em khi nào xem lời luận bàn của chị em được ít lý tưởng riêng lại để nhời, cho mỗi ngày bọn em được nhiều vấn hay ý lạ để tăng cái phẩm giá đàn bà lên.

Chả nói đầu gì chị, em nay xuân xanh gần thừa đào-yêu, bạn kim loan chưa gặp được người quân-tử, mà liếc mắt ra trông thì-tình mà chán, mà sợ, nên xin chị đỡ nhời em mà khuyên nhủ hộ lại đời em.

May như báo Đông-broag chẳng quên bút mực, vậy em mới giảm tờ mây nhời dài trình cũng chị Ph. th. M

Có hai bài báo trên, lại thêm một số thư riêng gửi về tòa soạn Đào Thị Loan đã đáp lại, nhiệt liệt hoan nghênh sự tham gia của đọc giả: Thăng hoặc có chị em nào chưa tiện viết thành bài để báo đăng, thì xin viết thư góp ý. Ví như từ một lá thư ở tòa soạn, Đào Thị Loan nghị luận rất hay về thủ tục lấy chồng sớm. Gái mới lớn, nhĩ đào vừa hé, trăng chưa tròn đã phải vinh quy. Thật là miệng còn hơi sữa đã phải cho con bú, rồi để soành soạch, hàng năm, bao nhiêu nét xuân xanh tươi trên mặt trên người đã rừ nhau tàn lụi dần. Nên nhớ "vụ quy" là kết thúc cuộc đời con gái sung sướng nhất cho nên vội vàng làm chi? Câu "già kén kẹn hom" chỉ để dạy những phụ nữ không tự biết mình đúng giá, già kén, đời tượng nào cũng chẻ làm vào cảnh quá thời hiêm người hỏi đến (ĐĐTC số 31).

NHỜI ĐÀN BÀ (Propos de femme)

Đào-nương đáp lại

A! thò ra nhời nói không nóng. Em đã tưởng phen này nhất quyết xếp bút nghiên một xã, nói làm chi động-dãi cho làm mà chẳng ai nghe; vẫn nghĩ rằng chẳng những đàn-bà chúng ta xem không vỡ hiểu sai, mà đàn-ông cũng chẳng có ai là người đọc nhời báo mà suy đến thực nghĩa; cứ gọi là học qua loa, chỗ nào có câu nói đùa thì cười phi một tiếng, khen đến câu con bé hêm! là hết cách nghị-luận.

Em cũng vẫn nghĩ như thế, mà quyết chí đem những ý-tư riêng mới mẻ, ghi vào một tập để rành cho các cháu ngày sau, chúng đem ra in làm chi bấy giờ cho phí giấy tờn mực của nhật-báo, để nhường chỗ cho mấy ông làm thơ mồm tằm, tích từ với lục nói ngày trước.

Thò mở ra em háp-táp nghĩ em, không phải là tại có hai cái thư quí-quần đăng ký trước đầu. Hai cái thư ấy, em chẳng cần phải xem từ đâu, phải thầy quý người, mới biết là những thư đực, giả sự làm đàn-bà, nhưng mà

đôi nhau thò nào được. Chị em người ta, học một câu văn dù biết nhau, dần nhời nói có hơi táo-tợn như lời em mặc lòng, cũng quần-bóng chúng ta nghe nhời nói là biết thị-thực hay thị-giả.

Vậy thì em mừng, chẳng phải là mừng chỉ hai cái thư của cô Hồng tâm-phư, và của bà M. bà-lão. Em mừng là mừng hai ba cái thư gấu sấp, mà báo-quần mới gửi cho hôm kia, hôm qua. Đó mới thực là nhời đàn-bà, mà thực đàn-bà thì còn có chút e-lệ như thò, nhời vàng tiếng ngọc mà nhất định bất em phải thay nhời nói ra, chớ không chịu để cho những người phàm biết danh hiệu; cái trắng-trợn, cái tai-tiêng số nhời, thầy em đã chót mang, thì các chị định để diệt cho một mình em.

Nhưng thời cũng lâu! Em đã quyết chí từ lâu, không bao giờ để cho nhời tục đến rằng ĐÀO-THỊ-LOAN mới kết duyên với ông Nguyễn-văn-Kèo, hay là thầy Lê-văn-Cột kia mà, thì ngại gì thêm ra một chút tiếng tăm. Một mình mình đã mang tiếng, thì xin cứ chịu mang tiếng một mình mình. Xin chị em ai muốn nói gì, mà lại còn ngại người ta đồn, thì cứ mặt-thư lại cho em như vậy, em xin cho cô nữ-hưu ta

mượn cái tên không sợ dâm-tiền này mà kẻ hèn nóng-nổi chung.

Ba cái thơ mới bắt được, làm cho em có đủ đầu-bài mà nghị-luận trong m'ới kỹ báo, kỹ này hãy tạm kể ra một điển của một người chị em viết thơ phân-nân về cái xuân-xanh mông-méo của con-gái nước Nam ta. Chị em phân-nân rằng : Giời ơi ! Sao thời lượng thiên ông chèo là một thời sung sướng thứ nhất của người đàn-bà, mà chồng mấy người biệt đố cho được lâu dài. Gái mới lớn lên, nhĩ-dào tươi-tốt, thâm-thoát chẳng qua được rau ba nắm, tin đi mời lại, kẻ hỏi người thăm, chẳng được mấy chút thì đã thành ra kỹ-vật cất đi rồi. Giông mình lại là một giông để mây-nở quạt, đàng lẽ là một việc hay cho chúng loại, mà vì cái tục vợ-vàng, hóa ra một việc làm hại cho giông nở. Ai đâu lại ngoi 20 tuổi đầu, đã để năm sáu bận, choanh-chơch cứ năm một mãi, khéo làm kẻ xuân-xanh ra được đến ba mươi, tu đó thành ra một vật rấy vô cũ-kỹ quá ; đầu vô người nguyên cớ đẹp, nó cũng như cái dải lụa trắng vô nút, chẳng thà mặc-mặc, mới cũ cũng đờng, khi đứng tuổi nó lại để non.

Đàn-bà ta từ ba mươi tuổi trở đi, thành ra một cái cảnh hết mới cho chóng, một cái cảnh không ai buồn nhìn cho kẻ khác. Ilhnh như bao nhiêu những hoa đẹp ở cái vườn nước ta, rủ nhau mà phải tàn đi cho chóng, để trơ một cảnh buồn rầu, vậy đó chỉ còn có vài ba đóa mượn màu dính lên con đên.

Trong khi các nước khác người ta phải khuyến nham giải lấy vợ giải lấy chồng, Annam mình thì việc ấy hai

Từ số 32 Đào Thị Loan được thưởng công, có thêm Nguyễn Thị Bồng làm

bạn đồng chí trong mục "Nhời đàn bà". lại được bà Đoàn tham gia : "tự do diễn đàn"

nghị luận về hoàn cảnh nào người đàn bà cam tâm làm vợ lẽ. Làm thân con gái, nếu

tốt duyên gặp người đàn ông vừa đôi phải lứa thì ai chả muốn. "Đối no một vợ một

hèn cũng với vàng quí, trường nữa em nhau từ từ gột sen ở chôn vườn xuân.

Thả mới biết con họ khác khe, làm cho nơi thì hoa cứ muốn làm hoa đực, biếng việc kết quả ; mà nơi thì hoa cứ chưa nở hoa đã muốn tàn, làm cho quả kết sớm, quả một ngày thui giông.

Vì con gái với lấy chồng ở nước ta, sinh ra làm nỗi ghê thay ! Thương hại cho những người ba trời danh, mà đầu năm một cuối năm một, miệng còn hơi sữa, mà đã phải cho em bú, đã đảm kham việc cũ-lao ; cây cừ non, mà cảnh mất gạo, cũng vì sai quả.

Chị em mình nên báo nhau, chứ với chị biết cái việc kỳ-khối. Còn mong mỗi ngày nào, còn vui ngày ấy, lúc biết rồi, nhất là sớm biết quí, chớ nó cũng chẳng ra thế nào cả.

Ta nên ngâm cho lâu cái buổi mong mới là buổi sướng nhất trong đời người đàn-bà.

Phải biết rằng ngày vu-qui là ngày kết cục của đời con gái, trước khi đến ngày ấy, thì ta hãy nên rèn tập lấy đủ mọi đức mà vào tộc đàn-bà, học đàn-hiến, vợ thảo, mẹ từ. Phải đó cho nam-nhĩ, chào hỏi chỗ chốn, ganh nham mà khoe sức khoe tài để thì vào mặt-xanh, khi ta đã kén chọn kỹ càng, hãy chờ mới đem tâm-lòng trinh-nguyên và nhĩ-dào tươi-tốt của ta mà cho người xứng đáng. Người càng so mại làm bao nhiêu, phẩm-giá ta mới lại càng cao.

Câu "giả kén kẹn hơn" là một câu của người tám-thường, ai có nhan sắc nét na, chẳng phải lo chi đến câu hèn-hạ ấy.

Đoan-thị-Loan.

chồng, một niêu cơm tám đầu lòng ăn chơi". Nhưng trong điều kiện nước ta, nữ giới quá đông so với nam giới, cái khoản chênh lệch thừa đó sẽ giải quyết ra sao nếu cứ một vợ một chồng?

NHỜI ĐÀN BÀ

(Propos de femme)

Thư chị Loan

Em cất ngời bút viết thư giả lời chị, em chỉ những nực cười!

Kỹ 20 em có gửi một bài vào đấng báo thăm chị và nhắc chị, thế mà không biết ý sao kỹ 31 này thầy chị đoán phỏng rằng : Cỗ Bồng tâm pher. Nực cười! thế thì bà-chị ta nghĩ sai rồi! cứ hẹp tư-tưởng như em thì nước Nam nhà nữ non sanh đẹp, sống bề sinh thường, giải tại giới xưa nay có thiếu gì người ; em liền chầu rông có địa này cũng ngày càng làm kẻ hư, dều khôn không nhiệm, nét đại không chừa ; ít có người hay ; thế mà chị đã ra ầu nói, nhận lấy trách nhiệm rằng rằng mang tư-tưởng chẳng quản kẻ chê người búng mep giải móm loa cứ nhất tâm bán bạc. Dường vui-chị đứng bút, em nghe nhiều tiếng chê bai, em trông rằng cũng trong một âm quân hồng, em bực tức cho một nhời kẻ

ngoài siết cang, cho nên em chỉ trổng gi hay dốt, gửi nhời vào trình bà-chị. Giá mà em biết được chôn lâu em giới thì em cũng có thêm chút quả mà ra một chị chứ em cũng không dám bán đống báo làm chi, chẳng qua phiên bản báo quĩn ra thời chừ có ích lợi gì?

Em đầu đêm đầu chi, em đeo cùn da gập khếch, chỉ tần tư tần, một đực áo hai no ba tấc, cái trôn gờm quá đi em làm chuyện nữa, đã vương vào cái chơu dẹt và chơu tòn lung. Nghe Giời phát, hai đấng xuân huyên em tuổi cũng đã gần cao ; em vào em nước cho nên em cũng được nước mình nơi kim ôc đnh chung. Bây giờ em ở hàng Đào mây gì em học học học

bán ; bặt nghìn cũng gọi là có một chút, chớ biết thân sau ra đến thế nào ! Em lo, nên em mong chị, há miệng gặm ra mà bán bạc, để cho lũ tư-my trông thầy chúng mình còn phải nỗ mà theo đến đ'ân ; và phần em cũng có thể nhờ được một vài, bết nhời chị, trong đường mỗi bận vô sau.

Thế mà chị lại đoán đã ra rơ ; thì đực, thì em cũng phải vung chơ biết làm thế nào ? Nhưng mà đực em là đực cỏi, vẫn tức đ' đ'ôi ge, vòm đ'oi chơ nực, như thiên địa thần linh ít nữa, đã dọc đến khúc đ'oi ; em ngâm đ'oi cho búng phớt, thì khúc đ'oi chỉ sen vào bình điệu, như Phật-tổ may ra cũng em dắt con bê con hồng con mang, mà theo cách vệ-sinh cũ, chị trong mấy kỹ báo trước đ'ực.

Chị à, thế thì chị khi nhắm mắt chửi, chị cũng đã tưởng rằng thiên hạ vô nhân, khiến cho lòng đ'oi em b'ong những hỏi hỏi vì chi ; biết bao nhời lòng thần sĩ, biết bao nhời b'ong yên thượng Nữ-quyển chúng ta em vẫn phải hết sức mong mới ; mà tình nề c'ie ông nam-nhĩ em cũng đã khen qu' ; thế thì chị phải cho chúng em nói với chị, người khôn nói làm từ cũng có khi ch'au, người ngu nói làm từ cũng có đến hay ; em sẵn "chính c'ie Không và nực-lam b'it-s'it này thơ đ'ong, họ để em không biết đạo lý chi, mà phải mượn đến mặt c'ie ông em bước m' hay là mấy báo đó em để đưa nhời thăm chị hay sao ?

Thối xin chị chớ nề gột ngọc mà d'ên chơi em, cho đ'ân em được nghềnh tập đ'é hầu chuyện chi kỹ văn-chương, kéo mai sau nữa gi'ay tờ em vẫn viết thì khó đ'ực bán chi ; em chắc chị đã là người có lòng chúng loại, chi cũng chẳng khinh chi em hèn m'ạn mà không đ'ên. Em chỉ trổng mong chị, mà qu'ít

nhà đời chiêu, cảm hoa: chỉ chực đón
rước bà-chị quý báu, đây thôi.
Kính chúc chị được ngọc-thé khoe-

cường, bản nói lâu bền, dù om xa chi
lên đũa, báo Đông-dương em xin nhờ
quí báo gửi theo cho em đến đây.

NGUYỄN-THỊ-ĐÔNG.

Đến số 33 Đào Thị Loan thật đặc ý mà chủ bút ĐĐTC chắc cũng vui lòng,

cùng một ngày “Nhời đàn bà” có ba người viết, ý kiến thật phong phú, thật sự thể
hiện tâm tư nguyện vọng của đông đảo nữ độc giả. Đào Thị Loan hồ hào nam giới
học tập thực hiện nếp tao nhã, lịch sự giúp đỡ nữ giới mỗi khi cần thiết. Đó là một
biểu hiện văn minh trong xã giao mà ta còn thiếu. Nam giới chẳng quan tâm, nữ giới
thì e dè, cần khác phục ngay, chứ sống trong xã hội, thực hiện nam nữ thụ thụ bất
thân thì sống sao nổi?

Cô Bồng vẫn tiếp tục ca ngợi và động viên Loan. Cô phân tích những bài viết
trong mục “Nhời đàn bà” từ ở Đảng cổ từng báo đến nay là rất có ích cho nữ giới,
cho đa số nam giới có kiến thức, cho hầu hết mọi người. Trong một gia đình sau bữa
com chiều, có thì giờ nhàn nhã cả nhà xum họp, nghe đọc ĐĐTC và mục Nhời đàn
bà, ai cũng hiểu và cùng nhau bàn bạc rôm rả. Cô Mai thì hoàn toàn đồng ý với
Loan, phê phán và nêu lên các tác hại không lường được, trước mắt cũng như lâu dài
của tệ tảo hôn, phân tích các tục lệ xấu đó là do sự lạc hậu của các bậc cha mẹ, con
gái mới 13,15 tuổi đã bắt “đặt đầu ngồi đấy”. Mai thấy cần bổ xung bài của Loan
một điểm, tuổi nào nam nữ nên bắt đầu tiến hành hôn nhân, và đề nghị : nam 22, nữ
19. Mai cũng phê phán thêm tệ dính hôn ngay từ lúc còn bào thai hoặc đời bên trai
gái còn bé tí.

Xã hội đổi thay, chữ quốc ngữ đang lan sâu mãnh liệt vào các tầng lớp nhân
dân, từ thành thị đến nông thôn. Mỗi số ĐĐTC được xuất bản, một tờ ĐĐTC tới tay
bạn đọc được luân chuyển, có hàng trăm người được đọc, được nghe. Độc giả biến
thành tác giả. Xin mời các bạn đón đọc “Nhời đàn bà” trong ĐĐTC năm 1914.

Thành phố Hồ Chí Minh 1/1/1998

NGUYỄN THỊ MUỘI VÀ BÙI TUƠNG TRÁC

So sánh về mặt văn chương chữ quốc ngữ “Nhời đàn bà” trong “Đông dương
tạp chí” 1913 chúng ta thấy đã có những bước tiến rất xa.

Chúng tôi sẽ tiếp tục giới thiệu những tuyển tập ĐĐTC 1914,1915,1916,
1917 tức là trong mười năm 1907 - 1917. Nhóm trí thức mới, nhóm “Đông dương tạp
chí” đã xây dựng những viên gạch đầu tiên làm nền móng cho nền “Văn minh chữ
Quốc ngữ”, xóa bỏ nền “Văn minh Nho học”.

Mở đầu cuộc cách mạng đổi mới của nước ta vào những năm đầu của thế kỷ XX.

Các con cháu và cháu

Ông Nguyễn Văn Vĩnh

NHỜI ĐÀN BÀ
(Propos de femme)

Người Đại-pháp có một nét gọi là *gal-
lanterie*, tiếng an-nam không có tiếng
riêng, là nét chiếm người đàn-bà,
khiêm tốn với người đàn-bà, ưng
ninh người đàn-bà, dùng nhời tao nhã
mà nói với người đàn-bà.

Đàn-ông nước Nam cũng có người
nét đàn-bà, sự đàn-bà, nhưng không
có cái nét riêng *gal lanterie* là một nét
người đàn-ông Âu-châu học từ thừa
chủ là một cách giao thiệp với nhau,
phải học ở khoa luân-lý.

Chúng những đàn-ông ta chẳng có
nét ấy, mà vì phong-tục bất nam nữ
phải trong-biệt cho nên người an-nam
cũng không hiểu được cách tao nhã ấy,
vì thế ông nào đi sang thời Tây và có
nhiệm Âu-phong, mà ăn cần với người
đàn-bà quý, ngộ không phải người
quen thì lại cho làm một cách lễ-lễ,
không tiện. Mà vì bằng có chín cách
ưng-ninh của người đàn-ông thì lại
đạo người đàn-ông ấy là đại, quý-bực
quá. Có kẻ kèm họ giáo-giục thầy
người đàn-ông xin khiêm tốn với mình
thì lại cho làm hẳn bích-quả nhà chùa.

Làm đi đường là trong thầy *cách*
chiêm-quá đàn-bà của người Đại-pháp

trước gì cho thiên-niên an-nam, nam nữ
cùng hiểu được và hiểu được; cái
tao nhã ấy. Ví dụ như lúc đi xe lửa, đi
xe-diện, hoặc là đi đường có những
nội phiến cho người đàn-bà, người
Đại-pháp có tục rằng đàn-ông thấy
người đàn-bà lên xuống xe lửa, có
lưng lưng thì *đàn quen đầu là cũng*
phải giơ tay đỡ lên, hoặc là cầm đỡ
cho những người đi, đứng, ngồi, để giúp
người vào ra khỏi (tập người đi đàn-
bà), hoặc có đi du xuân chầu qua,
nhiệm thì tán quen đầu họ cũng phải
nghe tiếng lòng làm một đĩnh đàn-bà
đen sít đưa đường, hoặc là đi làm
bên cạnh cho qua đoạn đường khó,
hoặc là cầm sách đỡ những đồ bán-
bùn. Mà thời lịch-sử của người quân-
tử giúp cho người đàn-bà còn gần như
thờ, không nên hỏi han, không nên
nhân đó mà làm quen thuộc, đã hình
như kẻ *chàng*. Người đàn-bà chỉ cho
mình giúp qua khỏi bực khó, chỉ gọi
là giúp một thoáng, hoa-cơ-vi, một
tông cầm cơ là đủ. Trong đám đông,
không bao giờ người đàn-ông nói
mà để người đàn-bà phải đứng. Người
đàn-bà đi đường bị đồ du xuân chầu
gheo, thì người đàn-ông nào trông
thấy trước tiên, cho như là việc may
cho mình, mà được dịp cứu giúp bực
vực.

Đó là những thói văn-minh người
an-nam ta nên noi lấy. Các ông thì

chắc hẳn cũng sẵn lòng theo tục ấy làm, nhưng mà dân-bà con-giủ còn nhiều người hú hùm. Đi đâu có diên gì khó khăn thì chịu, chứ đồ có dám cậy người dân-ông giúp mành, mà thầy-ai có ý sớt-sấn quá, thì lại tưởng người ta có tình riêng với mình, một là đồ một tha tử lên mà ngảnh đi, chưa ngon thì lại còn nói sặc, hai là hễ chịu thì đem ngay làm nghi ngại, có khi anh chàng giúp một việc nhỏ con con mà hèn ra được đến quá giới, chứ không thầy này có tự-nhiên mà cho cái việc giúp đỡ ấy là việc phận-sự của người dân-ông có giỗ giết phải làm.

Quyết hẳn một diên khiêm-tôn của người quân-tử cũng có khi làm cho xiêu dọ thuyên-quyên; nhân câu truyện tình cờ, mà nên duyên Tân Tân, nhưng mà việc khiêm-tôn ấy phải cho là một cái dịp, chứ không cho là một cái cơ được. Nghĩa là người dân-bà con-giủ cũng có khi nhớ một bước đường mà gặp được người thanh-khí như Nguyệt-ngà, Vân-tiên, nhưng mà chớ có cho mỗi lần gặp người phủ-tri là gặp khách tương-tri, nên vậy làm con-giủ đi vài bước đường thì đi đời mất tình-tiết.

Dân-bà ta lại còn có thứ người hú như chị gái góa kia, bị kẻ nắm tay mà chặt tay đứt-tiết đi. Mấy người ấy thì nhời bản này là nhời bản nhảm. Nhưng người đó là những đồ nô-lê một nghĩa hẹp hòi, một sự hiểu sai chữ tiết. Chính ở trong đám ấy, chắc hẳn có người gao chặt được cái tay vô-tình mà không có gan làm tội cái óc, thơ than một giờ nhân tội gặp trăm lần cái bản tay chẳng định mà dụng tay người.

Biết bao giờ đây cho những người ngu-phụ ấy biết rằng, tội hay chúng tội ở bụng mình mà thôi. Lòng đã chẳng định hôn-giàu thì đâu kẻ cường-bạo có phạm đến cái da vô-chí-giác của mình, bụng vẫn chong sạch như

tuyết như sương, há tất phải trái là bạo-hóa mà lúy cái xương-thịt linh-thiêng giới phở cho mình đi.

Dương bản thói lịch-sự của người Đại-phủ với người dân-lê, mà em lại bản đến cách giữ tình-tiết của mấy người dân-lê ta, là vì cũng bởi cách hù-lũn ấy cho nên tục thanh-tạo kia không nhiệm được vào tuổi nước mình, làm cho người dân-ông an-nam chỉ biết cách sự dân-bà mà không biết cách lễ-phép với dân-bà.

Hai tình ấy khác nhau lắm, nên phân kéo mây ông râu quặp-vào. Thầy em nói vậy, tưởng quặp là hay, lại đến thợ cao báo lợ cho quặp thêm.

Đào-thị-loan

Tuần lễ trước, qui-quan có gửi cho em cái thư của cô Nguyệt-thị-Bông, thì em cũng thư lại bản truyện rồi, song vì thời là chị hẹn những nước trà lấu, những trâu cắt thược, phiên quả cho nên phải làm thất mã đến mấy hàng, không dám ra một. Nay đã được là một biết tên thực lấy làm quý báu, vậy có mấy lời xin lỗi ở đây cũng bà chi, vì câu nói với tăng nghệ họ, và để cho các nghệ xem báo biết rằng nhiệt thần lòng gấm ấy, quả là nhời của bọn duốt-gà quân-linh chúng tôi, chứ không phải câu truyện giả vô đầu.

Bản quán mới tiếp được hai cái lờ của cô Bông và cô Mai cũng xin dâng báo đề các bà nhân lăm.

Tờ của cô Bông

Biết bao nhiêu là ân ái, biết bao nhiêu là ân cần, em chỉ mong ước đêm ngày được giao thiệp cùng bà chị là một cái ước mong của em mà thôi (cũng như các ông mê t-cl. tài-bản mơ-trưởng ấy). Em chắc bà-chị cũng muốn tờ cái dung nhan quý-báu cho chúng em giao thiệp là phải, chứ còn những kẻ phạm khác, hễ dễ xem được mặt người quảng-bản. Có đầu

thò ? Nhưng mà thò thật ; — Từ khi em thóc lên đến giờ, em nghe cái hie chưa có báo Đông-dương thì nhiều người tán tụng chỉ có báo Đông-có khi xira bà Hào-thị-Loan nói là giỏi, gửi em thì cổ như bà ấy nói thì hoai luh được nhiều người ; chẳng những trong đám nữ-hư mà tu uy cũng phải phục sự rằng cổ như chẳng bằng các gã quân thoa. Em tưởng như thế thì nhời bà chị ta cũng không nóng đầu ; xin chị phải biết cho đám nữ-hư từ ngày em được nhà-nước cô Nữ-học-dương để cho lũ quân hông đua nhau bút mực chỉ kim, chắc sao mấy ực triệu con người tạt cũng có vài trăm người nghe hiểu nhời chị, vài trăm người ấy có nhè lan khắp ra vài trăm người nữa cũng hiểu được. Xem như em cứ kỳ báo này, mà tòa báo gửi lại cho cụ em, thì xong hie hàng-họ con-nước, ngọn đèn thap lên, xum xít lại ; nào các em gái bé, các em gái nhớn, cả lír con vú con bầu quanh cả mình em, em đọc nhời-báo cho cả nhè nghe, biết bao nhiêu là nhời hay nhè phải rừ-rừ như xam như xét như sênh như phích nhỏ to khuai gõ ở bên tai cả một gia quyền, thành ra một người đọc muốn người biết ; giông giới tưng-tưng lấy diên-phải nhè-chuối.

Cái vui thú ấy kẻ biết ngàn tờ cho siết.

Còn như các học nam-nhĩ, mà xem báo không hiểu, chỉ biết há-hong cười lên hê lúc nào có câu nói đùa, thì em xin đóng sòng vào cho một lũ nghệ-ngiáo, vài bác cờ-bạc, rừu ché, gini-giải, chứ những người học thược cổ nhè thích nhời chị lắm. Thè thì những lạ chấ biết gì thì chị chớ làm gì ! Thợ xin chị cái cơn giận thê-tình ấy, hăng-lạc mang xếp-nó ra ngoài ; mà nghệ-học lại mồm cười cũng chúng em bản bản nói nói rồe sao cho hết túi khôn, để gây nên cho đám nữ-hư nhà, ai này ;

cũng sập si bằng chị, chứ nên mà có nước chi có một chị, thì em thier trông cái đạo chị chấ hóa ra khó nói lắm ư !

Vài tuần giông, quả địa-cầu luân chuyển nira, em đã vướng vào cái nợ đời ký-vật của người rồi ; than ôi ! em cũng muốn rằng, bắt chước như nhời chị, mà lấy cái đời buróm nghien ong chào làm sưông ; nhưng mà cái tư-cách tự-lập tự-quyên chấ có. Thoi thì cha mẹ sếp dần ngổỉ đó, chấ biết rằng mai sau cái duyên ông Tư bà Nguyệt luy lại là một cái nợ giới bước cũng chẳng biết đầu. Thoi thì cũng có mà nhảm mắt đũa chân kéo mà người ta lại rừo rạo rằng :

Chàng chàng như nòn không [quai :

Như thuyên không lại như ai không [chông.

Ngủ trong cửa sổ chòm râm :

Chân lùn đêm quê không chong cũng [thư.

Ấy thê-tình chán-chán ra đời ; chấ rằng bà chị cũng đã hiểu cả rồi, thì cái tư-tưởng của bà chị, em tưởng nên tỏ ra chứ đừng để dành cho chấ bé mới là phải lắm.

Cái thư trước em đáp chị chừ được tận chân luh, chưa được hêt gan ruột, cho nên em phải nói theo,

vậy thì cái tư-tưởng học văn của em cũng chẳng có gì, xin có diên gì nhảm lỏi bà chị đánh chữ đại-xi cho. Có nhè lý gì non một bà chị năng lên cho cũng hỏ ; thì em được cảm ơn chị lắm.

Sau nữa em xin chị từ giờ giờ đi chỉ chớ phép-chúng em hê có diên gì nợ thì hoi, có diên gì giới thì thura, có diên gì không biết thì trình, để cho cái kiện thừe nữ-hư nhà được rưng thừe ra.

Và xin chị như cho em thực là con-

gửi hàng Đào.

NGUYỄN-THỊ-BỔNG.

Từ của cô Mai

Hôm nọ em xem báo số 31 thấy chị bạn về học chúng em hay với càng kết duyên sớm quá, nên xuân sanh mừng mướn, chớ được bao lâu. Nhân thờ trên chỉ lại báo cái thư đứng kỳ trước là thi-dự giả làm đả-bà, và chị mừng không phải mừng ở cái thư bà M. bỏ-bỏ, vì nhờ chị bạn tuy táo-tợn, xem xong biết ngay là thực. Em đọc xong, ngâm nghĩ một hồi, rồi cứ nửa cười nửa khóc chị, nên phải nghĩ một một kỳ không kịp đăng báo.

Em cười là cười chị dò tiếng ác cho người, cười là cười chị không suy sau nghĩ trước. Em tưởng phạm văn-chương, có thể uyển thác, có thể châm tằm, có thể húng đưng, có thể cương chực, xem vẫn mà biết tình tình người thì có, chớ xem mà phán được nam nữ thì ít khi quá, vì thiên-hạ cũng nhiều người trong nữ huân mà ngoài nam phong.

Thề thì có như dân, ngày xưa còn có người đá hình làm dưng nam-nữ học-bành, mà bây giờ chị báo thề thì ra em đang đường trong-phần, quần chân khăn chít, mà lại phải mướn mới sau mà phán, giả mặc yếm có đường ngoi mới đòi được nhờ cũng chị hay sao?

Thật câu hò-báo giả chị đòi lại chớ là mẹ dại, thì em xin chịu. Còn câu bị báo thi-dự, thì thực em ấy hơn con Thị-kính. Trong đám quần thoa ta mà chị còn rềc thề, thì chị, em chỉ ngoài ai không báo là Đào-mường có râu, hay là Đào-mường bận cả-vạt mà đội mũ *al-binh*.

Chả có nhó, em với chị cũng trong thời nhà băng tuyết mà lại bắt chước như người ta báo không tin thì cũng di cho quan Đốc-trí vì dít, hay bà Sa-

phạm thì nghiêm hay sao?

Một tâm lòng thành đã tỏ không hay, mà lại còn cứ báo người ta, viết thư gần sếp giả như mới là nhà; Em tưởng có nghĩ một biệt nữ, có nói mới biệt hàn: đã bán được thì phổ danh đang tiếng cho thiên-hạ trông vào, để phân chân lên. Cho người đồng kẻ báo cũng bắt chước đua nhau mà dần dần xây thành cái học văn-chương, cho bọn hồng-kiểm ta cũng hươe lên câu văn-minh, để gây nên cái nữ quyền từ giờ không bị áp chế, thì mới phải. Chứ với gì mà phải ăn lính nạp bóng, sợ lý tài người ta đâm tiền phải đầu ư?

Còn nhờ chị bạn về việc táo hồn, mà còn có kẻ chê; qua câu cất dip xưa ai cầm hàm duyên bà? thì em nghĩ không phải, nhờ bạn ấy thực chép làm nữ sử được, chỉ hiem còn hơi khuyêt ý một chút thôi.

An-nam ta tục táo-hồn thì thực tệ quá! ai lại có con gái hái để cháo-máo, con gái hái còn chửi dáo, mà đã đập danh bán sê, vội báo câu ô. Khi huyết chưa mạnh, gân cốt còn non, tưởng việc vui thú chôn khuê-phòng chẳng chi, cứ thông cử tý năm một, tay bồng tay mang. Một cây gành vác biết bao nhiêu cánh, lại còn lúc kim-sân xưa kia chưa biết đủ phép vậ-sinh, chích nào vãi hạn ra quả, cây sao chả cối, mà cây non sinh quả, quả hẳn phải hé.

Xét kỹ cũng không phải lỗi ở học thiên niên chúng em, gửi tờ mà đã giữa nghề sớm sao? Chứ vì lên 9, 10 tuổi, chỉ khôn chưa đủ nghĩ, mà học ép nòng, lại tục an nam thì ai 15 tuổi có con, ngoài 30 tuổi có cháu, thì khôn là nhà có phúc. Nên cứ áp phứt theo tục ấy mãi, dần hoặc có người xin thông thả, để tìm kẻ đồng sàng sinh vai, thì bỏ mẹ lại mừng: con gái kết đầu gối đây, quyền gì hạn cho cha mẹ; con hẳn cũng không dám soi

phận gửi mà sợ phép nhà. Mà hai táo-hồn, không nhưng ngoài 20 tuổi, gửi tờ chớ đã sảy ra nạ đồng, cái giả sống sặc ở đầu nó đen, còn khi nhón lên, thấy bạn tài-hoa không gặp được người tài-kỹ, sinh ra yêu cầu chọn nam, làm sự giữa trẻ nữa. Ngó như ngoài 40 tuổi có ai chớ già, thì đã có câu chọn đầu: zai 30 tuổi đang Soon, gái 30 tuổi đã toan về nhà, vẫn không chịu lỗi do ở sự táo-hồn ấy.

Nhờ chị thật phải, hiem khôn, hạn tuổi, thì các em, có nhó cứ chôn phi-thủy suốt 5 canh chầu được, khôn lương xuân ở một phòng không, quả mai ba bảy đang tờ, luôn năm năm chực phận mai du?

Em thiết tưởng việc táo-hồn thì trước là đường chớ hạnh chưa đúng làm học phụ mẫu mà chích phải học hoặc chữa đi chớ loanh sinh, sau là mẹ yêu sinh con yêu, con yêu sinh cháu yêu, mỗi ngày tuổi một đút lại, đi học về cũng, đời người rồi chóng học hoa phù-dung sáng nở chưa tàn.

Vậy em nghĩ cứ như ngày xưa thì gái 30 tuổi lấy vợ, ai ngoài 20 tuổi lấy chồng, thật là rất phải. Nhưng an-

nam ta tục sớm quen thân đi rồi, thì xin từ bây giờ cứ gái 22 tuổi, gái 19 tuổi là vừa. Và xin giới hạn gái vài tuổi, chẳng có học độ 30 tuổi giới còn đang sữa, ngoài lại trông học mướn, thì xuân xanh đã quá lý bao giờ, nó chỉ thêm tức mình ra thôi; Nếu gái hơn giới vài tuổi thì không đê, nó nhiều khi chống thày vợ cao, như đời dĩa lệch, trông sao cho dẫu được.

Nhân thề, em lại xin nói qua đến cái tệ dâm-hồn nữa; có người ước với nhau từ lúc trong thai; có người không thuận hò me bắt ép mãi, rồi gái không biết một nhơn, với học tá-hợp, thành ra giấy tờ hồng đã gò bó chết. Việc hôn nhân ta như thế mà không biết dứt lui, thì việc nhơn-duyên ít có đẹp đỏi, làm sao cho khỏi diên ngang chớ được?

Áy gọi là có mấy như chích bị bị chi, và báo thêm về việc định hôn một thề, hoặc như có chớ sai phạm, thì chị rông trong bộ quá đi cho

Kính-chi,

PHẠM-THỊ-MAI

MỤC LỤC (TIẾP THEO TRANG 65)

12- Từ số 32 Đào thị Loan được thưởng công	Đ DTC số 32	38-40
-Đào thị Loan thật đặc ý, mà ông chủ bút		
Đ DTC chắc cũng vui lòng	Đ DTC số 33	40-42
-Bài của cô Nguyễn thị Bóng	Đ DTC số 33	42-43
-Bài của cô Phạm thị Mai	Đ DTC số 33	44-45

Phu lục

-Chữ Quốc ngữ NV VINH	46-47
-Học mới học cũ	
Phạm Quỳnh	48-49
-Giá trị của Đ DTC	52-64
Trần Việt Sơn	

Chữ Quốc-ngữ

(La Quốc-nghê)

Chữ quốc-ngữ tuy rằng có mấy nơi khuyết-liếm, có mấy chỗ không-liếm, song tỉ với chữ-nôm ta, và chữ-nôm thì thực là một lỗi liếm quá rồi, cho nên ai cũng đành cá rằng cứ nên để y như vậy mà dùng.

Mấy năm nay có người bàn cách sửa đổi chữ quốc-ngữ cho phải lẽ, nhưng mà chẳng lý nào bằng thói-quen của người ta, cho nên tuy đã có nghị-dịnh y lời *Kuộc-ngữ tân-thức*, mà không ai chịu theo, tin-thức lại mang tiếng oan rầu khéo và với cho nhiều-sư.

Nay bản-quản lấy việc có-bộng cho chữ quốc-ngữ làm chủ-nghĩa, tưởng cũng nên đem hết các khuyết-liếm, các nơi không tiện ra mà sửa lại, chẳng đơm đem cách nào mới mà xin thò vào lỗi cũ, sợ thiên-hạ lại bảo vô với, song cũng nên bàn các nơi bất-tiện ra để ai này lưu-lâm vào đó, thì dễ có ngày tự-đưng chẳng phải ai bàn mà chữ quốc-ngữ tự đổi dần dần đi.

Trước hết chữ quốc-ngữ không biết bởi ai mà thành ra, nhưng quyết được rằng những người dùng đầu-tiền, không phải là người Đại-pháp. Ý hẳn là bởi mấy ông cố-đạo Bồ-đào-nha đến đất Nam-kỳ từ đầu XVII thế-kỷ, cho nên nhiều văn không giống văn Đại-pháp. Sự ấy đến ngày nay thành ra khuyết-liếm. Vì giữ thứ chữ quốc-ngữ đặt theo văn Lang-sa, thì người học chữ quốc-ngữ vừa học được văn Lang-sa nhân thò mà trong văn quốc-ngữ giữ có lộn tiếng Lang-sa vào, cứ viết theo cách Lang-sa ai ai cũng đọc được. (Chẳng may văn Lang-sa khác, cho nên những tiếng Lang-sa viết lộn vào văn quốc-ngữ, như là các tên người, tên các xứ, những tiếng chó các

thứ đồ vật ta không có tên, phải dùng tiếng-tây, thì không mấy người đọc được, muốn cho người ta đọc-được, lại phải dịch văn Lang-sa ra văn quốc-ngữ, nghe nó ngộ-nghe khó chịu quá mà lại sai mất cả cách viết, mà trong tiếng Lang-sa, thì cách viết là một điều quan-hệ, như chữ *Lon* (là người ta) mà dịch lại ra văn quốc-ngữ *lông* thì có lộn lộn với tiếng *lông* (là dê), thì khác nào như chữ *nhỏ* viết lộn chữ *ch* (chí) ra chữ *zh* (chí).

Vì thứ văn quốc-ngữ mà đặt theo văn Lang-sa thì có lẽ tránh được cái phiền phải đặt 2 chữ mới như chữ *đ* có chữ *ơ*. Chữ *u* Lang-sa thì dùng bẻ đứng tạm làm chữ *ư* quốc-ngữ còn chữ *u* quốc-ngữ thì vẫn tây viết *ou*.

Nghe đầu có mấy ông Tây dùng lối văn tây mà viết tiếng an-nam, chỉ thêm năm sáu, thò mà dạy các quí-quan học tiếng ta liếm lấm.

Tôi ước ao rằng một ngày kia sẽ ra một lẽ gì làm cho lời nươn văn tây ấy thành ra lời quốc-ngữ *tuong thuong* thực-tiện. Chỉ ước như thế chứ không dám bàn, vì một lời chữ đặt ra hie nào không ai biết được, vì cứ gì mà theo lẽ nào cũng không phòng định được, hie tự-hưng nó đổi đi, xong rồi mới biết được nhờ tại làm sao, chứ ai có nên bàn cái thế thò một lời chữ, một tiếng hoi; một văn-chương.

Còn như chữ quốc-ngữ có mấy điều người Bắc-kỳ ta tưởng rằng bất-tiện nhưng tôi đã nghiệm ra ở Trung-kỳ và ở Nam-kỳ thì thực là cần để như vậy.

Như những tiếng nên viết ch hay là tr ngoài Bắc ta thì không phân biệt chút nào, nhưng ở Nam-kỳ thì thật có phân biệt. Như con *trâu* mà viết làm *châu* (hạt châu), thì người Nam-kỳ không hiểu. Xét kỹ ra, thì sự phân biệt ấy có chữ quốc-ngữ rồi mới phân biệt, chứ không phải vốn văn phân biệt. Nghĩa là ngày xưa trong cách đọc cũng

có một cách đọc ch không uốn lưỡi với một cách đọc nặng tr, nhưng mà cách đọc khác nhau ấy không làm cho một tiếng khác nghĩa đi. Về sau có chữ quốc-ngữ rồi, đặt thành tự-vị, thì người sau thò người trước, mà lấy cũ tình cứ làm ra một cái lệ, đến ngày nay quen mất quen tại đi rồi, người nông nổi tưởng là vốn tiếng Nam-kỳ ngày xưa con trâu phải đọc nặng mà hát chầu phải đọc nhẹ. Việc này tôi đã thí nghiệm ở người không biết chữ quốc-ngữ thì thực họ không phân biệt có mấy người biết chữ quốc-ngữ thì cho cách phân biệt ấy là một cách của người có học. Sự này tôi đã cố ý nghiệm từ Thanh-hóa vô tới Quảng-nam và ở Sai-gòn.

Còn như chữ *s* với chữ *x* thì cũng vậy. Ngoài Bắc với trong Trung-kỳ thực không phân. Còn Nam-kỳ thì bản chữ *s* phải đọc uốn lưỡi, như chữ *ch* tây, còn chữ *x* thì đọc như chữ *s* tây.

Chữ *gi* chữ *đ*, chữ *r* thì ở Bắc-kỳ ta không phân, còn ở Nam-kỳ và Trung-kỳ phân biệt được chắc chữ *r* mà thôi, còn *đ* với *gi* cũng đọc như chữ *y*, mà không mấy người biết chắc được tiếng nào đáng viết *đ* hay *gi*.

Xét ra những cách phân biệt đó, tuy là có quốc-ngữ rồi mới sinh ra, trừ ra chữ *r* thì nguyên bao giờ Trung-kỳ với Nam-kỳ cũng vẫn có) nhưng mà tưởng những cách phân biệt ấy cũng làm cho tiếng an-nam thêm rõ ra được một đôi chút. Bây giờ ta cứ cho như vốn văn có cũng chẳng sao, mà những người dùng chữ quốc-ngữ sau cũng nên theo người dùng chữ quốc-ngữ trước.

Trong cách hai xứ dằng trong dằng ngoài dùng chữ quốc-ngữ, lại còn một điều ngờ nữa, là dằng ngoài tr thì không phân biệt khai-khẩu âm, như *đ*, *gi*, *r*, *ch*, *tr*, mà dằng trong thì lại hay lộn bẻ khẩu-âm.

Như con thì người Nam-kỳ hay đọc lộn viết lấm ra *cong*, mà có chữ phải viết có chữ *g*. (giọng mũi) và sau người Nam-kỳ lại yón tré rông an đợ là ang thì bỏ chữ *g* đi. Như trong sách quốc-ngữ Sai-gòn, nhiều chữ *phan-g* kê viết là *phan kê*; kinh trình chữ vị đáng *tân*, (tên Bắc-kỳ ta là *tiên*) đáng là phải viết *lông*). Khách *son*, trong ấy viết khách *son*.

Tài sắc, viết lộn là tài *sắc*, mà sát danh thì lại viết lộn là *sắc* danh.

Bao nhiêu tiếng mũi dài, Nam-kỳ theo cách đọc sai, viết ra tiếng vẫn: Như cái hình viết theo cách đọc ra *hinh*, *khinh*, viết là *khôn*.

Trong văn Nam-kỳ có mấy văn ngoài Bắc ta không có, như văn *ư* (thuở) nơi (thuở) *ưon* (nguồn) *ưot* (đứt). Ngoài ta thì bên tiếng ấy đọc và viết *thuở*, *thuởi*, *nguyên*, *đứtt*.

Vì chữ quốc-ngữ ở Nam-kỳ trước lại còn khuyết mất mấy văn đáng lẽ quốc-ngữ có đủ mà hien ra không có. Như tiếng *bang* (chuông kêu) đáng lẽ viết *bang*, mà hien không được vì *bang* đọc là *bang* (văn *phong*). Chính lẽ thì *bang* thì là tiếng chuông kêu; *ong* đáng lẽ phải viết *ông*. *Ong* thì lại đọc phải là:

Đó là mấy nơi khuyết tưởng nên như mà đợi khi nào có dịp thì sửa đi.

Dịp ấy là dịp nào, không ai nói được.

V.

Học cũ học mới

Sự học-hành nước Nam bị đưng gặp buổi giao-thời, học cũ đã mất, học mới chưa thành. Buổi giao-thời là buổi khó, một bước nhăm đi hay trăm năm. Vậy nên phải có phương-truân nhất định, để đưa đường chỉ lối cho mai sau. Mai sau hay cũng bởi lúc này, mai sau dở cũng bởi lúc này. Đến khi đường lối đã thành rồi, có điều gì chệch-lệch muốn đổi cũng khó. Chỉ bằng tiên liệu từ bây giờ để khỏi ân-hận về sau.

Tôi không dám quyết đã tìm thấy đường học mới mai sau. Nhưng tôi thiết tưởng cũng nên xét hỏi duyên cớ gì mà học cũ ta không giữ được nữa, để làm căn cho sự học-hành về sau. Sự đời không có việc gì thốt-nhiên mà sinh ra, việc gì cũng có căn-nguyên, căn-nguyên gần lại có căn-nguyên xa, căn-nguyên xa lại có căn-nguyên xa nữa, mãi cho đến kỳ cùng. Biết rõ căn-nguyên một việc, dần có muốn dự đoán kết-quả việc ấy cũng không đến nỗi sai nhảm lắm.

Cái căn-nguyên thứ nhất sự học-hành nước Tàu trước ta là cái hiệu hư-vấn. Các sự tỵ-hại về sau cũng do một cái căn-nguyên ấy mà ra cả.

Phân học-vấn có thể chia ra làm ba học (1):

Ba học học ấy hẳn Âu-châu đến phát-đạt ngang nhau. Có lý-học, có thực-học, có văn-tự học. Người nào chuyên học văn-tự cũng không cho văn-tự là gồm hết tri-thức người ta, và cũng biết rằng một căn văn hay không thôi, thì chỉ đủ vui thú cho một người ngấm-ngia xướng-vịnh, nhưng không được thực ích gì cho sự học-

hành trong xã-hội. Bởi thế bên Âu-châu học-thuật mỗi ngày một phát-đạt, văn-minh mỗi ngày một tiên-hóa, vì người học hiểu tư-tướng không hiểu hư-vấn, và muốn sự tiên-hóa là do tư-tướng cả.

Các nước phương đông ta thì thực khác. Trong ba học học chỉ chuyên học học thứ ba là học văn-tự. Thời-hở cũng có người chuyên lý-học, thực-học, nhưng không những tư-tướng không phát được điều gì sáng-ý sâu sắc, thường chuộng uân áo huyền-diệu hơn là rõ ràng thực-nghiệm; quan-sát sự-vật cũng không có phép-tic nhất định, mỗi người xét một cách, người nào cũng lấy ý-kiên riêng làm lẽ-thực chính-sắc. Thuận-lý học như ông Lão ông Trang, thì mập-mỡ qui thành ra viên-vàng vô-nghĩa, triết-lý học, luân-lý học như các môn-đồ ông Khổng, thì ti-mi quá không khỏi vưng lam-cương ngũ-thường. — Thành ra nit lại thì chỉ có văn-tự là học kỹ. Bao nhiêu tinh-lực cũng chú vào một việc ấy. Người đi học lấy cái sếp-dặt câu cho song-dôi, tìm những tiếng thực khó, chữ thực lạ, điển-đồ thực xa-xôi, làm cái thú tuyệt phẩm ở đời này. Cái tập-đầy nhảm-uốn mãi thành ra tinh-chất tự-nhiên. Lấy chín quyển sách từ-thư ngũ-kinh làm thánh-thư, cho là Tung-hợp cả các sự-vật trong giới đất, trong loài người. Tiến nho bản đi, hậu nho bản lại, hậu nho nữa lại bản lại liên nho, biện-nạn cho đến vụn nát ra không còn nghĩa lý gì nữa. Trong ba nghìn năm nước Tàu chỉ học « huân-cổ », nghĩa là bản sách cũ, mà sách cũ là từ-thư ngũ-kinh mà thôi. Tinh-thần dụng mãi về một việc ấy cũng phải

(1) Đây là chia pháp ra để tiện cái đi vị căn-ty trong sự học-hành, ch không phải muốn phân loại các môn học.

vụn-vật ti-mi ra, không sáng nghĩ được cái tư-tướng gì lạ, không sáng lập được cái học-thuyết gì mới. Từ đời nhà Hán đến giờ, trong hai nghìn năm nay, nước Tàu không được một người nào gọi được là đại tư-tướng, sáng được với các tây-nho như *Heron, Spinoza, Kant, Comte*, nghĩa là đem cái tư-tướng mới của mình mà thay đổi lại sự học-hành trong nước. Văn-tự chuyên học mãi, chữ mỗi ngày một nhiều, suốt một đời người học cũng không hết được. Học chữ còn chưa đủ, lúc nào học được tư-tướng? Bởi vậy suốt đời chỉ chuyên tập hư-vấn, mà hư-vấn sinh ra hư-tướng, tinh-thần thường theo dip câu văn mộng-du những cảnh bóng-lại không thực.

Một là học các sự-vật ở ngoài hình-tức, nghĩa là những sự-vật mắt không trông thấy, tai không nghe thấy, chỉ ức-lượng được bằng tư-tướng suy-lý mà thôi. — như các môn triết-học (thuán-lý học, tâm-lý học, luân-lý học, văn vân...);

Hai là học các sự-vật ở trong hình-tức, nghĩa là những sự-vật mắt trông thấy được, tai nghe thấy được, có phương pháp thí nghiệm được. — như các môn bác-vật (vật-lý học, hóa-học, văn vân...);

Ba là học văn-tự. Văn-tự bất qui là cái hiệu người ta đặt ra để thông-đạt ý-tư tư-tướng. Các môn học kia có sáng họcch được điều gì cũng như văn-tự mỗi thông truyền đi được, không những trong một đời, nhưng mãi-mãi đến muôn đời về sau. Nhưng ngoài dả việc ấy, văn-tự không còn việc gì nữa. Những môn học kia chủ-ý là để thêm hay thêm biết cho tri-thức người ta, Văn tự chỉ là cái đồ dùng để-lưu truyền cái ý hay ý tốt ấy thôi.

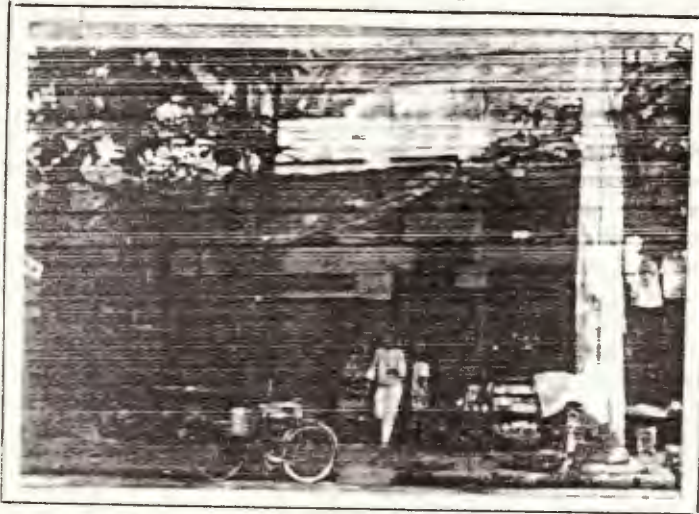
Chính bởi cái hiệu hư-vấn ấy cho nên sự học-hành không tiên-hóa được.

Nước ta còn học lại nước Tàu, thì cái tệ hư-vấn lại còn lại hơn nữa. Điều đó không phải bàn ai cũng rõ.

Vậy bây giờ muốn cho học mới khỏi nhảm như học cũ, thì phải liệt cái tinh-chất hư-vấn ấy đi. Tôi thiết tưởng chỉ có một cách, là đem các lý-tướng làm gòe cho sự học về đời xưa cũng sự học mới thì về đời nay mà thực-giải cho thực rõ-ràng, để mọi người biết cái chỉ-thứ hai sự học ấy, cùng điều gì giống nhau, điều gì khác-nhau, điều gì phân đôi nhau, điều gì dung-hòa được; vì tôi tin rằng sự học mới ta mai sau này là ở cách dung-hòa cái cổ học nước ta với cái tân-học thời nay. Dung-hòa khéo ra thì sự học-hành ta không đến nỗi thất-bản mà cũng không đến nỗi trảm thời.

Vậy tôi định mở ra trong bản báo hai mục mới, đó là « Tân học bình luận » và « Cổ học bình luận ». Trong mục « Tân học bình luận », tôi định xét các lý-tướng làm gòe cho sự học bên Âu-châu thời nay (như văn-minh, tiên-hóa, xã-hội, khoa-học, mi-thuật, tôn-giáo, v. v.). — Trong mục « Cổ học bình luận », tôi định xét các lý-tướng làm gòe cho sự học bên Âu-châu đời xưa (như tam-cương, ngũ-thường, học-nghệ, v. v.).

Muốn khỏi cái tệ hư-vấn thì tiếng gì chữ gì cũng phải phải cái vô hư-vấn ra để lấy ý-tướng chính-sắc. Học-thức chỉ khác thường-thức có một điều ấy thôi. Thường-thức là biết bằng truyền khẩu; Học-thức là biết bằng suy-lý. Truyền khẩu có khi quên khi nhảm. Suy-lý lúc nào suy cũng được, mà có nhảm thì nó rõ ngay ra. Trữ-trị-văn-minh cách nhau cũng là ở cái học-thức nhiều hay là cái thường-thức nhiều. Nước Nam ta bây giờ đưng cần phải nhiều học-thức, và bớt thường-thức đi.



NHÀ 46 PHỐ HÀNG GIẤY HÀ NỘI - NƠI SINH ÔNG NGUYỄN V. VINH



NHÀ Ở GIA ĐÌNH ÔNG NG. VINH TRƯỚC CỦA TRƯỞNG BỒI
(TRƯỞNG CHU VĂN AN - HÀ NỘI)

GIÁO SỬ
TRẦN VIỆT SƠN
SAIGON 1958

PHẦN II

LUẬN ĐỀ

ĐỀ I

Giá-trị của nhóm Đông Dương Tạp Chí
trong nền học Việt Nam.

NHẬN XÉT

Đầu đề rất rộng, có tính cách bao quát. Bởi vậy, cái khó trong bài này là phải biết chọn lấy nét chính, và làm cân đối bài, trình bày cho rõ ràng, sáng sủa, mà bao quát được hết. Cần thận đề chừng quá kéo dài về một vài chi tiết, hoặc về những phần kém quan trọng, để cho bài được cân đối. Phần BÀI LÀM của đề này đã được cố ý làm dài ngoài khuôn khổ thường, để các bạn học sinh dùng làm tài liệu.

DÀN BÀI

Mở đầu.— Nhóm ĐĐTC xuất hiện vào thời kỳ đầu thế kỷ 20, thời kỳ chuyển tiếp từ văn học cũ sang văn học mới.

Thân bài.—

I.— Phân tách sơ lược về thời kỳ đó. Hoàn cảnh và tính chất văn học lúc ấy (phân tách với: mục đích giải thích công việc làm của nhóm ĐĐTC).

II.— Nhóm ĐĐTC là gì? Tờ tạp chí. Các văn gia trong nhóm. Sơ lược công việc đã làm:

- a) Chủ trương của nhóm.
- b) Công việc đã làm theo chủ trương ấy. Các tác phẩm.

III.— Công trạng.

- a) Việc xây dựng tiếng Việt.
- b) Sưu tầm tài liệu giúp cho văn học. Phát huy những cái hay, đẹp của văn học cổ.
- c) Phổ biến văn hóa Đông phương và Tây phương.
- d) Nêu cao nền tảng luân lý và căn bản văn hóa.

IV. — Giá trị.

- a) Cuộc tổng hợp hai nền văn học Đông và Tây.
- b) Ý niệm tiến hóa trong văn học.
- c) Ảnh hưởng thật sự vào nền tảng văn học mới.
- d) Giá trị đó tăng thêm ở tính chất tiên phong của nhóm ĐĐTC giữa một thời phối thai.

Kết luận. —

BÀI LAM

Mở đầu. — Vào lúc bước sang thế kỷ thứ 20, nền tảng văn học cổ truyền của ta, lấy căn bản là Hán học, bị lâm cơn khủng hoảng ghê gớm. Cùng với nền bảo hộ của Pháp, nền Âu học tràn lấn vào, đẩy Hán học bước vào suy tàn. Chính giữa lúc ấy, trong một làng văn nghệ vô cùng thưa thớt, nhóm Đông Dương Tạp Chí đứng ra, lãnh một sứ mệnh tiên phong. Ở một thời kỳ chuyển tiếp, sứ mệnh tiên phong lại càng khó khăn. Bởi thế mà khi xét đến công cuộc của nhóm Đông

Dương Tạp Chí đã làm, chúng ta không thể bỏ quên việc phân tách thời kỳ chuyển tiếp ấy, dù là phân tách rất sơ lược.

Thân bài.

1. — Phân tách sơ lược thời đại của Đông Dương Tạp Chí.

Đã bao nhiêu thế kỷ, nền văn học của ta dựa trên nền tảng Hán học, đã rút tủa những cái hay của nó, để xây dựng sự phồn thịnh cho mình. Nhưng, từ cuối thế kỷ 19, làn sóng Âu hóa tràn đến cùng với cuộc thống trị của người Pháp. Những trường làng của các cụ đồ thay bằng những trường kiêu mới. Bút thép đánh đuôi bút lông, và thứ chữ mới viết bằng mẫu tự La Mã kể chân cho chữ Nho và chữ Nôm. Người ta không còn được học chữ nghĩa thánh hiền, không còn được làm thi phú. Người ta học đọc, học tính, học vẽ, học sử ký, địa dư, học từ loài vật, cò cây đến cái tấu thủy nó chạy . . . và đề rồi cũng đi thi, không phải là thi Hương, thi Hội nữa, mà là thi Tiểu-học, thi Đip-lôm.

Chi khổ và đau đớn một nỗi là ta phải học những cái gì của người Pháp, nhiều hơn là của chính người Việt. Và cá thi đó, thi cũng là đề đi làm, đề cho người Pháp sai khiến.

Các cụ nhà Nho thời đó đã nêu gương khí tiết, tày chay cái học mới, nhưng không cần nòi sự lan tràn của nó, cũng không phá được cái căn bản mà nó đem đặt vào xã hội Việt Nam. Bởi vậy mà kẻ thức thời phải lo ngại: Cái học của Pháp đem lại, tuy dùng một thứ ngữ là chữ Quốc ngữ để học, để viết, tuy có một chương trình thật tế hơn, nhưng nó đã quên mất nền tảng văn hóa Việt Nam, cho nên chúng ta sợ mất gốc, mất tinh thần quốc gia.

Trong lúc chờ dân ta có một sức mạnh chánh trị và thể chất để đánh đổ chế độ Pháp thuộc, ta phải cư xử thế nào cho thích ứng và đừng hại? Dân Việt - cò xưa, đã xử dụng chính những lợi khí của Hán Dân ta lúc đầu thế kỷ 20, có tính lại lá bài xử dụng lợi khí của Tây học, để dựng cờ độc lập lại không? Ở trong cái thời gian đen tối ấy, chúng ta phải nhìn vào công cuộc của các nhà văn học.

2. — Nhóm Đông Dương Tạp Chí là gì?

Mấy người tiên phong, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của đã đi bước đầu tiên từ cuối thế kỷ 19, nhưng chưa gây được tiếng vang nào. Phải đợi đến đầu thế kỷ 20 mới có một phong trào xây dựng Văn học thật sự đáng kể, do nhóm Đông Dương Tạp Chí khởi xướng.

Chúng ta tạm đặt cái tên ấy cho nhóm, vì các nhà văn ấy đã có một cơ quan chính là tờ Đông Dương Tạp Chí. Hồi ấy chẳng như bây giờ. Ngoảnh đi, ngoảnh lại, cũng chỉ có tờ tuần báo ấy, với vài ba tờ báo hàng ngày nữa, do người cùng nhóm chủ trương. Đông Dương Tạp Chí là tờ tạp chí xây dựng Văn học, xuất bản hàng tuần vào ngày thứ năm. Số ra mất đúng ngày 15 tháng 5 năm 1913. Người đứng chủ trương là ông Nguyễn văn Vĩnh, hai nhân vật cộng tác chính là ông Phan Kế Bính và Nguyễn Đổ Mục.

Ông Vĩnh là một nhà Tây học, không biết gì đến Hán học. Ông theo trường Pháp, học tiếng Pháp, hiểu thấu văn hóa Pháp, làm công chức cho Pháp. Nhưng từ ngày sang Pháp và hiểu rõ đời sống xứ người, ông

mang hoài bão kinh doanh và dùng văn học tranh đấu thích ứng với hoàn cảnh. Hai ông Phan Kế Bính và Nguyễn Đố Mục lại khác hẳn : hai ông theo cựu học, không biết gì đến Tây học. Rõ ràng là hai phe cách biệt nhau, thế nhưng ba ông lại ngồi chung với nhau, cùng làm chung một tờ báo, cùng đeo đuổi một mục đích.

Tờ tạp chí là phản ảnh rõ ràng của tình trạng ấy : ông Vĩnh cứ phò biếm những cái hay của Tây học, còn hai ông Bính và Mục cứ phò biếm những cái đẹp của văn học Đông phương. Một phần Hán Văn lại dành riêng để đăng những tác phẩm cũ viết bằng chữ Hán.

Công trình dịch văn, nghiên cứu và nghị luận của ba ông thật là đồ sộ. Kể cho đến ngày nay, có lẽ 3 ông, trong phạm vi của mỗi người, vẫn chiếm kỷ lục viết nhiều và viết công trình.

Chủ trương của nhóm, mới thoát nhận định, thật là giản dị. Trước hết là củng cố địa vị cho chữ Quốc Ngữ, làm cho mọi người tin tưởng ở lối viết mới. Kế đấy là xây dựng tiếng Việt, cho thật chân xác, phong phú và đẹp, để trở nên một lợi khí Văn Học cũng sắc bén như các tiếng khác. Nhưng chỉ xây dựng tiếng và chữ không mà thôi, thì chưa đủ. Tiếng và chữ mới là cái xác, và còn cần đặt linh hồn tốt đẹp vào cái xác đó : cũng bởi vậy mà ông Vĩnh đã phò biếm những tác phẩm Văn Học của nước ngoài, để cho ta làm quen với những thể văn mới, với mọi cách xử dụng tiếng nói. Ông Vĩnh cũng muốn đưa ra những tư tưởng mới để chấm mào một cuộc tiến hóa. Nhưng tiến hóa mà không quên căn bản Hán học với cả một nền văn minh cổ đã làm cho dân tộc Việt trường thành trong bao nhiêu thế kỷ. Cho nên phần cổ học đã được đề cao. Rồi do chỗ đặt cạnh nhau hai nền tảng Văn Học ấy, mà một cuộc kết hợp phải thành hình. Ông Vĩnh ngồi chung với hai ông Bính và Mục, tức là cả nhóm chủ trương một cuộc kết hợp hai nền Văn học Đông và Tây, để do đấy mà dân Việt Nam tạo ra những yếu tố để sống mạnh.

Trong chủ trương đơn giản ấy, mà ta sẽ xét kỹ thêm, ông Vĩnh đã viết những gì ? Ông đã dịch rất nhiều tác phẩm của Pháp : Thơ Ngu Ngôn của La Fon-

taine, Chuyện cò tích của Perrault, Chuyện các danh nhân Hi Lạp và La Mã, và nhiều bộ tiểu thuyết : (Qui-Li-Ve của Swift — (tác giả này người Anh) — Tê-Lê-Mạc phiêu lưu ký của Fénelon ; 3 người ngự lâm, của A. Dumas ; Mai Nương Lệ Cốt, của Abbé Prévost ; Truyện miếng da lừa, của Balzac ; Những kẻ khốn nạn, của Victor Hugo. Ông lại dịch một số hài kịch của Molière như : Bệnh tương, Trưởng giả học làm sang, Người biền lận, Già đạo đức, với một hài kịch của Lesage, nhan đề Tục-Ca-Lệ.

Không phải ông Vĩnh chỉ dịch văn Pháp sang văn Việt, mà ông còn dịch văn Việt và Hán sang văn Pháp, để cho những người Tây học hiểu được những cái hay trong văn học Việt Nam : ông đã dịch rất công phu và giải thích bằng tiếng Pháp tác phẩm bất hủ của Nguyễn Du, cuốn Đoạn Trường Tân Thanh. Hơn thế nữa, ông Vĩnh lại có trữ tác nhiều bài nghị luận, khảo cứu, có tính cách giáo dục và phổ thông văn hóa lịch sử, kinh tế, chánh trị. Mấy tác phẩm đáng kể, như : Xét tât mình ; Phận là m dân ; Chính đôn lại cách cai trị dân xã ; Nhời dân bà.

Ông Phan Kế Bính, trong nhóm Đông Dương Tạp Chí, lãnh công việc phò biếm tư tưởng Đông phương, sưu tầm và dịch những tác phẩm trong văn học cổ của Việt Nam. Ông nghiên cứu và viết ra những tập sử, dã sử, truyện ký, khảo cứu văn học, rất có giá trị. Về loại sử và dã sử, ta phải đề ý các tập Đại Nam Liệt Truyện ; Nam Hải Di Nhân ; Đại Nam Điều Lệ ; Đại Nam Nhất Thống Chí ; Hưng Đạo Đại Vương truyện. Về loại khảo cứu văn minh và văn học Việt Nam, ông Bính có cuốn Việt Nam Phong Tục, và cuốn Việt Hán Văn Khảo. Cuốn "Việt Hán Văn Khảo" này thật là một kho tàng quý giá cho cho những ai muốn tìm hiểu văn học cổ Việt Nam và Đông phương. Trong cuốn đó, ông Bính đã sưu tầm, sắp đặt, và trích dịch các tác phẩm cổ Việt Nam. Công việc sưu tầm ấy, giữa lúc các tài liệu bị dần dần chìm vào lãng quên và sắp sửa mất hết, thật là vô

cùng quý giá. Một sự quý giá nữa, là ông Bính đã dịch những tác phẩm cò một cách rất hay, kè cả khi ông lấy thơ để dịch thơ. Ngày nay, nếu chúng ta còn được thưởng thức và hiểu nhiều áng văn xưa, ấy là nhờ công của ông Phan Kế Bính. Cuối cùng, ta cũng không quên rằng ông Bính đã dịch tác phẩm "Đệ Nhất Tài Tử" của Trung Hoa, là cuốn "Tam Quốc Chí".

Cuối cùng, đến ông Nguyễn Đỗ Mục. Ông Nguyễn Đỗ Mục tung các tiêu thuyết Tàu ra, cũng nhiều như ông Nguyễn Văn Vĩnh tung ra các tiêu thuyết Tây. Vào cái thời mà văn hóa Việt chưa sáng tác chuyện dài, người ta đã ham mê các tiêu thuyết do ông Mục dịch một cách rất khéo, như Song Phương Kỳ Duyên, Tái Sinh Duyên, Tây Sương Kỳ, Đông Chu Liệt Quốc, Hiệp Nghĩa Anh Hùng... Ông còn dịch thêm mấy bộ sách quý trong văn học Tàu, như bộ Khồng Tử Gia Ngữ, Khồng Tử Tập Ngữ, Bách Tử Kim Đan (bộ này trích những bài hay của các văn gia và triết gia Trung Hoa). Ông Mục cũng góp công nghiên cứu văn học Việt Nam bằng cuốn dẫn giải bản Chinh Phụ Ngâm mà ông chú thích rất công phu.

3.— Công trạng của nhóm Đông Dương Tạp Chí.

Với chủ trương sơ lược kè trên, với những tác phẩm và bản dịch soạn rất công phu, với những tập nghiên cứu văn học tường tận, nhóm Đông Dương Tạp Chí đã lập nên những công trạng không nhỏ. Công cuộc rất đồ sộ và có giá trị của nhóm đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng văn học nước nhà.

Ta thử đặt mình vào quang thời gian xưa, lúc bắt đầu thế kỷ. Ta lại tưởng tượng đến sự trống rỗng đen ngòm của tình trạng văn học ta lúc đó. Nếu ta quyết chí xây dựng văn học, ta sẽ làm gì? Cường lại cái học mới chăng? Có lẽ hay đấy, nhưng ta có đủ sức chẳng, một khi ta đã mất quyền chính trị, và trong tay không còn súng đạn? Tất nhiên, ta sẽ phải thật tế hèn, nghĩa là hành động cho thích ứng với tình cảnh. Ta không thể phủ nhận sự quan trọng của

chữ Quốc Ngữ và tiếng nói của chúng ta. Ở thời nào cũng vậy, tiếng nói và chữ viết tối cần đối với cuộc tranh đấu của dân tộc về mọi phương diện. Vậy hãy xây dựng tiếng Việt, nhưng đồng thời phải tỏ chức tiếng nói thành lợi khí đấu tranh, trước hết là đấu tranh về văn hóa. Sưu tầm và tìm hiểu văn học cò để đừng mất gốc, củng cố nền tảng luân lý, phổ biến những tư tưởng trong văn học Đông Phương và Tây Phương, để xây đắp một cuộc tổng hợp có lợi gồm hai nền văn học. Nói đến công cuộc của nhóm Đông-Dương Tạp Chí, phải nhắc nhở đến những diềm ấy.

a) Công cuộc xây dựng tiếng Việt đáng được nhắc nhở trước hết. Nền tảng văn hóa phải dựa vào tiếng nói và chữ viết. Tiếng nói phải rõ ràng, có luật mẹo, diễn tả được mọi ý tưởng cụ thể và trừu tượng, và diễn tả cho hay. Còn chữ viết thì phải rõ ràng và dễ học, dễ để phổ thông. Khi mà chữ viết phổ thông được khắp trong dân tộc, ai ai cũng biết đọc, biết viết, thì văn học sẽ phát triển, và con đường tiến hóa rộng mở ra. Ông Nguyễn Văn Vĩnh đã nhận thức rõ như thế, nên đặt hết tin tưởng vào tiếng Việt và chữ Quốc Ngữ viết theo mẫu tự La-Mã. Trong lời tựa tập tiêu thuyết dịch "Tam Quốc Chí", ông Vĩnh có viết: « Nước ta, mai sau này hay dở cũng ở chữ Quốc Ngữ ». Lời nói hàm một nghĩa mai sau hoặc hay, hoặc dở, nhưng trong trí ông chỉ có một tin tưởng là xây đắp được tiếng Việt thì nước ta hay.

Để làm cho chữ Quốc Ngữ được phổ thông, những tác phẩm dịch ra, cần phải hay, vui, hấp dẫn, người đọc càng ham thì chữ viết càng thông dụng. Những tiêu thuyết chọn lọc của Tây Phương, của Đông Phương, bởi thế mà đã được đem ra dịch vì sự hấp dẫn của chúng. Những chuyện: 3 Người Ngự Lâm, Những Kẻ Khốn Nạn, Tam Quốc Chí, Song Phương Kỳ Duyên, ... quả là đã hấp dẫn và còn hấp dẫn mãi. Những chuyện ấy, suốt một thời, cũng đã là đầu đề bàn tán cho bao gia đình!

Nhưng không phải chỉ dịch cho xuôi tai mà được.

Ngay trong lúc này, vẫn còn có những dịch giả và những nhà xuất bản cho ra những cuốn sách dịch rất tồi tệ, văn viết không thành câu. Cái lỗi nặng ấy, đã bị nhóm Đông Dương Tạp Chí cố gắng tiêu diệt đến cùng. Các ông Vĩnh, Bính, Mục, mỗi khi dịch, đều cố gắng dịch cho đúng, lời văn cho thật hay, cố tìm những tiếng đúng để dịch, để làm cho tiếng Việt phong phú thêm mãi. Lúc đầu thế kỷ, không ai tin rằng tiếng Việt lại có thể dịch được truyện Tàu, truyện Tây, cùng những sách luận thuyết của ngoại quốc. Vậy mà 3 ông trong nhóm Đông Dương Tạp Chí đã chứng minh trái lại, để cho mọi người tin tưởng vào tiếng Việt.

Công cuộc ấy không phải ngay phút đầu mà đã thành. Chính ông Vĩnh đã dò dẫm lâu dài, lúc đầu còn viết những câu ngớ ngẩn, sau mới luyện được thứ văn điêu luyện, vững vàng. Hai ông Bính và Mục, nhất là ông Bính, cũng đều tạo được thứ văn đều đặn, phong phú, tự nhiên.

Điều đáng quý nữa trong công trình dịch văn của mấy ông, là một sự cố gắng rất bền bỉ: hàng chục năm trường, luôn luôn chúng ta thấy các ông viết văn rất cần thận, cân nhắc từng tiếng, từng dấu... Thật đúng hành động của những người quyết chí xây dựng tiếng nói.

b) *Sưu tầm tài liệu văn học.*—

Một công trình thứ hai, rất đáng quý, là công cuộc sưu tầm tài liệu văn học Việt Nam, phát huy những cái hay cái đẹp trong nền văn hóa cổ nước nhà. Công cuộc này ở thời nào cũng quý. Riêng ở thời đầu thế kỷ 20, nó lại càng quý giá gấp bội, vì nó cứu vãn đúng lúc cho biết bao nhiêu tài liệu cổ đương bị thời thế tiêu hủy.

Công trình sưu tầm của nhóm Đông Dương Tạp Chí cũng hõ sộ như đám tiêu thuyết dịch. Như vậy càng tỏ rằng chương trình sưu tầm đã được suy tính kỹ càng. Ở đây, ta lại thấy rằng nhóm Đông Dương Tạp Chí không phải chỉ sưu tầm mà thôi, mà còn nghiên cứu, còn dịch văn nữa. Trong cuộc nghiên cứu, nhóm văn học này đã chú thích, giảng giải, sắp đặt các tác phẩm cò, lại phân tách những nguyên tắc dụng văn xưa.

Kể đây, đến cuộc dịch văn cò. Dịch tiêu thuyết và kịch còn tương đối dễ, chứ dịch những bài văn cò của các nhà triết học, những bài thơ cò viết bằng Hán văn, thì thật là khó. Tuy thế, nhóm văn gia này đã thành công. Những bài dịch thơ cò của Ông Phan Kế Bính đều đáng nên chú ý, cũng như người ta đã chú ý bản Chinh Phụ Ngâm do bà Đoàn thị Điểm dịch.

Trong công cuộc sưu tầm tài liệu văn học cò của ta, ông Phan Kế Bính đã đóng góp nhiều nhất. Ông đã dịch hết mấy bộ sử lớn (Đại Nam Nhất Thống Chí, Đại Nam Liệt truyện, v.v...). Ông lại có bộ Việt Hán Văn Khảo, nghiên cứu đủ các lối văn xưa, và sưu tầm các tác phẩm cũ của nhiều văn gia, thi sĩ. Ông Nguyễn Văn Vĩnh nghiên cứu truyện Kiều. Ông Nguyễn Đố Mục, bản dịch Chinh Phụ Ngâm. Cả ba ông đều có góp phần sưu tầm tài liệu văn học, mỗi ông có một vẻ đặc biệt.

c) *Phổ biến văn hóa Đông phương và Tây phương.*

Cái mới lạ trong thời đó, là nhóm Đông Dương Tạp Chí đã đứng ra phổ biến văn hóa Tây Phương. Không phải tất cả mọi người đều khen sáng kiến này; trái lại cũng có người chê công việc ấy. Nhưng nhóm Đông Dương Tạp Chí đã đồng thời làm một công việc hết sức rõ ràng: công việc phổ biến văn hóa Đông Phương, nói chung, và văn hóa cò Việt Nam, nói riêng. Hơn thế, xem ra phần phổ biến văn hóa Đông Phương còn rộng rãi và được coi trọng hơn phần phổ biến văn hóa Tây Phương.

Để chứng minh câu nói đó, chúng ta có thể nhìn vào phần dịch của ông Nguyễn Văn Vĩnh: ta sẽ chỉ thấy ông thiên về một khía cạnh nào mà thôi: ông chỉ chuyên về tiêu thuyết, lại chọn mấy tiêu thuyết hấp dẫn, và những tiêu thuyết ấy chưa phải là đã tiêu biểu cho nền văn học Pháp. Ông đã bỏ qua đi bao nhiêu ngành khác, bi kịch, thơ, luận thuyết, văn châm biếm, văn phê bình, v.v... không nhắc nhở đến. Còn trái lại, ông Nguyễn Đố Mục, khảo về văn học cò Việt Nam và Đông Phương, đã nghiên cứu khá tường tận và đầy.

đủ, đã sắp đặt thành một hệ thống văn học sử, đã dẫn giải cả đến những phép làm văn, và cũng đã sưu tầm và dịch mọi loại văn của mọi tác giả ở phương Đông, Ông cũng không quên nghiên cứu về sử và đưa ra nhiều tập danh nhân truyện ký. Như chúng ta đã nói, tập Việt Nam Văn Khảo của ông thật là một kho tàng quý giá cho những ai muốn nghiên cứu văn học Việt Nam và Trung Hoa. Mọi loại văn, mọi tác giả, được nói ra trong cuốn sách đó, lại phân ra từng thời kỳ, kèm theo những tác phẩm cũ được dịch rất cẩn thận.

d) *Nêu cao nền tảng luân lý và căn bản tinh thần của ta.* — Công cuộc của nhóm Đông Dương Tạp Chí sẽ không đầy đủ, nếu không chăm chú đến mục đích xây dựng tinh thần cho dân tộc. 3 ông Vĩnh, Bính, Mục trong cuộc nghiên cứu văn học, đã không quên điều ấy. Nêu cao một nền tảng luân lý để mọi người noi theo, xây dựng căn bản tinh thần dân tộc, mở mang kiến thức đồng bào, đây là những yếu tố để tạo nên đời sống vững bền, đương cự lại những ảnh hưởng của các tư tưởng cá nhân, yếm thế, truy lạc, v.v... do chế độ thực dân đem lại.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh đã đặc biệt viết những bài luận thuyết huấn luyện tinh thần người dân Việt. "Xét tật mình", "Phận làm dân", "Chỉnh đốn lại cách cai trị dân xã", "Nhời đàn bà", là những tác phẩm thuộc loại này.

Ông Phan Kế Bính, đã đem ra những gương sáng trong lịch sử cho mọi người soi. Chúng ta đều biết lịch sử có một hiệu lực giáo dục rất lớn. Như vậy, những cuốn "Đại-Nam Liệt-Truyện", "Nam-Hải Di-Nhân", "Hưng-Đạo Đại-Vương Truyện", "Đại-Nam Nhất-Thống-Chí", cùng các bản dịch văn cổ Việt-Nam có tính cách giáo dục, đều là những cuốn ích lợi thật tế. Tập "Việt Nam Phong Tục" có mưu vọng duy trì những thuần phong mỹ tục trong lúc dân tộc trải qua cơn diên đảo.

Ông Nguyễn Đỗ Mục, trong mục đích này, có góp 2 cuốn "Không Tử Gia Ngữ", và "Không Tử Tập

Ngữ", ghi chép những lời dạy của ông Không. Ông Mục cũng không quên dịch những tiểu thuyết giáo dục (như cuốn "Vô Gia Đình"). Đến như cuốn "Đông Chu Liệt Quốc", thì thật là có tính cách mở mang trí thức đặc biệt, kể cả cho những người tranh đấu cách mạng và chánh trị.

Những công cuộc ấy, tự nó, đã nói lên được những giá trị đặc biệt của Đông Dương Tạp Chí. Bởi thế cho nên chúng ta chỉ cần phân tách thêm một ít điều nữa thôi.

4.— Giá trị.

Nhóm Đông Dương Tạp Chí đã quan niệm được rõ ràng vai trò tiên phong của mình trong một giai đoạn lịch sử khó khăn. Phải nhận rằng nhóm đó đã hội hiệp hai nền văn học Đông và Tây để lấy làm yếu tố gây một cuộc tiến hóa trong văn học. Sự cố gắng rất đều và rất kiên nhẫn của nhóm đó suốt mấy chục năm đã gây được những ảnh hưởng thật sự và góp phần xây dựng văn học mới. Chúng ta hãy xét coi chương trình ấy và công cuộc ấy đạt được những giá trị nào.

a) *Cuộc hội hiệp hai nền văn học Đông và Tây.*

Các cụ Nho xưa, vào thời đó, có phản đối nền giáo dục mới do Tây Phương đem lại, thì cũng chỉ có việc nêu gương khí tiết, bất cộng tác với những người đi tìm địa. Nhưng rồi đi đến đâu? Thanh niên, thiếu nhi Việt vẫn bị Tây Phương nhồi sọ mãi, trong lúc các cụ cứ khoanh tay, thế tất phải đến một ngày mà tư tưởng Tây Phương tràn ngập cả, trong lúc tinh thần cổ học bị tiêu diệt hết. Đương cự với văn hóa Tây Phương, phải dựa vào tình thế và tích cực thật sự mới được.

Thời ấy, nếu chỉ biết văn học phương Đông, gạt bỏ văn học Âu Tây, thì sức ta không làm nổi. Vì sao? Vì Tây nắm quyền, vì Tây nắm hết trường học...

Nếu ta chỉ biết đến văn hóa Tây, và đập đổ luôn văn hóa phương Đông, thì công cuộc sẽ dễ dàng, nhưng ta lại sẽ thành vong bản cả.

Đĩ nhiên, cách tốt nhất là hòa hiệp cả hai nền văn

hóa, rút tĩa ra những cái gì hay nhất, để lấy làm yếu tố tiến hóa cho dân ta. Trong lúc nền học cổ, quá trọng từ chương, chạy theo những cái viên vông, đã thất bại trước nền học Thái Tây thực tế hơn, ta không thể bầu víu mãi vào một nền tảng đã lỗi thời. Ta phải biết đến khoa học, đến những yếu tố nhân chủng, địa lý, kinh tế, tâm lý, chế ngự cuộc sống, những cái mà nền học cũ đã bỏ qua. Nhưng trái lại, ta cũng phải phòng ngừa những tập tục phóng túng của Tây Phương. Nói đến tập tục, luân lý, tổ chức gia đình, xã hội thì ta lại không thể nào bỏ qua được nền tảng cổ học, đã làm cho xã hội ta bền vững suốt bao thế kỷ.

Cho nên đường lối tổng hợp hai nền văn hóa Đông, Tây có một giá trị gần như tuyệt đối. Cho đến bây giờ, cũng không thể phủ nhận được đường lối đó. Qua những chương trình hoạt động văn hóa của Liên Hiệp Quốc, của các tổ chức văn hóa Quốc tế, chúng ta thấy rằng cuộc tổng hợp hai nền văn hóa vẫn được đặt lên hàng đầu. Các nhà văn hóa Việt Nam, từ thời Đông Dương Tạp Chí trở về sau, vẫn luôn luôn noi theo phương châm duy nhất ấy. Như hồi 1940—1945, trong lúc nhân dân náo nức về những cuộc tranh đấu chánh trị được chuẩn bị, thì các nhà văn hóa cũng không quên lấy nền tảng luân lý cổ học để chế ngự những tư tưởng phóng túng cá nhân của Tây Phương. Và ngày nay, đã cởi mở được ách thực dân rồi, chúng ta lại càng quyết chí tổng hợp hai nền văn hóa, chúng có là các chương trình giáo dục nhà trường: cũng làm vậy.

b) Chủ trương tiến hóa.

Tổng hợp hai nền văn học, chính là đề tiến hóa. Người đương thời có thể lấy làm lạ về những cái cách mà cho rằng nhóm Đông Dương Tạp Chí đã mưu đồi mới hết. Nhưng thật sự thì không phải. Chữ Quốc Ngữ, tiếng Việt, văn phạm mới, những lẽ lối dụng văn mới, bộ "Âu Tây Tư Tưởng" đây là những cái mới đề đảo lộn cái cũ, — nhưng tất cả những cái cũ lại được duy trì một cách vô cùng kiên nhẫn, trong phần chữ Hán và những bản dịch, những bài nghiên cứu

trong tinh thần luân lý cổ.

Cái tiến hóa ấy, là tiến hóa khôn khéo vậy. Nền văn học Việt Nam nhờ đây mà phong phú hơn lên, lại không bị mất gốc. Đặc biệt quý giá, là sự xây dựng cho chữ Quốc Ngữ và tiếng Việt.

c) Những ảnh hưởng thật sự của nhóm Đông Dương Tạp Chí vào nền tảng văn học mới.

Có phân tách những ảnh hưởng của nhóm, lại đem so sánh với những sự trạng văn học về sau, mới có được ý niệm rõ ràng về giá trị của công cuộc mà 3 nhà văn tiền phong ấy đã tạo nên.

Quả như lời ông Nguyễn Văn Vĩnh đã nói, chữ Quốc Ngữ đã đạt được địa vị hoàn toàn vững chắc. Bây giờ thì đã chắc chắn rằng thứ chữ đó được sống mãi mãi cùng với dân tộc Việt.

Trải qua bao nhiêu biến cố lịch sử, chữ Quốc Ngữ đã bộc lộ hết khả năng của nó. Nó phơi mình trên hàng ngàn, vạn tác phẩm. Nó sống với từng đợt chối dậy của dân tộc đề đoạt quyền độc lập. Nó lan tràn khắp chợ cùng quê. Hàng trăm nhà trí thức tận lực xây đắp cho nó thừa khả năng về khoa học, về kinh tế. Có thể nói: «Đã đến lúc mà toàn thể dân tộc đều biết nó, bởi vì các Hội Truyền Bá Quốc Ngữ, Bình Dân Học Vụ, chánh quyền v.v... đều kiên nhẫn tiếp tục truyền bá nó đi khắp. Tất cả tiếp tục cái công cuộc mà nhóm Đông Dương Tạp Chí đã làm. Như thế chẳng phải là giá trị cho công việc của nhóm hay sao ?

Sau Đông Dương Tạp Chí, vào khoảng từ 1930 trở đi, văn học mới ở Việt Nam phần thịnh đặc biệt. Mọi loại văn được trau dồi, tác phẩm sản xuất ra nhiều hết sức. Tiềm thuyết dài đủ mọi loại, phóng sự, thơ mới, luận thuyết, tác phẩm dịch, văn trào phúng, tác phẩm nghiên cứu, cả đến báo chí cũng thịnh hành, như vậy đủ tỏ cái giá trị của Đông Dương Tạp Chí, bởi công việc mà nhóm đó làm đã được tiếp tục một cách tốt đẹp, nghĩa là ít ra cũng đã gây được tiếng vang, nếu không phải là trực tiếp ảnh hưởng vào tất cả giai đoạn văn học sau đây.

Sau các ông Vĩnh, Mục, Bình, văn học Việt Nam cũng có đôi lúc qua những cơn khủng hoảng trầm trọng. Nhưng đây là do chế độ thực dân đã gây ra những trào yếm thế, tài hoa son trẻ, ảnh hưởng tệ hại vào tư tưởng người Việt. Đến đây, ta mới thấy cái quý giá của nhóm ông Vĩnh: vì mỗi lần gặp trào cá nhân, truy lạc trong văn học, người Việt lại phản ứng lại, và sự phản ứng không ngoài việc nghiên cứu và phổ biến văn học cò đề xây dựng lại tinh thần bạc nhược. Tỷ dụ như hồi 1938 trở đi, trào nghiên cứu sử liệu và văn học cò đề nổi dậy, và, may thay, các nhà nghiên cứu hồi đó đã nhờ được các tài liệu sưu tầm của nhóm Đông Dương Tạp Chí mà giải tiện công việc được rất nhiều. Khác nào như nhóm đó đã tiên liệu cả đến những cơn khủng hoảng tinh thần ấy, đề chế sẵn một thứ thuốc trị.

Và, đến ngày nay, nước nhà được tự do đã ấn định chương trình giáo dục. Chương trình này đã đề cao nền văn học cò. Đúng là theo chủ trương của ông Vĩnh và các văn hữu của ông.

d) Một công trình giá trị như thế, lại càng tỏ ra có giá trị hơn, vì nó đã được xây dựng trong một thời phiêu thai. Là những người tiên phong, trong một thời có thể gọi là tăm tối, mà xây dựng nhiều đến như thế, lại đúng được đường lối như thế, thật là đáng quý!

Kết luận.—

Tóm lại, nhóm Đông Dương Tạp Chí, với các ông Nguyễn Văn Vĩnh, Phan Kế Bính, Nguyễn Đỗ Mục, đóng vai trò tiên phong, đã lập nên những công trạng đáng kể, có một sự nghiệp văn học giá trị ảnh hưởng rất nhiều đến những giai đoạn về sau. Ngày nay, nền tảng giáo dục và văn học của nước nhà dựa trên việc biêu dương tinh thần cò với những cái hay của văn hóa cũ, đồng thời lại phổ biến rộng rãi nền Âu học, đã thừa chứng tỏ rằng công việc của nhóm ông Vĩnh đáng được trọng vọng.

Mục Lục

<u>Lời nói đầu :</u>	85 Năm Đ DTC	Trang
Cuộc Cách Mạng Chữ Viết		
1- Đã có mặt trong "Đăng Cổ Tùng Báo" Nhời đàn bà thường xuyên có mặt trở lại trên Đ DTC từ số 5		3-5
2- Cái hay của đàn bà là biết mình biết ta, biết trách người đấy nhưng cũng biết tự trách mình.	Đ DTC số 6	6-7
3- Vấn đề sinh đẻ phải là mối quan tâm hàng đầu.	Đ DTC số 6	7-8
- Cái cách việc sinh đẻ là quan trọng	Đ DTC số 8,9 và 11	8-12
4- Tiếp theo việc giáo dục con cái ra sao?	Đ DTC số 12	13-15
- Đầu tiên phải nói đến việc nuôi dưỡng đứa trẻ sơ sinh là nhiệm vụ hàng đầu của các bà mẹ	Đ DTC số 7	15-17
- Dạy con từ thuở còn thơ là nhiệm vụ chủ yếu của người mẹ	Đ DTC số 10- 14	17-20
5- Bây giờ nói đến những vấn đề riêng của các bà	Đ DTC số 14	20-23
- Quan trọng hơn ở người đàn bà VN là làm sao có đủ bốn đức : công, dung, ngôn, hạnh	Đ DTC số 15	23-24
	Đ DTC số 16	25-27
6- Thật đáng khen lòng từ thiện Đ DTC số 17		27-28
7- Tết Trung thu thật là cái tết văn minh của dân tộc	Đ DTC số 17	28-29
8- Phải chăng việc các bà mùa may, đồng bóng ở các Hội đền cũng là một phong trào tốt đẹp nên duy trì?	Đ DTC số 19	28-29
	Đ DTC số 20	30-31
9- Cái tệ "Con sáu đồ đầu nổi canh"	Đ DTC số 21	31-32
10- Câu chuyện làm vợ	Đ DTC số 22	32-33
11- Nữ độc giả bắt đầu lên tiếng, trong "NDB"		
-Cò Nguyễn thị Bồng	Đ DTC số 29	34-35
- Cò Phạm thị Mai	Đ DTC số 30	35-36
-Đào thị Loan đáp lại	Đ DTC số 31	37-38
(TIẾP THEO TRANG 45)		(CÒN NỮA)